

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 130, Chúa Nhật 17.10.2010

MỤC LỤC

ĐỨC GIÊSU ĐĂNG CỨU THỂ: LOAN BÁO ƠN HUỆ	ĐTC. Gioan Phaolô 2
"CHA MẸ LÀ CÁC LINH MỤC TẠI GIA"	Phó tế: JB. Maria Nguyễn Văn Định
LINH MỤC PHẠM TỘI CÔNG KHAI	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh,
M.D.	
GIÁO HỘI, cụ thể là giáo sĩ, tu sĩ có thực sự sống cái nghèo của Phúc Âm chưa?	Lm. Ngô Tôn
Huân	
NGỤ NGÔN THỜI BẮN LOẠN (KỲ 14 và 15)	Gioan Lê Quang Vinh
DÒNG LỆ HƯƠNG GIANG (Kính nhớ Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê)	Xuân Ly Bằng
Người Tín Hữu Giáo Dân trong Công đồng Vatican II (phần 1)	Tiến sĩ Nguyễn Học
Tập	
KỸ NĂNG CHUYÊN BIỆT: LINH HƯỚNG (t. theo)	Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss
CÂY KIỂM GỖ	Br. Huynhquảng
BÍ QUYẾT ĐỂ GIỮ CHỒNG	Lm. Minh Anh, tổng hợp
THỜI SỰ Y HỌC	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
M.D.	
LÒNG THAM -	Chuyện phiếm của Gã Siêu

ĐỨC GIÊSU ĐĂNG CỨU THỂ: LOAN BÁO ƠN HUỆ

TÔNG HUẤN "GIÁO HỘI TẠI Á CHÂU" (ECCLESIA IN ASIA)

Nguồn: <http://www.simonhoadalat.com>

CHƯƠNG IV

ĐỨC GIÊSU ĐĂNG CỨU THỂ: LOAN BÁO ƠN HUỆ

Vị trí Ưu Tiên của Việc Loan Báo

19. Ở ngưỡng cửa ngàn năm thứ ba, tiếng Đức Giêsu phục sinh lại vang dội trong tâm hồn mỗi người Kitô hữu: "Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy họ tuân giữ mọi điều Thầy truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28,18-20). Xác tín vào sự giúp đỡ liên lỉ của chính Đức Giêsu cũng như sự hiện diện và quyền

năng của Thần khí của Người, các tông đồ ra đi tức khắc sau lễ ngũ tuần để hoàn thành lệnh truyền này: "các Tông Đồ ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng hoạt động với các ông" (Mc 16,20). Những gì các ông loan báo có thể tóm tắt trong những lời Thánh Phaolô: "Bởi chúng tôi không rao giảng chính mình, mà chỉ rao giảng Đức Kitô Giêsu là Chúa; còn chúng tôi, chúng tôi chỉ là tôi tớ của anh em, vì Đức Giêsu" (2 Cr 4,5). Được chúc phúc với ơn đức tin, Giáo Hội, sau 2000 năm, tiếp tục ra đi gặp gỡ các dân tộc của thế giới, để chia sẻ cho họ Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô. Giáo Hội là một cộng đồng rực cháy sự hằng say truyền giáo, để làm cho Đức Giêsu được biết, yêu mến và đi theo.

Không thể có Phúc Âm hoá thực sự mà không có loan báo công khai về Đức Giêsu là Chúa. Để trả lời cho một sự lầm lẫn về bản tính chân thật của sứ mạng Giáo Hội, thì Công Đồng Vatican II và huấn quyền từ đó, đã luôn luôn nhấn mạnh vị trí ưu tiên của việc rao giảng về Đức Giêsu Kitô trong mọi hoạt động Phúc Âm hoá. Như Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã minh nhiên viết rằng "không thể có việc Phúc Âm hoá thật nếu danh xưng, lời giảng dạy, sự sống, những lời hứa, vương quốc và mẫu nhiệm Đức Giêsu thành Nadareth, Con Thiên Chúa, không được loan báo" (66). Đó là điều các thế hệ Kitô hữu đã làm suốt bao thế kỷ. Với một sự hãnh diện có thể hiểu được, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhắc lại rằng: "Nhiều cộng đoàn Kitô hữu tại Á Châu đã gìn giữ đức tin của mình suốt bao thế kỷ dẫu trải qua những đau khổ lớn lao, và đã bám trụ vào gia sản thiêng liêng này với sự kiên trì dũng cảm. Đối với họ, chia sẻ kho tàng lớn lao này là một niềm vui lớn và cấp thiết" (67).

Đồng thời, các vị tham gia Hội nghị đặc biệt đã xác nhận không biết bao nhiêu lần sự cần thiết tái dẫn thân vào việc rao giảng Đức Giêsu Kitô chính trên lục địa đã thấy khởi sự việc rao giảng này cách đây 2000 năm. Những lời thánh Phaolô Tông đồ lại càng trở nên nhức nhối hơn, bởi lẽ nhiều người trên lục địa này chưa bao giờ gặp được con người Đức Giêsu cách rõ ràng và ý thức: "Tất cả những ai kêu cầu Danh Đức Chúa sẽ được cứu thoát. Thế nhưng làm sao họ kêu cầu Đấng họ không tin? Làm sao họ có thể tin Đấng họ không được nghe? Làm sao mà nghe nếu không có ai rao giảng?" (Rm 10,13-14). Câu hỏi lớn mà Giáo Hội tại Á Châu đang giáp mặt là *làm sao* chia sẻ với các anh chị em tại Á Châu về kho tàng chúng ta có, như là một ân huệ chứa đựng tất cả các ân huệ khác, đó là Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô.

Loan Báo Đức Giêsu Kitô tại Á Châu

20. Giáo Hội tại Á Châu tha thiết hơn với công tác rao giảng, vì biết rằng "nhờ hoạt động của Thần Khí, đã có saün nơi các cá nhân và các dân tộc một sự mong chờ, cho dầu vô ý thức, mong chờ được biết chân lý về Thiên Chúa, về con người, và về cách thức thoát khỏi tội lỗi và sự chết" (68). Sự nhấn mạnh đến việc rao giảng đó không bị thúc đẩy bởi áp lực các bè phái, cũng không phải bởi tinh thần xúi nhập đạo, cũng không phải do ý thức tự tôn nào cả. Giáo Hội rao giảng Tin Mừng vì vâng lời lệnh truyền của Đức Kitô, biết rằng mọi người có quyền nghe Tin Mừng của Thiên Chúa, Đấng mạc khải và hiển mình trong Đức Kitô (69). Làm chứng về Đức Giêsu Kitô là công việc phục vụ cao cả nhất mà Giáo Hội có thể trao tặng cho các dân tộc Á Châu, bởi vì việc đó đáp ứng với sự ước mong sâu xa của họ được gặp Đấng Tuyệt Đối, và nó cũng vén mở những chân lý và những giá trị bảo đảm sự phát triển toàn diện con người.

Vì ý thức sâu xa đến tính phức tạp của rất nhiều hoàn cảnh khác nhau tại Á Châu, và phải "nói sự thật trong tình bác ái" (Ep 4,15), nên Giáo Hội loan báo Tin Mừng với lòng kính nể và tôn trọng đầy yêu thương đối với thính giả của mình. Việc loan báo mà tôn trọng các quyền của lương tâm thì không xúc phạm tự do, bởi vì đức tin luôn đòi hỏi một sự đáp trả tự do về phía cá nhân (70). Tuy nhiên sự kính trọng không loại đi sự cần thiết phải rao giảng công khai Tin Mừng trong sự toàn vẹn của nó. Cách riêng trong bối cảnh nhiều nền văn hoá và tôn giáo tại Á Châu, phải nêu rõ rằng "không phải sự kính nể và tôn trọng các tôn giáo này, cũng không phải tính phức tạp của các vấn đề nảy sinh, là một lời mời gọi Giáo Hội rút lui khỏi sự rao giảng Đức Giêsu cho những người không Kitô hữu này" (71). Khi viếng thăm Ấn Độ năm 1986, tôi đã phát biểu rõ ràng rằng: "việc Giáo Hội tiếp xúc với các tôn giáo khác là một tiếp xúc đầy kính trọng chân thành...Sự kính trọng này có hai mặt: kính trọng đối với con người khi họ tìm câu trả lời cho các vấn đề sâu xa nhất về cuộc sống của họ, và sự

kính trọng đối với hoạt động Thần Khí trong con người" (72). Thật vậy, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng saun sàng nhìn nhận hoạt động của Thần Khí trong các xã hội, văn hoá và tôn giáo Á Châu, nhờ đó mà Chúa Cha chuẩn bị tâm hồn cho các dân tộc Á Châu đón nhận đầy đủ sự sống trong Đức Kitô (73).

Trong các cuộc thăm dò trước khi họp Thượng Hội Đồng, nhiều Giám Mục Á Châu nhắc đến *các khó khăn khi rao giảng Đức Giêsu như Đấng Cứu độ duy nhất*. Trong Hội Nghị, hoàn cảnh được diễn tả như vậy: "Một số người theo các tôn giáo lớn tại Á Châu, không có vấn đề gì khi chấp nhận Đức Giêsu như một hiển hình của Thần Thánh hay Đấng Tuyệt Đối, hay là một minh chủ (enlightened one). Nhưng đối với họ thật khó mà công nhận Người như một hiển hình duy nhất của Thiên Chúa" (74). Thật thế, nỗ lực chia sẻ ơn huệ đức tin vào Đức Giêsu như Đấng Cứu Độ duy nhất, gặp đầy dẫy những khó khăn về phương diện triết học, văn hoá và thần học, đặc biệt trong ánh sáng của những niềm tin của các tôn giáo lớn tại Á Châu, đan kết sâu xa với các giá trị văn hoá và những lối nhìn riêng biệt về thế giới.

Theo ý kiến của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, cái khó là do sự kiện Đức Giêsu thường bị coi xa lạ với Á Châu. Điều nghịch lý là phần lớn người Á Châu có khuynh hướng nhìn Đức Giêsu -sinh ra trong phần đất Á Châu- như là một nhân vật Âu Châu hơn là Á Châu. Việc rao giảng Tin Mừng do các nhà truyền giáo Âu Châu chịu ảnh hưởng bởi các nền văn hoá nơi các Ngài phát xuất là điều không thể tránh được. Các nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã công nhận đó là sự kiện không thể tránh được trong lịch sử truyền giáo. Đồng thời các Nghị Phụ trong dịp này "bày tỏ cách hết sức đặc biệt lòng biết ơn của các ngài đối với tất cả các vị thừa sai, nam cũng như nữ, tu sĩ cũng như giáo dân, ngoại kiều hay bản xứ, đã mang đến sứ điệp của Đức Giêsu Kitô và ơn huệ đức tin. Một lời cảm ơn đặc biệt nữa phải được biểu lộ đối với những Giáo Hội địa phương đã sai và còn sai các vị thừa sai đến Á Châu" (75).

Những nhà truyền giáo có thể tin tưởng, dựa vào kinh nghiệm của thánh Phaolô, vị đã lao mình vào cuộc đối thoại với những giá trị mang tính triết học, văn hoá và tôn giáo của những thính giả (x. Cv 14, 13-17; 17, 22-31). Chính các công đồng chung của Giáo Hội, khi soạn thảo những công thức đức tin của Giáo Hội, đã phải sử dụng những vốn ngôn ngữ, triết học, văn hoá mà họ có trong tầm tay. Như vậy, những vốn đó trở thành một tài sản chung của toàn thể Giáo Hội, có khả năng phát biểu học thuyết Kitô của mình một cách xứng hợp và phổ quát. Chúng thuộc về gia tài đức tin, mà ta phải chiếm hữu và không ngừng chia sẻ lại khi gặp gỡ với các nền văn hoá khác nhau (76). Như vậy sứ vụ rao giảng Đức Giêsu theo một cách thức làm cho các dân tộc Á Châu được đồng hoá với Người, đang khi vẫn trung thành với giáo thuyết thần học của Giáo Hội và với những nguồn gốc Á Châu của mình, sứ vụ đó là một thách đố tột bậc.

Việc trình bày Đức Giêsu Kitô là một Đấng Cứu Độ duy nhất, cần phải theo một *khoa sư phạm*, từng bước dẫn đưa dân chúng đến việc đón nhận trọn vẹn mầu nhiệm. Rõ ràng là việc loan báo Tin mừng lần đầu tiên những người không kitô hữu, và việc rao giảng Đức Giêsu tiếp theo đó cho những kẻ tin, phải khác nhau trong cách tiếp cận. Trong lần loan báo đầu tiên, chẳng hạn, "có thể trình bày Đức Giêsu Kitô như sự hoàn thành những khát vọng được diễn tả trong các thần thoại và văn học dân gian của các dân tộc Á Châu" (77). Nói chung, phương pháp kể chuyện, quen thuộc với văn hoá Á Châu, thì đáng được dùng ưu tiên. Quả thực, việc rao giảng Đức Giêsu Kitô có thể có hiệu quả nhất bằng cách kể lại câu chuyện về Người, như sách Phúc Âm làm. Các khái niệm hữu thể học có liên quan, mà phải luôn luôn được hàm ý và diễn tả khi đang trình bày về Đức Giêsu, có thể được bổ sung nhờ những viễn tượng có tính cách tương quan, lịch sử và cả đến tính vũ trụ. Các Nghị Phụ lưu ý, Giáo Hội phải cởi mở với những phương cách mới và gây ngạc nhiên, nhờ vậy mà gương mặt Đức Giêsu có thể được trình bày tại Á Châu (78).

Thượng Hội Đồng khuyến cáo rằng việc dạy giáo lý tiếp sau đó, phải theo "một khoa sư phạm có tính gợi ý, sử dụng những câu chuyện, những dụ ngôn và những biểu tượng rất đặc trưng của phương pháp giảng dạy Á Châu" (79). Sứ vụ của chính Đức Giêsu cho thấy rõ giá trị của việc tiếp xúc cá nhân, điều này đòi hỏi nhà truyền giáo phải lưu tâm đến hoàn cảnh người nghe, để có thể cố gắng hiện một sự loan báo tương xứng với trình độ trưởng thành của người nghe, qua một hình thức và ngôn ngữ xứng

hợp. Trong viễn tượng này, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhiều lần đã nhấn mạnh đến nhu cầu loan báo Tin mừng bằng một cách thức có thể lôi cuốn tính nhạy cảm của người dân Á Châu, và các ngài nêu lên những hình ảnh về Đức Giêsu có thể hiểu được theo tâm trí và văn hoá Á Châu và đồng thời, trung thành với Kinh Thánh và truyền thống. Trong những hình ảnh đó, có những hình ảnh "Đức Giêsu là Thầy dạy sự khôn ngoan, Vị Lương y, Đấng Giải phóng, Vị Hướng dẫn đường thiêng liêng, Minh chủ, Người Bạn giàu lòng thương xót của kẻ nghèo, Người Samaritanô nhân hậu, Vị Mục tử nhân lành, Đấng vàng phục" (80). Đức Giêsu có thể được trình bày như là sự khôn ngoan nhập thể của Thiên Chúa. Ân sủng của Người mang lại hoa trái cho "những hạt giống" của Đấng khôn ngoan đã hiện diện trong cuộc sống, tôn giáo và các dân tộc của Á Châu (81). Giữa nhiều đau khổ các dân tộc Á Châu phải gánh chịu, Đức Giêsu có thể được rao giảng tốt nhất như là Đấng Cứu độ, "Đấng có thể đem lại ý nghĩa cho những ai đang trải qua những đau khổ và đau đớn không thể tả được" (82).

Đức tin mà Giáo Hội cống hiến như một ân huệ cho con cái mình, không thể bị giam giữ bên trong những giới hạn của sự hiểu biết và sự diễn tả riêng của một nền văn hoá nhân bản nào, bởi vì nó vượt lên trên những giới hạn này và còn thách thức mọi nền văn hoá tiến lên những chiều cao mới mẻ của sự hiểu biết và diễn tả. Nhưng đồng thời, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ý thức rõ về nhu cầu khẩn thiết của Giáo Hội tại Á Châu, muốn trình bày mầu nhiệm Đức Kitô cho các dân tộc mình, theo những kiểu mẫu văn hoá và cách suy nghĩ của họ. Các Ngài chỉ rõ rằng việc hội nhập đức tin như thế trên lục địa các Ngài, gồm có việc tái khám phá khuôn mặt Á Châu của Đức Giêsu và việc tìm ra những phương cách để các nền văn hoá Á Châu có thể nắm bắt ý nghĩa cứu độ phổ quát của mầu nhiệm Đức Giêsu và Giáo Hội Người (83). Trong thời đại hôm nay, cần làm sống lại sự hiểu biết sâu sắc về các dân tộc và văn hoá mà đã có được một cách gương mẫu nơi những con người như Gioan Montecorvino, Matteo Ricci và Roberto de Nobili, đây chỉ nhắc tới một ít người thôi.

Thách Thức của việc Hội Nhập Văn Hoá

21. Văn hoá là không gian sống trong đó con người đến với Tin Mừng, mặt giáp mặt. Cũng như văn hoá là thành quả của sự sống và hoạt động của một nhóm người, thì những con người thuộc nhóm đó cũng được uốn nắn trong phạm vi rộng rãi bởi nền văn hoá trong đó họ đang sống. Vì con người và xã hội thay đổi, nền văn hoá cũng bị thay đổi theo. Vì văn hoá biến đổi nên con người và xã hội cũng biến đổi theo nó. Từ viễn ảnh này, ta thấy rõ ràng hơn tại sao việc Phúc Âm hoá và hội nhập văn hoá liên hệ với nhau cách tự nhiên và mật thiết. Tin Mừng và việc rao giảng Tin Mừng chắc chắn không đồng nhất với văn hoá; chúng độc lập với văn hoá. Tuy nhiên Nước Thiên Chúa đến với những con người gắn bó sâu xa với một nền văn hoá, và việc xây dựng Vương Quốc không tránh khỏi mượn các yếu tố từ các nền văn hoá nhân bản. Vì thế Đức Phaolô VI nói sự chia tách giữa Tin Mừng và văn hoá là thảm trạng của thời đại chúng ta, với một tác động sâu xa trên cả việc rao giảng Tin Mừng lẫn văn hoá (84).

Trong quá trình gặp gỡ các nền văn hoá khác nhau của thế giới, Giáo Hội không những truyền đạt các chân lý và những giá trị của mình và đổi mới các nền văn hoá từ bên trong, nhưng Giáo Hội cũng tiếp thu từ các nền văn hoá khác nhau, những yếu tố tích cực có sẵn trong các nền văn hoá đó. Đó là con đường bắt buộc cho những nhà rao giảng Tin Mừng khi trình bày đức tin Kitô giáo và làm cho nó trở nên một thành phần của di sản văn hoá của một dân tộc. Về phần mình, khi các nền văn hoá khác nhau được hoàn thiện và canh tân dưới ánh sáng của Tin mừng, chúng có thể trở nên những diễn tả đích thực của đức tin Kitô giáo duy nhất. "Nhờ hội nhập văn hoá mà Giáo Hội, về phần mình, đã trở nên một dấu chỉ dễ hiểu hơn về bản tính của mình, và trở nên một dụng cụ hữu hiệu hơn cho việc truyền giáo" (85). Sự giao kết đó với các nền văn hoá đã luôn là thành phần cuộc hành trình của Giáo Hội qua lịch sử. Nhưng ngày nay sự giao kết đó càng cấp bách cách đặc biệt trong cảnh huống đa-dân-tộc, đa-tôn-giáo, đa-văn-hoá tại Á Châu, nơi mà Kitô giáo vẫn thường còn bị coi là ngoại lai.

Tới đây, quả là tốt khi nhớ lại những gì thường được lặp đi lặp lại trong Thượng Hội Đồng: Chúa Thánh Thần là tác nhân chính của sự hội nhập văn hoá của đức tin Kitô giáo tại Á Châu (86). Cũng một Chúa Thánh Thần, Đấng dẫn dắt chúng ta đến

chân lý toàn diện, làm cho có thể thực hiện được một cuộc đối thoại có hiệu quả với các giá trị văn hoá và tôn giáo các dân tộc khác nhau. Người hiện diện giữa họ trong một mức độ nào đó, ban sức mạnh cho các người nam nữ thành tâm thiện chí, để họ chiến thắng sự dữ và sự lừa đảo của Thần Dữ, và ban tặng cho mỗi người khả năng thông dự vào mầu nhiệm Phục Sinh, bằng cách nào đó Chúa biết (87). Sự hiện diện của Thần Khí bảo đảm rằng sự đối thoại diễn ra trong chân lý, trong lương thiện, khiêm tốn và kính trọng (88). "Khi ban tặng cho kẻ khác Tin Mừng cứu rỗi, Giáo Hội cố gắng tìm hiểu nền văn hoá của họ. Giáo Hội tìm hiểu tâm trí kẻ nghe, các giá trị và tập quán của họ, các vấn đề và những khó khăn của họ, những hy vọng và những ước mơ của họ. Một khi Giáo Hội hiểu biết những khía cạnh văn hoá khác nhau đó, thì bấy giờ Giáo Hội mới có thể bắt đầu cuộc đối thoại cứu rỗi; Giáo Hội có thể trao tặng, cách kính cẩn nhưng rõ ràng và đầy xác tín, Tin Mừng cứu chuộc cho những ai muốn nghe và tự do đáp trả" (89). Do đó, các dân tộc Á Châu nào, trong tư cách là người Á Châu, mà muốn chiếm hữu đức tin Kitô giáo, thì có thể yên tâm rằng những hy vọng, những trông đợi, những âu lo và đau khổ của họ không những được Đức Giêsu ôm lấy, mà còn trở thành điểm đích thực để ân huệ đức tin và quyền năng Thần Khí đi vào trong cốt lõi thâm sâu nhất của đời sống họ.

Nhiệm vụ của các vị Chủ Chăn, do đoàn sủng của các ngài, là phải hướng dẫn cuộc đối thoại này cách sáng suốt. Cũng vậy, những chuyên viên về các khoa học đạo và đời, đóng những vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập văn hoá. *Nhưng quá trình phải bao gồm toàn thể dân Chúa*, bởi vì đời sống Giáo Hội như một toàn thể, phải tỏ bày đức tin đang được rao giảng và được tiếp thu. Để bảo đảm cho việc này được thực hiện có chiều sâu, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng xác định một vài lãnh vực đáng chú ý riêng - suy tư thần học, phụng vụ, đào tạo các linh mục và tu sĩ, dạy giáo lý và tu đức (90).

Những Lãnh Vực Chủ Chốt của Việc Hội Nhập Văn Hoá

22. Thượng Hội Đồng khích lệ các *nhà thần học* trong công tác tế nhị của họ làm phát triển khoa thần học hội nhập (une théologie inculturée), cách riêng trong lãnh vực Kitô học (91). Các ngài lưu ý rằng "việc suy tư thần học này phải được thực hiện cách can đảm, trong sự trung thành với Kinh Thánh và truyền thống của Giáo hội, trong sự gắn bó chân thành với Huấn Quyền và trong sự hiểu biết về những thực tại mục vụ" (92). Tôi cũng thôi thúc các nhà thần học làm việc trong tinh thần hợp nhất với các Chủ Chăn và dân chúng, những người- luôn hợp nhất với nhau và không bao giờ chia tách nhau- "phản chiếu cảm thức đức tin chân chính mà ta không bao giờ được thôi nhìn" (93). Công trình thần học phải luôn luôn được hướng dẫn bởi sự kính trọng đối với những nhạy cảm của người Kitô hữu, để nhờ sự tăng trưởng dần dần hướng về những hình thức hội nhập biểu tỏ đức tin, dân chúng không bị hoang mang hay bị vấp phạm. Trong mọi trường hợp, việc hội nhập văn hoá phải được hướng dẫn bởi sự tương hợp với Tin Mừng và sự hiệp thông với đức tin của toàn thể Giáo Hội, trong sự thuận theo hoàn toàn với truyền thống Giáo Hội và với mục đích làm cho đức tin dân chúng nên vững mạnh (94). Trắc nghiệm của việc hội nhập văn hoá đích thực, là xem dân chúng có trở nên gắn bó hơn với đức tin Kitô giáo của mình hay không, bởi vì họ thấy đức tin rõ hơn bằng cặp mắt thuộc về văn hoá của họ.

Phụng Vụ là nguồn gốc và là tuyệt đỉnh của tất cả đời sống Kitô hữu và truyền giáo (95). Phụng Vụ là một phương tiện quyết định của việc rao giảng Tin Mừng, nhất là tại Á Châu, nơi mà những người theo đạo khác nhau rất ưa thích việc tế tự, những lễ hội tôn giáo và những việc đạo đức bình dân (96). Phụng Vụ của các Giáo Hội Phương Đông phần lớn đã được hội nhập văn hoá có kết quả sau bao thế kỷ tương tác với nền văn hoá xung quanh, nhưng những Giáo Hội được thành lập mới đây cần làm sao để phụng vụ trở nên nguồn mạch nuôi dưỡng hơn cho dân chúng, qua việc sử dụng khôn ngoan và hiệu năng các yếu tố rút ra từ các nền văn hoá địa phương. Nhưng sự hội nhập Phụng vụ đòi hỏi nhiều điều hơn là việc chú tâm vào những giá trị văn hoá truyền thống, những biểu tượng và những nghi thức. Cũng cần lưu ý đến những thay đổi trong ý thức và thái độ gây ra do sự xuất hiện của các nền văn hoá trần tục và hưởng thụ đang ảnh hưởng đến cảm thức phụng tự và cầu nguyện của người Á Châu. Cũng không được bỏ qua những nhu cầu riêng biệt của người nghèo, người di dân, người tị nạn, giới trẻ và phụ nữ trong bất cứ việc hội nhập phụng vụ chân chính nào tại Á Châu.

Các Hội Đồng Giám Mục quốc gia và miền, cần phải làm việc chặt chẽ hơn với Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, trong việc tìm kiếm những phương thức có hiệu năng để cổ võ những hình thức phụng tự thích hợp trong bối cảnh Á Châu (97). Sự hợp tác này là cần thiết bởi vì Phụng vụ thánh diễn tả và cử hành một đức tin được mọi người tuyên xưng và, bởi Phụng vụ thánh là gia sản của toàn thể Giáo Hội, nên không thể do các Giáo Hội địa phương định đoạt cách riêng rẽ khỏi Giáo Hội hoàn vũ.

Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhấn mạnh cách riêng đến tầm quan trọng của Lời Kinh Thánh trong việc loan truyền sứ điệp cứu độ cho các dân tộc Á Châu, nơi mà Lời được loan truyền có một vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và truyền đạt kinh nghiệm tôn giáo (98). Cho nên cần phát triển một hình thức tông đồ hữu hiệu nhằm phổ biến kinh thánh, hầu có thể đảm bảo rằng bản văn Kinh Thánh được phổ biến rộng rãi hơn và được sử dụng thường xuyên và trong tinh thần cầu nguyện hơn giữa các phần tử Giáo Hội tại Á Châu. Các nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhấn mạnh rằng thật là cấp bách việc dùng Kinh Thánh như là nền tảng cho tất cả mọi việc loan báo, dạy giáo lý, giảng thuyết và hình thức linh đạo truyền giáo (99). Cần phải cổ động và nâng đỡ những cố gắng dịch thuật Kinh Thánh ra tiếng địa phương. Đào tạo về Kinh Thánh phải được coi như một phương tiện quan trọng để giáo dục đức tin cho dân chúng và chuẩn bị họ cho công việc loan báo. Cần phải đưa vào chương trình đào tạo giáo sĩ, những người sống đời thánh hiến và giáo dân những khoá học Kinh Thánh hướng về mục vụ, với sự nhấn mạnh thích đáng về việc áp dụng huấn giáo Kinh Thánh vào những thực tại phức tạp của đời sống Á Châu (100). Kinh Thánh cũng phải phổ biến giữa những người theo các tôn giáo khác; Lời Chúa có một quyền lực nội tại đánh động tâm hồn dân chúng, bởi vì qua Kinh Thánh, Chúa Thánh Thần mạc khải kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa đối với thế gian. Hơn nữa những lối văn tường thuật gặp được trong nhiều sách Kinh Thánh, có một quan hệ tương đồng với những bản văn tôn giáo điển hình của Á Châu (101).

Một khía cạnh mẫu chốt nữa của việc hội nhập văn hoá, có ảnh hưởng phần lớn tới tương lai của tiến trình, đó là sự *đào tạo những người rao giảng Tin Mừng*. Trong quá khứ, việc đào tạo thường theo kiểu cách, phương pháp và chương trình du nhập từ phương Tây, và tuy đánh giá cao ích lợi do phương pháp đào tạo đó mang lại, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhìn nhận là một phát triển tích cực, các cố gắng thực hiện trong những thời gian gần đây để thích nghi việc đào tạo những người rao giảng Tin Mừng với những bối cảnh văn hoá tại Á Châu. Cùng với việc có được một nền tảng vững chắc do sự học hỏi về Kinh Thánh và các Thánh Giáo Phụ, các chủng sinh phải nắm vững cách chắc chắn và chi tiết gia sản thần học và triết học của Giáo Hội, như tôi đã thúc giục trong Thông điệp *Fides et Ratio* (102). Trên nền tảng của sự chuẩn bị đó, các chủng sinh mới thu nhiều ích lợi khi tiếp xúc với những truyền thống triết học và tôn giáo tại Á Châu (103). Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng khích lệ các giáo sư và các cộng tác viên tìm hiểu cách sâu sắc những yếu tố thuộc tu đức và cầu nguyện, thân thuộc với tâm hồn Á Châu, và dẫn mình sâu hơn nữa vào công cuộc tìm kiếm một đời sống trọn vẹn hơn của các dân tộc Á Châu (104). Để đạt mục đích này, cần nhấn mạnh đến việc đào tạo thích đáng ban giáo sư chủng viện (105). Thượng Hội Đồng cũng biểu lộ mối quan tâm về việc đào tạo các tu sĩ nam nữ sống đời thánh hiến, bằng cách tuyên bố rõ ràng rằng linh đạo và nếp sống của những người được thánh hiến, cần phải nhạy cảm với gia sản tôn giáo và văn hoá của những người họ đang chung sống và đang phục vụ, với giả định là cần phải phân biệt cái gì phù hợp với Tin Mừng, cái gì không (106). Hơn nữa, bởi vì việc hội nhập văn hoá Tin Mừng dính dáng đến toàn thể dân Chúa, vai trò người giáo dân có tầm quan trọng tột bậc. Chính họ là những người hơn ai hết được kêu gọi biến đổi xã hội, trong sự hợp tác với các Giám mục, giáo sĩ và tu sĩ, bằng cách làm cho "tinh thần Đức Kitô" thâm nhập vào trong não trạng, tập quán, luật pháp và cấu trúc của thế giới trần tục nơi họ đang sống (107). Một sự hội nhập văn hoá rộng rãi hơn cho Tin Mừng, ở mọi cấp bậc xã hội tại Á Châu, phần lớn tuỳ thuộc vào sự đào tạo xứng hợp mà các Giáo Hội địa phương dành cho giáo dân.

Đời Sống Kitô Hữu xét như là một lời loan báo

23. Cộng đồng Kitô hữu càng đâm rễ sâu trong kinh nghiệm về Thiên Chúa xuất phát từ một đức tin sống động, thì càng khả tín về khả năng rao giảng cho kẻ

khác biệt sự hoàn thành của Nước Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô. Đó là kết quả của việc trung thành nghe Lời Chúa, cầu nguyện và chiêm ngưỡng, cử hành mầu nhiệm Đức Giêsu trong các bí tích, nhất là trong bí tích Thánh Thể, và nêu gương về sự hiệp thông sự sống đích thật và yêu thương trọn vẹn. Trái tim của Giáo Hội địa phương phải hướng về việc chiêm ngưỡng Đức Giêsu Kitô, Thiên-Chúa-làm-người, và liên lĩ ra sức kết hiệp mật thiết hơn với Đấng mà mình tiếp tục sứ vụ. *Việc truyền giáo là hành động bằng chiêm ngưỡng và là sự chiêm ngưỡng bằng hành động*. Do đó một nhà truyền giáo mà không có kinh nghiệm sâu sắc về Thiên Chúa qua kinh nguyện và chiêm ngưỡng, thì sẽ có ít ảnh hưởng thiêng liêng hay thành công về mặt truyền giáo. Đây là một suy tư rút ra từ thừa tác vụ linh mục của riêng tôi và, như tôi đã viết nơi khác, sự tiếp xúc của tôi với các đại diện những truyền thống thiêng liêng không Kitô giáo, nhất là của Á Châu, đã củng cố tôi trong xác tín rằng tương lai của việc truyền giáo tùy thuộc phần lớn vào việc chiêm ngưỡng (108). Tại Á Châu, quê hương của các tôn giáo lớn, nơi mà các cá nhân cũng như toàn thể dân chúng đang khao khát cái thiêng thánh, Giáo Hội được mời gọi trở nên một Giáo Hội cầu nguyện, hoàn toàn thánh thiêng dù dẫn thân trong những mối quan tâm trực tiếp về mặt nhân bản và xã hội. Tất cả các Kitô hữu cần một tu đức truyền giáo thật sự gồm có cầu nguyện và chiêm ngưỡng.

Một người có lòng đạo chân chính thì dễ dàng được người ta kính trọng và đi theo tại Á Châu. Cầu nguyện, chay tịnh và những hình thức khổ hạnh khác được coi trọng. Hy sinh, bỏ mình, khiêm tốn, đơn sơ và thình lặn được xem là những giá trị lớn đối với các tín đồ của mọi tôn giáo. Để sự cầu nguyện không tách rời khỏi sự thăng tiến nhân bản, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhấn mạnh rằng "các công việc của công bình, bác ái và lòng thương xót thì có quan hệ với một đời sống cầu nguyện và chiêm ngưỡng đích thực, và hơn nữa chính cũng một tu đức này là nguồn suối của mọi công trình rao giảng Tin Mừng của chúng ta" (109). Hoàn toàn xác tín về tầm quan trọng của các chứng tá chân chính trong việc rao giảng Tin Mừng tại Á Châu, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng phát biểu: "Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô chỉ có thể được rao giảng bởi những ai bị chiếm đoạt và được linh hứng bởi tình yêu của Chúa Cha đối với con cái mình, tình yêu đó được tỏ bày nơi con người Đức Giêsu Kitô. Việc loan truyền này là một sứ vụ cần đến những con người nam nữ thánh thiện, họ sẽ làm cho Đấng Cứu Thế được biết và được yêu suốt đời của họ. Một ngọn lửa chỉ được cháy lên bằng cái gì đã bén lửa. Cũng vậy, việc loan truyền Tin Mừng Cứu Độ mà có hiệu quả tại Á Châu, chỉ có thể xảy ra, nếu các Giám Mục, các hàng Giáo Sĩ, những kẻ sống đời sống thánh hiến và giáo dân, cháy nóng bằng tình yêu Đức Kitô và ao ước làm cho Người được biết cách rộng rãi hơn, được yêu cách sâu xa hơn, và được theo cách gần gũi hơn" (110). Người Kitô hữu nói về Đức Kitô, thì phải thấm nhuần sứ điệp mà họ rao giảng vào đời sống mình.

Về phương diện này, một hoàn cảnh đặc biệt trong bối cảnh Á Châu đòi hỏi phải lưu ý. Giáo Hội nhận thức rằng *chứng tá thẳm lặn của đời sống* vẫn là con đường duy nhất để loan báo Nước Chúa trong nhiều nơi tại Á Châu, mà việc rao giảng công khai bị ngăn cấm và sự tự do tôn giáo bị chỗi từ hay bị hạn chế có hệ thống. Giáo Hội sống cách ý thức kiểu làm chứng này, coi đó là một "việc vác thánh giá mình" (Lc 9, 23), đồng thời kêu gọi và thúc bách các chính phủ nhìn nhận tự do tôn giáo như là quyền lợi căn bản con người. Những lời của công đồng Vaticanô II đáng được lập lại ở đây: "Con người có quyền tự do tôn giáo. Quyền tự do này hệ tại con người không bị lệ thuộc vào áp lực của cá nhân, đoàn thể xã hội hay của bất cứ quyền bính trần gian nào khác; không một ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm mình trong các việc tôn giáo, cũng không ai bị ngăn cấm hành động theo lương tâm mình, dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với người khác, trong những giới hạn chính đáng" (111). Trong một vài quốc gia tại Á Châu, lời tuyên bố này vẫn cần được nhìn nhận và đem ra thi hành.

Như vậy, rõ ràng là việc loan báo về Đức Giêsu Kitô tại Á Châu mang nhiều khía cạnh phức tạp, vừa trong nội dung vừa trong phương cách. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng rất ý thức đến sự đa dạng chính đáng của những phương thức rao giảng về Đức Giêsu, miễn là chính đức tin được tôn trọng trong sự toàn vẹn của nó qua quá trình chiêm hữu hay chia sẻ đức tin. Thượng Hội Đồng ghi nhận rằng "ngày nay việc Phúc âm hoá là một thực tại, vừa súc tích vừa năng động. Nó gồm có nhiều khía cạnh và

yếu tố: chứng tá, đối thoại, rao giảng, dạy giáo lý, hoán cải, bí tích Rửa Tội, gia nhập vào cộng đoàn Giáo Hội, thiết lập Giáo Hội, hội nhập văn hoá và thăng tiến toàn diện con người. Một số yếu tố liên kết với nhau, đang khi một số khác là những bước hay những giai đoạn kế tiếp nhau của toàn thể quá trình Phúc âm hoá" (112). Tuy nhiên, trong mọi công cuộc Phúc âm hoá, phải loan báo trọn vẹn chân lý về Đức Giêsu Kitô. Nhấn mạnh đến một vài khía cạnh của mầu nhiệm khôn dò của Đức Giêsu, vừa là việc chính đáng vừa là cần thiết, để từ từ giới thiệu Đức Giêsu cho một con người, nhưng việc làm đó không được phép làm tổn thương tính toàn vẹn của đức tin. Sau cùng, sự chấp nhận đức tin của một con người phải được đặt nền tảng trên một sự hiểu biết chắc chắn về con người Đức Giêsu, như Giáo Hội trình bày mọi lúc mọi nơi, là Chúa của mọi người, Đấng "vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay và như vậy mãi mãi đến muôn đời".

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

"CHA MẸ LÀ CÁC LINH MỤC TẠI GIA"

BÀN TIỆC LỜI CHÚA TRONG GIA ĐÌNH *HÀNG NGÀY- HÀNG TUẦN*HÀNG THÁNG*

Các nghị phụ Thượng Hội Đồng Giám Mục thứ 12 về Lời Chúa trong Gia đình, đã nhận định và ước ao mỗi Gia đình có một cuốn Kinh Thánh riêng, và cổ võ việc đọc Kinh Thánh trong gia đình :

1- Sự sốt sắng về Lời Chúa: gần đây tại 10 nước Âu Châu cho thấy sự sốt sắng kinh khủng của các Tín hữu về những ý niệm sơ đẳng liên quan tới Kinh Thánh. Sự sốt sắng như thế là mảnh đất màu mỡ cho các Giáo phái Kitô khác phát triển như Tin Lành, Anh Giáo...***Nên để ý tới khía cạnh đại kết đó, vì sự chú ý tới Lời Chúa sẽ làm cho Giáo hội xích gần lại các hệ phái Kitô khác trong sự tìm kiếm chung.***

2- Các khoá học Kinh Thánh: Giáo hội có nhiều học viện với những môn học biệt lập; nhưng lại coi nhẹ những kiến thức căn bản về Kinh Thánh, không thực thi được điều cần có về phương diện Mục vụ Kinh Thánh. ***Nên cần có những khoá học về Kinh Thánh mà không cần phải có bằng cấp, như thế mọi Tín hữu có thể tham dự các khoá học đó dễ dàng hơn ở mọi Cộng đoàn, mọi Giáo xứ...***

3- Đức Mẹ đón nhận Lời Chúa: Mẹ là mẫu gương cho các Tín hữu trong việc nghe Lời Chúa, ***là chìa khoá để hiểu Kinh Thánh, giữ và suy đi lại nghĩ trong lòng (Lc 2, 19).*** Qua sự kết hợp với Lời Chúa của Mẹ, bạn có thể đọc Kinh Thánh và hiểu rõ về Chúa Kitô qua việc suy niệm các mầu nhiệm trong khi đọc Kinh Mân Côi. ***Vì Mẹ Thiên Chúa, Mẹ Giáo hội dạy bạn lắng nghe, đón nhận và can đảm công bố Lời Chúa một cách trọn vẹn cho người khác nữa.***

4- Cha Lucien Legrand nói: Người Tin Lành học Kinh Thánh, người CG nói về Kinh Thánh. Tin lành nhớ thuộc lòng, trưng dẫn phần lớn Kinh Thánh, còn chúng ta không thể trưng dẫn một câu Kinh Thánh chính xác. ***Chúa Giêsu là nhà kể chuyện rất tài tình, còn ta nói chuyện về Ngài đôi khi nhạt nhẽo, dạy luân lý một cách tầm thường không có sự sống, biến Lời Chúa thành trừu tượng.***

5- Đức Cha Ignatius Kaigama đề nghị: Mỗi Tín hữu Công giáo cần có một cuốn Kinh Thánh riêng để chắc chắn giúp họ yêu mến và sống Lời Chúa. ***Nhất là khi họ phải biết đọc Kinh Thánh trước khi được lãnh nhận Bí tích Rửa tội, Thêm Sức và phép Hôn phối.*** Riêng các em nhỏ, cha mẹ phải giữ cho con đến khi em có thể đọc được. ***Chúng tôi cũng khuyến khích các Gia trưởng đặt Kinh Thánh trên bàn thờ và chia sẻ Kinh Thánh tại gia trong giờ cầu nguyện chung, để Lời Chúa là sức sống cho các phần tử trong Gia đình.***

6- Đức Thượng Phụ Bartolomeaios I: Giáo Chủ Chính Thống được Đức Thánh Cha mời tham dự Thượng HĐGM nhận định rằng: "Chúng ta đã hành động một cách kiêu hãnh và

dừng đứng đối với thiên nhiên thụ tạo, từ chối chiêm ngưỡng Lời Chúa trong các đại dương trên trái đất. *Chúng ta đã chối bỏ chính bản chất, vốn đã kêu gọi chúng ta khiêm tốn lắng nghe Lời Chúa, nếu chúng ta muốn trở thành những người tham gia vào bản tính Thiên Chúa.*" (2 Pr 1, 4)

7- Sứ điệp Thượng HĐGM: Các nghị phụ nhấn mạnh sự kiện Lời Chúa có trước và vượt ra ngoài Kinh Thánh; lịch sử cứu độ và một nhân vật là Đức Giêsu Kitô. Lời Thiên Chúa nhập thể làm người. Vì thế, người đọc Kinh Thánh luôn luôn ***cần khiêm tốn và lắng nghe Chúa Thánh Linh dẫn dắt đến chân lý toàn vẹn*** (Ga 16, 13).

Các Tín hữu dù là người đơn sơ nhất cũng nhớ rằng Lời Chúa mang hình thức những lời cụ thể, để mọi người nghe và hiểu. Đừng chỉ hiểu theo nghĩa đen và cần phải hiểu theo nghĩa bóng. ***Tín hữu cần đi tham dự đầy đủ bữa tiệc Lời Chúa, là phần đầu của Thánh lễ với ba bài đọc và bài giảng, để lắng nghe, nhớ và đem thực hành.***

8- Bữa tiệc Lời Chúa trong Gia đình: Các gia trưởng được coi như là ***Linh mục tại gia, có trách nhiệm giữ gìn Kinh Thánh, hãy đọc và cùng nhau chia sẻ giữa cha mẹ, vợ chồng con cháu trong các buổi sinh hoạt và giờ kinh tối Gia đình. Hãy thành lặng và lắng nghe thật sự với cái tai con tim, là cả tấm lòng, để Lời Chúa thấm nhập, ở lại và sống với mọi người.*** Đoạn Kinh Thánh vừa đọc sẽ trở thành những chứng tá sống động ở trong Gia đình và ngoài xã hội.

9- Các cha mẹ là Linh mục Gia đình: Hãy làm cho Lời Chúa vang dội vào đầu mỗi ngày trong vợ chồng, con cháu, vào các buổi tối, là sức sống dồi dào của mọi phần tử trong Gia đình. (Ga 10, 10)

Mỗi giờ, hàng ngày, hằng tuần, hằng tháng, Gia đình tôi hãy là một Gia đình êm ấm trong thanh bần, cùng Mẹ Maria suy gẫm Lời Chúa với Thánh Giuse để đem ra thực hành. Như thánh Phaolô đã xác quyết: "Chân đi giày là lòng hằng say loan báo Tin Mừng bình an...Hãy đội mũ chiến là ơn cứu độ và cầm gươm của Thần Khí ban cho, tức là Lời Thiên Chúa." (x. Ep 6, 14-17)

Phó tế: JB. Maria Nguyễn Văn Định * johndvn@yahoo.com

VỀ MỤC LỤC

LINH MỤC PHẠM TỘI CÔNG KHAI

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh , M.D.

Nhân đọc để học hỏi về các phép bí tích trong đạo, người viết thấy câu chuyện linh mục phạm tội trọng công khai xin được chia sẻ với độc giả. Dưới đây là giải đáp của linh mục Edward McNamara, giáo sư về phụng vụ tại đại học Regina Apostolorum University.^[1] về trường hợp một linh mục phạm tội công khai.

Một độc giả ở K.G, Sudan hỏi cha McNamara câu hỏi như sau:

Xin cha giải đáp cho con câu hỏi khá tế nhị này: Khi một linh mục ở trong tình trạng phạm tội trọng mà mọi người đều biết, chẳng hạn thường xuyên say rượu hoặc có liên hệ với đàn bà...mà Giám mục vẫn cho phép làm lễ công khai. Xin cha cho biết điều luật nào của Hội Thánh cho phép như vậy? Hoặc nếu một linh mục đã làm một người đàn bà có thai rồi khuyến khích bà ta phá thai; đáng lẽ linh mục đó phải bị trừng phạt chứ đâu có thể vẫn công khai làm lễ trước công chúng được? Nếu đức giám mục nói rằng ngài không phải là quan tòa để phán xét linh mục đó, vậy thì ai có quyền phán định về tình trạng của linh mục này?

Trả lời của cha McNamara:

Đây quả là những vấn nạn rất tế nhị và cũng rất buồn lòng nhưng cần được giải đáp. Tôi không phải là chuyên viên về giáo luật nên không thể trả lời những khúc mắc liên quan đến tiến trình của luật lệ, nhưng tôi có thể nêu lên một vài tiêu chuẩn luân lý cần phải có đối với

các phép bí tích.

Một linh mục đã phạm tội trọng, như bất cứ một giáo dân nào, đều phải đi xưng tội càng sớm càng tốt. Nhưng khi chưa xưng tội thì phải tránh “càng xa càng tốt” việc cử hành các phép bí tích trong đó có thánh lễ.

“**Càng Xa Càng Tốt**” nghĩa là trường hợp bất khả kháng linh mục đó không thể đi xưng tội ngay được nhưng vì nhu cầu bí tích của giáo dân, ông vẫn có thể cử hành các phép bí tích / thánh lễ với điều kiện ông ta phải có hành vi thực lòng ăn năn thống hối. **Hành vi Xám Hối** ám chỉ hai (2) việc: Có ý đi *xưng tội càng sớm càng tốt* và có ý muốn *thực lòng quyết không phạm tội nữa*. Đây là nguyên tắc luân lý, dĩ nhiên, có thể áp dụng cho những trường hợp sa ngã nhất thời (và thường là kín đáo).

Trường hợp độc giả nêu ra ở đây ám chỉ ông linh mục này ở trong tình trạng khá trầm trọng, ông đã công khai sống trong tình trạng vô luân một cách khách quan rõ ràng mà không có một dấu hiệu nào chứng tỏ ông muốn cải đổi. Mặc dù chỉ có Chúa biết lòng dạ ông, nhưng phạm tội công khai như vậy đòi hỏi phải có một hình thức nào đó xa lìa cuộc sống tội lỗi. Một linh mục không có lòng ăn năn thống hối mà cử hành các phép bí tích và thánh lễ thì đã phạm thánh một cách trầm trọng. Các bí tích đó có thể thành nhưng bất hợp pháp.

Một linh mục mà xúi dục hoặc đồng lõa phá thai thì ngay lập tức bị rút phép thông công và đồng thời cũng bị cấm chỉ thi hành mục vụ. (Canon 1398, 1041.4; 1043). Ông ta không thể cử hành bất cứ một bí tích nào cũng như chính ông cũng không được nhận bí tích xá tội cho đến khi sự rút phép thông công được chính thức xóa bỏ. Nếu ông tiếp tục hành xử như là linh mục thì không những các hành vi tế tự ông làm là phạm thánh mà các bí tích giải tội và hôn phối ông làm đều không có giá trị.

Trường hợp tình trạng rút phép thông công đã được công khai hóa, thì giáo dân không được tham dự bất cứ một thánh lễ nào ông làm cũng như bất cứ một phép lành nào ông ban trừ trường hợp khẩn cấp cấp kỳ sắp chết. Ngay cả trường hợp ông ta là linh mục duy nhất trong vùng thì giáo dân cũng không được xem lễ Chúa Nhật hay lễ thường do ông làm.

Trong những trường hợp như vậy, giám mục “không thể cho phép” một linh mục thi hành nhiệm vụ một cách bình thường được. Giám mục có trách nhiệm rất nặng về sự thiên thánh của các phép bí tích. Một giám mục mà khẳng định cho phép những hành động phạm thánh thì chính giám mục cũng không tránh khỏi tội phạm thánh được. Nếu giám mục biết mình mờ mắt (nhắm mắt làm ngơ), thì ngài cũng phải chịu trách nhiệm luân lý do tội thờ ơ, cầu thả và phải đối đầu với những câu hỏi trầm trọng trước mặt Chúa trong ngày phán xét.

Đồng thời giáo dân cũng không nên cứ nghĩ rằng giám mục biết hết mọi sự đang xảy ra trong giáo phận. Nếu có được chứng cứ rõ ràng và chắc chắn, không phải chỉ là nghe nói, về một linh mục có tư cách vô luân công khai thì buộc phải trình cho giám mục biết. Nếu bằng cố hiển nhiên, giám mục phải theo những thủ tục luật lệ đã định mà thi hành. Trước nhất phải đình chỉ chức vụ linh mục rồi quyết định những bước kế tiếp. Nếu giám mục từ chối không hành động thì phải đưa lên sứ thần tòa thánh hoặc trực tiếp lên Đức Thánh Cha.

Trong trường hợp thứ nhất của câu hỏi, vì không có lạm dụng những lỗi nhỏ thì giám mục nên xem xét linh mục đó có hy vọng gì hồi cải thực sự không để cho phép ông ta lập lại cuộc đời một lần nữa ở những nơi mà những yếu đuối trước kia của ông ta không có ai biết đến. Tôi đã biết có nhiều trường hợp ăn năn trở lại như vậy. Chúa đã dùng những lỗi lầm rất nặng để cứu chữa một linh mục của một xứ đạo đã tan hoang thối nát được hồi phục trở về đường ngay nẻo chính đúng với ý nghĩa sứ mệnh và cuộc sống của một linh mục. Nhiều năm sau đó, và hiện nay ông là một linh mục, mục tử gương mẫu rao truyền Tin Mừng Phúc Âm Chúa.

Nếu bất khả chuyển đổi hoặc đã lạm dụng những điều nhỏ thì ông ta phải bị cách chức không cho thi hành mục vụ. Nếu ông ta đã có con cái thì trách nhiệm làm cha mẹ của ông ta phải ưu tiên hơn và trên những gì còn lại của chức năng linh mục của ông ta.

Trường hợp linh mục bị rút phép thông công ngay lập tức do xúi dục hoặc đồng lõa phá thai thì ông cần phải ngừng chỉ thi hành chức năng linh mục. Người ta hy vọng ông ta có thể ăn năn trở lại và phép thông công được tái lập, nhưng ông không còn có thể thi hành trách

vụ của một đại diện Chúa Kitô. Cách chức ông khỏi công tác mục vụ chỉ là một hình phạt nhỏ tối thiểu vì ông đã là khí cụ lấy đi một mạng sống con người vô tội.

KẾT LUẬN

Tất cả những trường hợp buồn thảm và đau lòng như vậy thúc đẩy tất cả mọi người chúng ta luôn luôn cầu nguyện cho thánh chức của các linh mục và để các ngài quyết tâm sửa đổi những tội lỗi lầm lạc ở quá khứ.

Xin Chúa Giêsu Kitô là linh mục tiên khởi ban sức mạnh cho các linh mục là Chúa Kitô thứ hai (Alter Christus).

Fleming Island, Florida
12-10-2010
NTC

[1] Độc giả/quí vị nào muốn đặt những câu hỏi về phụng vụ xin gửi về liturgy@zenit.org. Xin đề chữ "LITURGY" trên chủ đề câu hỏi và đề Tên, thành phố, Tiểu bang hoặc Tỉnh và Nước mình cư ngụ. Cha McNamara chỉ có thể trả lời một số ít câu hỏi đặc biệt trong muôn vàn câu hỏi gửi tới.

VỀ MỤC LỤC

GIÁO HỘI, CỤ THỂ LÀ GIÁO SĨ, TU SĨ, CÓ THỰC SỰ SỐNG CÁI NGHÈO CỦA PHÚC ÂM CHƯA ?

Vì yêu mến Giáo Hội, cũng như tha thiết với sứ mệnh của Giáo Hội trong trần gian nên tôi muốn suy tư thêm một lần nữa về vấn đề này và muốn chia sẻ với những ai có chung một ưu tư và đồng cảm.

Những ai không đồng ý thì chắc chắn sẽ lên án tôi là 'đạo đức giả, không thực tế, không biết thông cảm v.v.v. nhưng tôi không quan tâm gì về điều này. Tôi cần nói lên những suy tư của riêng tôi vì mục đích góp phần xây dựng cho Giáo Hội được ngày một trở nên nhân chứng đích thực của Chúa Kitô, "**Người vốn giàu sang , phú quý, nhưng đã trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có.**" (2Cor 8:9)

Chúa Kitô có thực sự sống khó nghèo để nêu gương nghèo khó cho chúng ta không?

Chỉ cần đọc lại sơ qua Tin Mừng, người ta , dù với nhãn quan nào, cũng tìm ngay được giải đáp đích đáng cho câu hỏi trên.

Thật vậy, khi sinh ra làm người trên trần thế này, Chúa Giêsu đã không chọn sinh ra trong nơi quyền quý, cao sang, mà lại chọn sinh ra nơi hang bò lừa trong thân hình "**một trẻ sơ sinh bọc tã nằm trong máng cỏ**" (Lc 2:13) giữa mùa đông giá rét. Có lẽ trong lịch sử loài người, không một ai đã sinh ra trong cảnh khó nghèo hơn Chúa Cứu Thế Giêsu, và chắc chắn cũng không có ai đã chết cách nhục nhã và khó nghèo hơn Chúa, khi Người bị treo trên thập giá. Vì nghèo nên Chúa đã không có chỗ để an táng khiến môn đệ phải mượn ngôi mộ trống của ông Giuse cho Chúa nằm tạm trong 3 ngày, chờ phục sinh. (Ga 19:41)

Như thế , còn ai nghèo khó hơn Chúa, cũng như ai dám hoài nghi gương khó nghèo của Người?

Trong khi còn đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ, Chúa Giêsu đã căn dặn các môn đệ như sau: "**Đừng mang theo túi tiền, bao bì, giày dép.**" (Lc 10:4)

Nói thế không phải vì Chúa không thực tế, không nhìn thấy sự cần thiết của nhu cầu vật

chất: như cơm ăn , áo mặc, nhà cửa, phương tiện di chuyển. Thực ra Chúa chỉ muốn các môn đệ trước đây, và mọi tông đồ ngày nay phải sống tinh thần nghèo khó mà chính Người đã làm gương cho họ mà thôi: **“Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu.** (Mt 8:20).

Tinh thần này Chúa đã nói rõ trong Bài Giảng Trên Núi hay còn gọi là Tám Mối Phúc Thật sau đây:

“Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó,

Vì Nước Trời là của họ.” (Mt 5:3, Lc 6:20)

Có tinh thần nghèo khó thì chỉ dùng tiền của, xe cộ nhà ở, như phương tiện cần thiết để sống và làm mục vụ cần di chuyển, chứ không vì mục đích phải kiếm tìm. Mục đích phải kiếm tìm chính là Thiên Chúa và Vương Quốc của Người như Chúa đã nói rõ với các môn đệ xưa kia: **“Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia Người sẽ thêm cho.”** (Mt 6:33)

Như vậy, có tinh thần nghèo khó của Phúc Âm, thì không được chạy theo tiền của và xa hoa vật chất; khiến coi thường người nghèo để chỉ quý trọng hay làm thân với những người giàu có và quyền thế. Cụ thể, đối với người nghèo và không quen biết thì áp dụng luật cứng nhắc như không cho đem xác người chết vào nhà thờ, không cho thân nhân người quá cố là linh mục được đồng tế trong lễ an táng (chuyện có thật xảy ra ở bên nhà do một nhân chứng kể lại) hay lễ cưới của gia đình nghèo. Ngược lại, với gia đình giàu có và thân quen thì lại cho hàng mấy chục linh mục khác đồng tế trong tang lễ cũng như cho đem xác người chết vào trong nhà thờ !!!, Như thế thì làm sao có thể là nhân chứng đích thực cho Chúa Kitô khó nghèo, thương yêu và công bằng với hết mọi người, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, da đen, da trắng, hay da vàng ?

Lại nữa, có và sống tinh thần nghèo khó của Phúc Âm thì không thể coi việc dâng lễ theo ý chỉ của người xin như việc buôn bán, để ai đưa tiền nhiều thì ưu tiên làm lễ trước cũng như cho rao tên trong nhà thờ, trong khi người có ít tiền thì bị từ chối hoặc lấy lý do là đã có đủ lễ rồi, không nhận thêm nữa!... Tệ hại hơn nữa, có những cặp hôn phối chưa được phép chuẩn (annulment) của tòa hôn phối hoặc không được chuẩn nhưng cha vẫn bất chấp giáo luật cử âm thầm chứng hôn cho họ lấy nhau vì họ đã biếu cha một số tiền lớn để hậu tạ! Cha còn dặn thêm là đừng nói cho ai biết. Nhưng người ta vẫn nói nhỏ cho người thân biết, để hợp thức hóa việc họ sống chung trong gia đình thân tộc!

Chưa hết, là linh mục, hình ảnh của Chúa Kitô khó nghèo mà vênh vang đi những xe hơi đắt tiền như BMW, Lexus, Mercedes v.v đeo đồng hồ Rolex, Omega... thì làm sao giảm sự khó nghèo của Phúc Âm cho người khác và thuyết phục được ai sống tinh thần khó nghèo này? Một tệ nạn ở các Giáo Xứ hay Công Đoàn Việt Nam ở Mỹ là tình trạng có nhiều linh mục (có khi trên 20 vị) đồng tế trong các lễ tang, lễ cưới. Đáng lẽ chỉ nên đi đồng tế cho những gia đình thực sự thân quen hay có liên hệ gia đình mà thôi. Nhưng thực tế có nhiều linh mục đi đồng tế vì được mời cho đồng, cho thêm phần long trọng của gia chủ, chứ không vì thân quen hay có liên hệ gia đình. Điều này sẽ gây buồn tủi cho những gia đình không quen biết nhiều cha để mời.

Về vấn đề này, tôi đã có đôi lần nói rõ là: ơn thánh Chúa ban cho người quá cố hay cho các đôi tân hôn không hề lệ thuộc vào con số linh mục đồng tế, nhất là vì số tiền to nhỏ mà gia chủ đã chi ra trong những dịp này.

Nói khác đi, nếu một người khi còn sống không **“lo thu tích vào kho tàng chẳng thể hao mòn ở trên trời, nơi trộm cắp không bén mảng, mỗi một cũng không đục phá”** (Lc 12:33) mà chỉ lo tìm kiếm tiền của, lợi lãi và vui thú trần thế, đến nỗi quên mất Chúa, không dành cho Người một chỗ nào trong tâm hồn mình, thì khi chết đâu có Đức Thánh Cha chủ lễ với hàng trăm Hồng Y Giám mục, và linh mục đồng tế thì cũng vô ích mà thôi. Ngược lại, một người đã thực tâm yêu mến Chúa và cố gắng sống theo đường lối của Chúa suốt cả đời mình thì khi chết đâu không được linh mục nào đến đồng tế cầu nguyện cho, hoặc tệ hại hơn nữa là xác không được cho đem vào nhà thờ, vì không “thân quen” với cha xứ, nên bị đối xử tàn tệ, thì cũng không hề thiệt thòi chút nào khi ra trước mặt Chúa để được đón nhận vào chốn vinh phúc đời đời, nơi tiền của, thân quen và vinh quang trần thế không thể mua hay đổi chác được!

Chắc chắn như vậy.

Do đó, linh mục phải làm gương trước tiên và có bốn phận và trách nhiệm giảng dạy cho giáo dân hiểu rõ chân lý trên đây, thay vì chiều theo thị hiếu của một số người ưa thích khoa trương bề ngoài, thích mời nhiều cha đến đồng tế trong mọi dịp vui buồn khiến nảy sinh tệ trạng linh mục “chạy sô” (show) cuối tuần giống như ca sĩ đi show trình diễn văn nghệ ở nhiều nơi hàng tuần! Có điều khó coi, theo thiên ý, là các gia chủ thường tặng “phong bì” ngay sau lễ ở cuối nhà thờ trước mắt nhiều giáo dân ra về sau lễ. Linh mục đến dâng lễ để cầu nguyện cho người quá cố hay cho đôi tân hôn chứ không phải đến để nhận “phong bì”. Xin mọi người hiểu rõ như vậy để giúp các linh mục sống tinh thần khó nghèo của Phúc Âm, nghĩa là đừng “làm hư” các ngài vì tiền bạc.

Cũng trong tinh thần sống khó nghèo của Phúc Âm, người tông đồ lớn nhỏ của Chúa Kitô ngày nay cũng nên chấm dứt thi nhau ra nước ngoài để xin tiền, gây nhiều phiền phức cho giáo dân hàng tuần đi lễ cứ phải gặp các vị khách lớn nhỏ từ xa “đến thăm” giáo xứ mình. Tuy các vị không công khai xin tiền như trước, nhưng sự có mặt của các vị khách này cũng cho giáo dân hiểu là họ muốn được giúp đỡ cho nhu cầu “**vô tận**” của họ!

Nhưng thử hỏi: giáo hội địa phương có nhiều nhu cầu đến thế hay không mà quá nhiều vị đã bỏ bê đoàn chiên, giáo xứ ở nhà để đi qua đi lại không biết bao nhiêu lần để làm gì ???

Nếu để xin tiền xây cất cơ sở cho thêm đồ sộ để khoa trương với du khách thì đây không phải là nhu cầu chính đáng để phải vất vả đi lại nhiều lần như thế.

Nhu cầu chính đáng, quan trọng và cần thiết nhất là phải xây cơ sở thiêng liêng, nơi tâm hồn mọi tín hữu mà mình có sứ mạng coi sóc, và làm gương sáng cho đoàn chiên được giao phó cho mình chăn dắt. Đây mới thực sự là nhu cầu phải thỏa mãn, cần thiết phải đầu tư tâm trí và thì giờ để tìm kiếm cho bằng được.

Sống trong một xã hội thụt hậu thâm trầm về đạo đức, luân lý, trong khi nhiều giáo dân nói riêng và người dân nói chung còn thiếu thốn mọi mặt, thì những ngôi thánh đường lộng lẫy, những nhà xứ sang trọng đã trở thành dấu phản chứng rõ nét nhất cho tinh thần khó nghèo mà Chúa Kitô đã sống và rao giảng. Chắc chắn Chúa không hài lòng được ngự trong những nơi trang hoàng lộng lẫy giữa đám dân nghèo như vậy.

Linh mục, Đức Kitô thứ hai (Alter Christus), có sứ mạng rất cao cả là mang Chúa Kitô đầy yêu thương, tha thứ, đến với mọi người không phân biệt giàu nghèo, sang hèn! Nghĩa là, qua sứ vụ được lãnh nhận từ bí Tích Truyền Chức Thánh **(không phải là trao tác vụ linh mục như có người vẫn nói sai)** linh mục không những phải rao giảng điều mình tin và nhất là phải sống điều mình giảng dạy, để làm chứng cho Chúa Kitô, “**Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc muôn người.**” (Mt 20: 28).

Chính hàng giáo sĩ, tức các vị lãnh đạo tinh thần, những người “cha thiêng liêng” của dân Chúa đã, đang và sẽ đẩy giáo dân ra khỏi Giáo Hội, và làm mất đức tin của họ; khi họ nhìn thấy đời sống của các ngài không phản ánh trung thực những gì các ngài rao giảng. Chúa Kitô xưa kia đã nhiều lần nặng lời lên án nhóm Luật Sĩ và Biệt phái vì họ nói mà không làm, giảng luật cho người khác tuân giữ nhưng chính họ lại không sống những gì họ dạy người khác phải sống và thi hành.

Tóm lại muốn tránh bị Chúa quở trách, than phiền như Người đã chỉ trích nhóm Biệt Phái và Luật sĩ xưa kia, người tông đồ ngày nay đã học kỹ bài học “giả hình” của bọn người này chưa, để sống trung thực với lời mình rao giảng về tình thương, về đức bác ái, công bằng và nhất là về tinh thần nghèo khó của Chúa Kitô, hầu thuyết phục giáo dân thêm tin yêu Chúa qua đời sống chứng nhân của chính mình ở giữa họ.

Việc rao giảng Tin Mừng sẽ vô hiệu quả khi lời nói không đi đôi với việc làm, nghĩa là không sống và làm chứng cho điều mình giảng dạy cho người khác.

LM Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân.

VỀ MỤC LỤC

NGŨ NGÔN THỜI BẾN LOẠN (KỲ 14 và 15)

Ngụ ngôn 45

Email nói với lá thư đi đường bưu điện: "Này ông, sao cổ lỗ sĩ quá vậy. Vừa tốn giấy, tốn mực, lại tốn phong bì, tốn tem, còn phải bỏ xuống nhật lên cứ y như thời tiền sử. Xem tôi đây, chả giấy mực cũng không cần tem, click một phát là bay ngàn dặm".

Lá thư thông thả trả lời: "Thưa chị, tôi đây tuy già nua chậm chạp, nhưng tôi có ba điều mà chị không dễ gì có được: nét chữ người viết, niềm vui người nhận sau khi đợi chờ, và tạo việc làm cho anh đưa thư nghèo ấy".

Hai bên đang trao đổi qua lại, bỗng cúp điện. Email biến mất. Lá thư nhỏ vui vẻ lên đường.

Ngụ ngôn 46

Lễ hội tương bưng. Sắc màu lấp lánh. Hoa và bong bóng chen nhau. Người người nô nức. Hỏi nhau: "Lễ gì đây nhỉ?" "Ai biết lễ gì, thấy vui thì chen chân vào". Lại hỏi nhau: "Chắc tốn kém lắm" "Ồi dào, có tốn mà đâu có kém, và lại người này có tốn thì người kia mới được gấp bốn".

Chiều xuống, hoa tàn cờ rủ. Thiên hạ mệt mỏi ra về mới chợt thấy hàng chữ: "Mừng cụ A trăm tuổi". Lại có tiếng hỏi: "Cụ A là cụ nào nhỉ?" "Mệt. Vậy mà cũng hỏi. Cụ A là anh cụ B".

Ở góc công viên, cụ A lặng lẽ bóc chiếc bánh cốm ai mới làm rơi bên vệ đường.

Ngụ ngôn 47

Con chim chào mào nói với bà hàng xóm: "Em chẳng biết sao cô én kia lại vui vẻ được, chứ chồng cô ả mang tiếng lắm, cứ quỵ lụy hết người này đến người khác. Đàn ông mà như thế thì "đúng yếu đuối". Phải có lập trường, phải đứng về phía lẽ phải thì mới làm dấu hiệu báo mùa xuân".

Mấy hôm sau, bà hàng xóm sang nói với chị chào mào: "Chồng chị cũng lạ. Nam nhi gì mà yếu đuối, quỵ lụy thiên hạ thế. Phải bảo vệ lẽ phải chứ". Chào mào ngắt lời: "Ấy ấy, chồng em khôn ngoan, chỉ muốn đối thoại để tránh phiền toái thôi mà."

Ngụ ngôn 48

Khách du lịch phàn nàn: "Lạ quá, đến Sài Gòn thì ăn hủ tíu Mỹ Tho, xuống Mỹ Tho phải ăn hủ tíu Nam Vang. Ra Hà nội thì có bún bò Huế. Vào Đà Nẵng lại thấy cây tơ Nam Định. Chạy ra Nam định lại gặp quán mì Quảng. Vậy là sao?"

Cô hướng dẫn viên du lịch nhanh trí trả lời: "Đó là giao lưu văn hoá ẩm thực. Nhưng cũng còn biểu hiện văn hoá con người thời đại".

Khách tròn mắt. Cô nói tiếp: "Bằng cấp chẳng hạn, ở Việt nam cứ khai tuốt bên Mỹ bên Nga đổ ai biết là bằng gì. Ra đồng cỏ thấy hai người dùng ngôn ngữ của người xén lông, chẳng biết ai là người chăn chiên. Học lớp ba mà đăng đàn nói như tiến sĩ, vân vân và vân vân!"

Ngụ ngôn 49

Chim bồ câu bay đến hỏi ý kiến chim chích choè về kỹ năng sống. Chim chích choè bảo:

- Có hai điều em phải nhớ: không được nói xấu người khác và phải khôn ngoan.

Chim bồ câu hỏi:

- Chị nói rõ hơn được không?

Chích choè giải thích dài dòng, nhưng tóm lại như sau:

- Không được nói xấu người khác. Em xem như chim sáo kia, luôn miệng nói lên các hiện tượng trong rừng này. Như thế là không tốt. Sáo ấy à? Có gì hay đâu. Sáo ấy toàn nói sai làm sai. Rồi anh nai rừng. Rõ là ngây thơ. Mà ngây thơ thế chứ có tốt gì đâu. Suốt ngày đi lang thang. Thật là xấu người xấu nết. Đừng bắt chước nai. Còn chú gấu thì có tốt gì.

Chim bồ câu nghe lòng bùng hai tai, chẳng hiểu nói như thế có coi là nói xấu không, vội hỏi câu khác:

- Thế khôn ngoan là sao?

- À, là phải hiền hoà và đừng làm trái đám đông. Làm cái gì cũng ngó trước ngó sau, nhưng ráng năn nỉ khi cần. Ai có hại anh em mình thì cứ cúi đầu đi thẳng, dù sao gia đình mình cũng có mình làm cầu nối, chứ nói nhiều được cái gì...

Chim bồ câu vỗ cánh bay lên, trước khi bay đi còn hỏi thêm một câu mà không chờ trả lời:

- Thế chị sống như thế hèn gì chỉ mình em đến hỏi ý kiến. Chị thấy em có ngây thơ không?

Ngụ ngôn 50

Mưa hoài, mưa hoài. Nhà ngập, đường ngập, sân ngập. Nước tràn lên mọi nơi. Nước gặp người, người bảo: "Chắc cũng đủ rồi. Ngưng lại được chưa?" Nhưng nước gặp thằn lằn, thì thằn lằn lại bảo: "Nước ơi lên nữa, lên nữa đi, tôi thích chị lắm". Thằn lằn nói vậy chứ cả thân mình nó ướt như chuột lột rồi. Nó ngập nhưng nó sợ nước giận nên sống theo lý thuyết riêng của mình. Sau đó nó bệnh nằm hai tuần.

Hết mưa rồi nắng. Nắng như đổ lửa. Nắng nung cháy người. Nắng đốt đất nứt nẻ. Nắng hỏi người: "Sao?" Người nói: "Quá đủ rồi. Ngưng bớt lại đi" Nhưng nắng gặp thằn lằn, thì thằn lằn lại nói: "Nắng nữa đi, nắng nữa đi, tôi yêu lò nung của anh". Thằn lằn nói xong thì lẩn đi ra bất tỉnh. Nóng quá nó đã chảy hết mỡ rồi.

Mưa gặp nắng. Mưa bảo: "Người xem vậy mà nói thật lòng". Nắng nói: "Thằn lằn này thuộc loại gió chiều nào che chiều ấy. Hắn chết thì không sao, nhưng hắn nói thế làm ảnh hưởng đến bao nhiêu người chung quanh, tội nghiệp họ lắm."

Gioan Lê Quang Vinh

www.giaoducconggiao.net

VỀ MỤC LỤC

DÒNG LỆ HƯƠNG GIANG

Kính nhớ Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê

**Nước Hương giang khóc về dòng sông Tibre
Hoa phượng buồn khép cánh rặng mùa Thu
Không gian ảm đạm sương mù
Thời gian tím màu héo hắt**

Cha ra đi

Muôn người trào nước mắt
Thương tiếc vô ngần
Trí tuệ và lương tâm

Cha ra đi, sử đời cha khép lại
Để mở ra những trang vĩ đại
Mãi mãi toả hương thơm
Của một đời hiến thân phục vụ
Công lý hoà bình
Cho chính nghĩa Phúc Âm
Cho vinh quang Thiên Chúa

Cha cam chịu uống cạn chén đắng cha ơi!
Để làm chứng tá kiên cường
Của tình thương và tha thứ
Cha sống gần hai phần ba thế kỷ
Đời cha là một bài thơ
Viết toàn chữ đức Ái
Dưới ánh sáng đức Tin
Và trong suốt nguồn đức Cậy
Dáng vóc cha phảng phất Elia
Và tinh thần cha là Gioan Tẩy Giả

Hôm nay cha về Nước Chúa
Trong vinh quang muôn thuở
Của non nước vĩnh hằng
Xin cầu cho đoàn con khắp thế gian
Biết noi gương cha
Sống Vui Mừng Hy Vọng

Thanh Xuân 20-9-2002

Xuân Ly Băng

VỀ MỤC LỤC

NGƯỜI TÍN HỮU GIÁO DÂN TRONG CÔNG ĐỒNG VATICAN II (phần 1)

NGUYỄN HỌC TẬP

Công Đồng Vatican II được diễn tả như là " Công Đồng của người tín hữu giáo dân ".

Đây là lần đầu tiên một Công Đồng đặc tâm chú ý nhiều đến người tín hữu giáo dân như vậy. Người tín hữu giáo dân chiếm một địa vị ưu đãi trong phần trung tâm tín lý của Công Đồng.

Nếu hai tài liệu *Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân* (*Constitutio Lumen Gentium*, LG) và *Nghị Định Thực Hiện Tông Đồ* (*Decretum, Apostolicam Actuositatem*) đặc biệt đề cập đến người tín hữu giáo dân, thì các tài liệu còn lại của Công Đồng, khắp đó đây người tín hữu giáo dân được đề cập đến trong nhiều lãnh vực truyền giáo khác nhau.

Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng (*Gaudium et Spes*, GS) chẳng hạn, một tài liệu mới của Công Đồng, là một văn kiện cởi mở, đầy thiện cảm và nói lên mối liên đới của Giáo Hội với thế giới hiện đại, ý chí của Giáo Hội hợp tác với thế giới để xây dựng một trật tự nhân loại công bình hơn.

Trong bối cảnh đó, Hiến Chế xác định vai trò chủ động và thiết yếu của người tín hữu giáo dân.

Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng là bản văn tuyên bố

- những nền tảng tín lý về người tín hữu giáo dân,
- quan niệm về một Giáo Hội để tâm suy nghĩ về vai trò của mình để phục vụ thế giới,
- mở rộng nhãn quang về các phận vụ của người tín hữu giáo dân đối với môi trường họ sống.

Giáo Hội của Công Đồng Vatican II là Giáo Hội hướng ngoại " *ad extra* ", mở rộng cửa sứ mạng của mình để phục vụ thế giới.

1 - Định hướng nền tảng về Giáo Hội của Công Đồng Vatican II.

Hai mục tiêu chính định hướng về Giáo Hội được các Nghị Phụ Công Đồng lúc đó đưa ra là " *Giáo Hội hướng nội và Giáo Hội hướng ngoại* " (*Ecclesia ad intra et Ecclesia ad extra*, xây dựng nội bộ Giáo Hội và sứ mạng mở rộng phục vụ thế giới con người).

Với tâm thức vừa kể, người tín hữu giáo dân là những người, mà nhờ họ, Giáo Hội hội nhập được vào xã hội con người, để thực hiện nhiệm vụ đem Phúc Âm tình thương Thiên Chúa và cứu rỗi cho con người.

Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (LG), dựa vào Thánh Kinh và kho tàng truyền thống từ các Giáo Phụ, đã hướng dẫn Giáo Hội thoát xuất khỏi quan niệm Giáo Hội phẩm trật và mở đường cho một Giáo Hội mẫu nhiệm và lịch sử, nhứt là Giáo Hội Cộng Đồng Dân Chúa, để nhấn mạnh đến đặc tính cộng đồng, lễ hành và cánh chung của Giáo Hội.

Đặc tính mẫu nhiệm của Giáo Hội, hay chương trình cứu rỗi của Thiên Chúa được mạc khải trong lịch sử, nảy sinh ra một Cộng Đồng Dân Chúa, bao gồm mọi người, mọi dân tộc, mọi quốc gia và mọi ngôn ngữ.

Trong Cộng Đồng Dân Chúa được quy tụ như vừa kể, chúng ta có hai tiêu chuẩn phân biệt:

- tiêu chuẩn năng động và thừa tác viên (*functionalis - ministerialis*),
- tiêu chuẩn trần thế và tôn giáo (*secularis - religiosus*).

Với tiêu chuẩn **năng động và thừa tác viên**, chúng ta phân biệt thành phần Dân Chúa thành *giáo phẩm* (*clericus*) và *không giáo phẩm* (*non clericus*), tức là phân biệt giữa hàng giáo phẩm và những ai không có một chức vụ gì liên quan đến các *tác động thừa tác viên* (*ministerialis*).

Các thừa tác viên là những tín hữu Chúa Ki tô được lãnh nhận chức vụ qua phép Truyền Chức.

Với tiêu chuẩn **trần thế và tôn giáo** chúng ta có giáo dân và tu sĩ.

Nhưng qua các tiêu chuẩn vừa kể, không phải là tiêu chuẩn để phân biệt phẩm trật và ngôi thứ trước mặt Chúa, có chăng để phân biệt phận vụ và tác động để phục vụ cả cộng đồng dân Chúa: mọi thành phần trong cộng đồng Dân Chúa đều có địa vị ngang nhau và mọi người được kêu gọi trở nên thánh thiện.

Trở nên thánh thiện có nghĩa là thông hiệp với Chúa, nhân chứng gương mẫu các huấn dụ Phúc Âm bằng đời sống của mình, thể hiện chiều hướng cánh chung của sứ mạng Giáo Hội và hiệp thông với Chúa Phục Sinh, khi Thiên Chúa trở thành tất cả trong mọi sự (*G. Philips, La Chiesa e il suo mistero nel Concilio Vaticano II, vo. 2., Jaca Book, Milano 1969, 24*).

Giáo Hội như vừa kể được Thiên Chúa đặt vào dòng lịch sử con người, như là dấu chỉ và dụng cụ thực hiện ơn cứu rỗi của Người.

Mỗi thành phần trong Cộng Đồng Dân Chúa tham dự vào sứ mạng quy tụ cả nhân loại thành một thực thể hợp nhứt mà Chúa Giêsu đến để thiết lập.

Sứ mạng của Giáo Hội là sứ mạng bẩm sinh, được Chúa Giêsu giao phó cho Giáo Hội ngay từ lúc Giáo Hội được sinh ra và sứ mạng đó là sứ mạng bắt nguồn từ chính sứ mạng của Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Nghị Định Truyền Giáo cho Muôn Dân (Decretum Ad Gentes) đã tóm lược một cách tuyệt diệu sứ mạng của Giáo Hội:

" Giáo Hội sống giữa dòng thời đại, tự bản tính mình, là Giáo Hội truyền giáo, bởi vì từ chính sứ mạng của Chúa Con và sứ mạng của Chúa Thánh Thần, theo chương trình của Chúa Cha, mà Giáo Hội được khởi thủy " (Ad Gentes, 2).

Sứ mạng được thể hiện bằng các động tác truyền giáo và nhằm đến với mọi người, để bất cứ ai cũng được nghe nói đến sứ điệp cứu rỗi và thông hiệp với Chúa Ki Tô (*Giacomo Canobbio, Laici o Cristiani?, Morcelliana, Brescia 1997, 215*).

Được đặt vào dòng lịch sử của nhân loại, Giáo Hội chia sẻ cùng một số phận trần thế với nhân loại và bước đi theo dòng thời gian lấy vui mừng, hy vọng, mệt nhọc và đau khổ của nhân loại làm của mình. Bằng hành động và sứ điệp Giáo Hội tìm cách đáp lại những câu hỏi sâu thẳm phát xuất từ đáy lòng của con người:

- *" Vui mừng và hy vọng, buồn thảm và lo âu của con người ở thời đại này, nhứt là của những ai nghèo khó và của những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, buồn thảm và lo âu của các môn đệ Chúa Ki Tô, và không có gì thực sự thuộc về con người mà không có âm hưởng trong lòng các môn đệ" (GS, 1).*

Theo gương Chúa Giêsu, vị Thầy của Giáo Hội, Đấng đến để phục vụ chứ không phải để được phục vụ.

Đặt sứ mạng trong trường độ đó, chúng ta sẽ hiểu được sứ mạng của Giáo Hội

- không những chỉ là sứ mạng tôn giáo, chỉ lo giảng dạy giáo lý cho con người,
- mà là sứ mạng liên quan đến con người toàn diện, bởi vì Chính Ngôi Lời đã nhận lãnh lấy và hướng dẫn cả tạo vật vũ trụ đến hoàn hảo.

Hiểu như vậy, chúng ta hiểu được cả thế giới tạo vật được Chúa dựng nên và cả con người là đối tượng sứ mạng của Giáo Hội.

Những gì chúng ta vừa đề cập là nội dung của Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng (GS).

Đặt định hướng của Giáo Hội trong nhãn quang vừa kể, chúng ta thấy được Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng (GS) đặt người tín hữu giáo dân ở một địa vị nổi bật: **chính qua người tín hữu giáo dân, mà Giáo Hội có ý cộng tác bằng các động tác của mình vào các lãnh vực mênh mông và khác nhau trong cuộc sống xã hội của con người.**

Động tác truyền giáo của Giáo Hội đối với xã hội con người

- không những chỉ giới hạn ở lãnh vực giảng dạy luân lý, phê bình, tố giác các cách ăn thói ở, hành xử bất chính,
- mà tích cực cộng tác, tìm hiểu học hỏi chung, là bạn đồng hành với con người.

Mục đích của Giáo Hội không phải là xâm chiếm hay phòng thủ tự vệ, cho bằng được tràn đầy ân sủng và mạc khải của Thiên Chúa, Giáo Hội tự nhận thức mình được Chúa giao phó cho trách nhiệm là men bột của môi trường xã hội con người, làm dậy men thực tại cấu trúc của con người, dẫn con người đến triển nở hoàn hảo mầu mỡ sự thiện tốt lành mà Chúa đã gieo vào lòng con người, khi Ngài dựng nên họ (Gn 1, 27).

Đó là những gì Đức Thánh Cha Phaolô VI đã nói với các Nghị Phụ Công Đồng:

- *" Thái độ của Giáo Hội là thái độ rất lạc quan: một dòng thác thương yêu và cảm mến của Công Đồng đang tuôn tràn ra trên thế giới hiện đại. Khiến trách các sai trái, đúng! Giáo Hội phải khiển trách, đó là vì đức bác ái và chân lý đòi buộc. Nhưng đối với con người, Giáo*

Hội chỉ nhắc nhở, kính trọng và thương yêu. Thay vì có cái nhìn chuẩn định làm chán nản, Giáo Hội đề nghị những phương thức sửa chữa đầy phấn khởi; thay vì tiên đoán với những triệu chứng thảm đạm, Công Đồng đã tuyên bố cho thế giới hiện đại những sứ điệp đầy tin tưởng: các giá trị mà thế giới đạt được không những được Giáo Hội tôn trọng, mà còn được Giáo Hội vinh danh, các cố gắng của con người được Giáo Hội trợ lực, các ước vọng của họ được thanh tẩy và chúc lành" (Phaolo VI, Omelia del 17.12.1965, Enchiridion I, 47).

Trước viễn ảnh lạc quan, đầy phấn khởi vừa kể của Công Đồng, qua lời Đức Thánh Cha Phaolo VI, mọi tín hữu Chúa Ki Tô, không phân biệt ở đẳng bậc nào, đều được mời gọi tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội, mỗi người tùy theo thể thức được Chúa sắp đặt, người thì qua:

- các động tác thừa tác viên các Bí Tích và lời giảng dạy,
- các ân sủng trong đời sống tận hiến,
- các ơn kêu gọi đặc biệt, trong hoàn cảnh sống cộng tác và hỗ trợ người khác.

Như vậy Giáo Hội là một thực thể rộng mở:

- rộng mở theo chiều cao, từ trên cao Giáo Hội nhận được thực thể của mình, được sinh ra và thiết định hình thái của mình.

- rộng mở theo chiều rộng, từ dòng lịch sử con người Giáo Hội tiếp nhận được ngôn ngữ, văn hóa và tâm thức của con người. Và vào dòng lịch sử, Giáo Hội phổ biến thẩm thấu đời sống của Thiên Chúa để biến con người và thế giới con người nên hoàn hảo như ý Chúa muốn.

Giáo Hội là thân thể của Chúa Giêsu, trong đó mỗi thành phần cộng tác hoạt động nhằm đem lại lợi ích chung cho cả thân thể.

Trong nhãn quang đó, người tín hữu giáo dân là thành phần của Cộng Đồng Dân Chúa với đầy đủ địa vị của mình.

Người tín hữu giáo dân có ơn gọi và tác động đặc biệt, ơn gọi sống và hành động giữa trần thế, dấu chứng Giáo Hội hiện diện trong hoàn cảnh sống thường nhật của con người.

2 - Người tín hữu giáo dân tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội.

Đọc lại những tài liệu lịch sử của thời kỳ tiền Công Đồng cũng như thời kỳ Công Đồng đang nhóm họp, chúng ta thấy mối lo âu của các chuyên viên cũng như của Nghị Phụ là làm sao xác định được địa vị và vai trò người tín hữu giáo dân, để Giáo Hội có thể hoạt động chu toàn sứ mạng và đạt được mục đích được đề cập ở trên:

- rao giảng Phúc Âm,
- cộng tác và thánh hoá thế giới hiện đại, như men bột thẩm thấu và làm bột dậy men Phúc Âm,
- tạo được một xã hội công chính, thánh thiện xứng đáng với con người.

Dự án thứ nhứt của Ủy ban soạn thảo tiền Công Đồng về người tín hữu giáo dân, chúng ta có những tư tưởng như sau:

- " ...với từ ngữ người tín hữu giáo dân, chúng ta có thể hiểu là con cái của Giáo Hội, được hội nhập vào cộng đồng dân Chúa qua phép rửa, nhưng vẫn sống giữa trần thế, được hướng dẫn bằng những lề luật chung của đời sống Ki Tô Hữu. Như vậy Công Đồng đề cập đến các tín hữu đó, là những tín hữu không được Chúa gọi vào phẩm trật giáo sĩ, cũng không vào đời sống tu sĩ được Giáo Hội chuẩn nhận, mà phải sống đời sống thánh thiện Ki Tô Giáo, làm rạng danh Thiên Chúa, dưới hình thức đặc biệt của họ, qua các động tác trần thế. Dẫn thân vào các động tác trần thế, được tinh thần Phúc Âm hướng dẫn, họ chiến đấu một cách hữu hiệu chống lại thế giới man dại, hay nói đúng hơn, với ơn gọi Ki Tô giáo của họ, họ thánh hoá thế giới từ bên trong" (I Schema preparato dalla Commissione Preconciliare, cit. by Giacomo Canobbio, Laici o cristiani, Morcelliana, Brescia 1997, 218).

Dự án vừa kể được đưa vào Nghị Hội, được các Nghị Phụ bàn cãi và một vài tư tưởng nhấn mạnh được hoán chuyển.

Việc hoán chuyển đầu tiên là hoán chuyển liên quan đến vai trò tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội.

Trong dự án vừa được trích dẫn, chúng ta thấy Ủy ban soạn thảo nhấn mạnh đến việc thánh hoá của người tín hữu giáo dân:

- "...*sống đời sống thánh thiện...qua các động tác trần thế*", thì ở Dự Án thứ hai, trong bàn hội nghị, dự án đặc biệt chú ý đến vai trò sứ mạng của người tín hữu giáo dân:

- "...*người tín hữu giáo dân tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội cả các hoạt động tôn giáo*..." (II Schema, id., 219.).

Qua cách chuyển đổi đó, chúng ta thấy được, Dự Án I nhấn mạnh đến giá trị của hoạt động trần thế liên qua việc *thánh hoá bản thân* của người tín hữu giáo dân.

Trong khi đó thì Dự Án II nhắc nhở đến *phận vụ sứ mạng tôn giáo*, đặc biệt của Giáo Hội và người tín hữu giáo dân được mời gọi tham dự, "... *cả qua các hoạt động tôn giáo*".

Và rồi hai khuynh hướng khác nhau hoạt động "*trần thế và tôn giáo*" được đút kết trong Dự Án III chung kết, trước khi đưa vào Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (LG):

— "*...người tín hữu giáo dân (qua Phép Rửa) được biến thành người có quyền và bổn phận tham dự theo cách thức của họ vào chức vụ tư tế, tiên tri và vương tước của Chúa Giêsu, hành xử trong Giáo Hội và giữa trần thế sứ mạng của cả Cộng Đồng Dân Chúa tùy theo phần của mình*" (III Schema, cit. Giacomo Canobbio, op. cit., 218-219).

Như vậy trong Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (LG), đặc tính trần thế của người tín hữu giáo dân tham dự sứ mạng của Giáo Hội sẽ được xác định rõ rệt, "*...hành xử trong Giáo Hội và giữa trần thế...tùy theo phần của mình*", so với hành giáo phẩm và tu sĩ trong Cộng Đồng Dân Chúa.

Người tín hữu giáo dân là người có địa vị trong thành phần Cộng Đồng Dân Chúa, như bất cứ ai khác.

Ý nghĩa trên càng thể hiện rõ rệt hơn nữa, nếu chúng ta nhìn qua cấu trúc của Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (LG), Hiến Chế nền tảng tín lý của Cộng Đồng Dân Chúa.

Trong Dự án được trình diện cho các Nghị Phụ bàn thảo ở chu kỳ hội thảo lần thứ hai, chương liên quan đến Cộng Đồng Dân Chúa được xếp vào chương III của Hiến Chế, sau khi đề cập đến Mầu Nhiệm của Giáo Hội ở chương I và Hàng Giáo Phẩm ở chương II.

Cách xếp đặt vừa kể chịu ảnh hưởng của quan niệm về Giáo Hội của các năm ở thập niên '50 cũng như trước đó, tiếp tục theo truyền thống có từ thời Trung Cổ về Giáo Hội, theo đó thì Hàng Giáo Phẩm là những Đấng Bậc đứng trung gian giữa Chúa Giêsu và Dân Chúa.

Sau những cuộc bàn thảo trong chu kỳ vừa kể, các Nghị Phụ đã đi đến kết luận chung kết cấu trúc của Hiến Chế, đảo ngược chương III về Cộng Đồng Dân Chúa thành chương II, đem chương II về hàng Giáo Phẩm xuống chương III và chương IV nói về người tín hữu giáo dân.

Cách xếp đặt vừa kể cấu trúc của Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (LG) cho thấy,

- sau chương I nói về Mầu Nhiệm của Giáo Hội (mạc khải Thiên Chúa và đem ơn cứu rỗi đến cho con người),

- chương II kế tiếp của Hiến Chế đề cập đến Cộng Đồng Dân Chúa, trong đó gồm tất cả các thành phần giáo sĩ, tu sĩ cũng như giáo dân. Người tín hữu giáo dân là thành phần của Cộng Đồng Dân Chúa với đủ tư cách như bất cứ ai. Giáo sĩ và tu sĩ cũng là thành phần của Cộng Đồng Dân Chúa.

- Kể đến chương III bàn về Hàng Giáo Phẩm
- và chương IV nói về người tín hữu giáo dân.

Điều đó cho thấy, sau khi đề cập đến địa vị với đầy đủ tư cách, quyền và trách nhiệm của mỗi thành phần Cộng Đồng Dân Chúa, Công Đồng bàn đến

* động tác của Hàng Giáo Phẩm (c. III)

* và động tác của người tín hữu giáo dân (c. IV), mỗi người trong lãnh vực của mình để cùng cộng tác xây dựng Cộng Đồng Dân Chúa và chu toàn sứ mệnh của Giáo Hội.

Đặt Cộng Đồng Dân Chúa ở chương II, Công Đồng Vatican II có ý đặt Hàng giáo Phẩm và giáo dân cùng trên một nền tảng chung như nhau, đều thuộc Cộng Đồng Dân Chúa như nhau.

Bất cứ vị giáo sĩ nào, trước khi là giáo sĩ, vị đó đã người tín hữu Chúa Ki Tô trước đã, qua phép Rửa (*S. Dianich, Laici e laicità nella Chiesa, Dossier sui laici; Queriniana, Brescia 1987, 151*).

Sau đó, qua phép Truyền Chức, phận vụ của vị giáo sĩ khác phận vụ của người tín hữu giáo dân, môi trường, phương thức và động tác khác nhau, nhưng cùng hoạt động, để tham dự vào sứ mạng đem lời Chúa và đem ơn cứu rỗi thánh hoá con người và thánh hoá thế giới được Chúa dựng nên.

Như vậy người tín hữu giáo dân không phải là những kẻ từ bên ngoài được thu vào, cộng thêm vào Cộng Đồng Dân Chúa như kẻ " *ăn nhờ ở đậu* ", " *ăn cơm ngủi, ở nhà ngoài* ", mà là thành phần Dân Chúa với đủ tư cách do sức mạnh tác động thánh hoá của Chúa trong Phép Rửa, ban cho họ tham dự vào đời sống của Ba Ngôi Thiên Chúa, ngay từ lúc họ nhận phép Rửa:

- " *Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần*" (Mt 28, 19).

Qua những gì vừa đề cập, những suy luận cũng như cách cấu trúc của Hiến Chế, chúng ta hiểu được mối liên hệ giữa Chúa Giêsu và Giáo Hội hay giữa Chúa Giêsu và Cộng Đồng Dân Chúa là mối tương giao trực tiếp (c. I: Mẫu Nhiệm Giáo Hội; c. II: Cộng Đồng Dân Chúa).

Trong khi đó Hàng Giáo Phẩm được Công Đồng suy nghĩ đến kế tiếp (c. III), liên quan đến phận vụ để phục vụ Cộng Đồng Dân Chúa.

Như vậy, cả Cộng Đồng Dân Chúa được Công Đồng Vatican II xác nhận cho trách nhiệm mà trước kia chỉ được quy trách cho Hàng Giáo Phẩm (*Giacomo Canobbio, id., 220*).

Cộng Đồng Dân Chúa được Chúa Giêsu thiết lập nên là Dân Chúa tham dự chức tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Giêsu, Người Lãnh Đạo Cộng Đồng.

2 - Đặc tính trần thế của người tín hữu giáo dân.

(Tất cả Cộng Đồng Dân Chúa tham dự vào chức tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Giêsu là Đầu của mình như thế nào và với ý nghĩa gì, chúng ta sẽ có dịp bàn đến trong những lần tới).

Qua những gì được trình bày ở trên, chúng ta thấy rằng Công Đồng Vatican II xác nhận rằng người tín hữu giáo dân là

- người tín hữu Chúa Ki Tô, thành phần của Cộng Đồng Dân Chúa như bất cứ thành phần, đẳng bậc nào khác

- và tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội với đủ tư cách phát xuất từ bản tính bẩm sinh của mình, từ ngày mình nhận phép Rửa, để thông hiệp với Chúa Giêsu, thông hiệp với đời sống Ba Ngôi Thiên Chúa.

Một khi xác nhận được như vậy, chúng ta phải tìm hiểu thêm đặc tính của phận vụ tham dự vào sứ mạng rao giảng Phúc Âm và đem ơn cứu rỗi đến cho nhân loại đó của Giáo Hội, đối với người tín hữu giáo dân gồm những gì.

Điều vừa kể chúng ta có thể tìm hiểu được dựa theo những hiểu biết về *Ki Tô học* (*Christologia*) và *Giáo Hội Học* (*Ecclesiology*).

Đặc tính của người tín hữu giáo dân tham dự vào sứ mạng truyền giáo và đem ơn cứu rỗi của Giáo Hội như vậy, trước tiên được diễn tả theo mỗi tương quan: người tín hữu giáo dân tác động tương quan với hàng giáo phẩm và tu sĩ; liên hệ giữa người tín hữu giáo dân và thế giới được Chúa dựng nên.

- tương quan giữa người tín hữu giáo dân và hàng giáo phẩm và tu sĩ được Công Đồng diễn tả bằng từ thành ngữ " *tùy theo phần của mình*".

- mỗi liên hệ giữa người tín hữu giáo dân và xã hội trần thế được diễn tả bằng tư tưởng, *nhờ họ và qua họ* (*người tín hữu giáo dân*) *Giáo Hội có thể hiện diện được giữa xã hội con người và soi sáng hướng dẫn con người trong cuộc sống bằng ánh sáng Phúc Âm*.

Đối với hàng giáo phẩm và tu sĩ, người tín hữu giáo dân là người sống giữa trần thế (dĩ nhiên giáo sĩ và tu sĩ cũng sống giữa trần thế), nhưng người tín hữu giáo dân có cách sống và môi trường sống đặc thù của mình, được Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân diễn tả:

- " *Nơi đó (ở giữa trần thế), người tín hữu giáo dân được Chúa kêu gọi, như là cách thức của men bột từ bên trong, góp phần thánh hoá thế gian, qua việc hành xử các phận vụ của chính mình, dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm. Và như vậy,(người tín hữu giáo dân) làm cho người khác nhận ra Chúa Ki Tô nhất là chứng nhân bằng đời sống của mình và bằng ánh chớp sáng lạng của đức tin, của niềm hy vọng và đức bác ái* " (LG, 31).

Hình ảnh men bột được rút ra từ Phúc Âm Thánh Matthêu,

" *Nước Trời cũng giống như chuyện năm men bột bà kia lấy vùi vào ba thúng bột, cho đến khi tất cả bột dậy men*" (Mt 13, 33). cho thấy giá trị của đời sống thường nhật người tín hữu giáo dân,

- ngay cả chỉ bằng cuộc sống Ki Tô hữu thôi, cũng đã là cuộc sống nhân chứng truyền giáo trong xã hội,

- chưa cần phải nói đến phải hô hào, rao giảng, hội họp, rước kiệu, biểu tình, tổ chức

- và hoạt động trong các cơ quan từ thiện hay chung sức với những người khác trong môi trường xã hội, chính trị tranh đấu cho mình và cho đồng bào mình có được cuộc sống xứng đáng với nhân phẩm con người.

Người tín hữu giáo dân, sống trong các điều kiện và hoàn cảnh thường nhật của cuộc sống theo tinh thần Phúc Âm, đã là nền tảng và khởi đầu để thăng tiến và hoán cải xã hội con người và thực tại trần thế.

Ơn gọi và sứ mạng của người tín hữu giáo dân là " *...hành động đối với các thực tại trần thế và quy hướng chúng theo thánh ý của Thiên Chúa* ".

Đó là phương thức tìm kiếm Nước Trời của người tín hữu giáo dân.

Tìm kiếm Nước Chúa trong tinh thần vừa kể là lo lắng thực hiện những gì Chúa muốn, như Chúa Giêsu đã khuyên dạy chúng ta trong Phúc Âm thánh Matthêu:

- " *Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những điều khác, Người sẽ thêm cho*" (Mt 6, 33).

Điều vừa kể cho thấy người tín hữu giáo dân sống đời sống ơn kêu gọi thánh hóa chính mình và thánh hóa thực tại trần thế như Chúa muốn, là sống hội nhập, đôn kết và đồng trách nhiệm với môi trường trần thế, xa hẳn với quan niệm " *thoát tục* " mới tìm được Chúa.

Cuộc sống thường nhật, với hoàn cảnh vui buồn và trách nhiệm của mình, sống trong ánh sáng Phúc Âm, là chính cuộc sống ơn Chúa kêu gọi người tín hữu giáo dân, đặt họ vào chính môi trường sống để họ gặp được Ngài, phục vụ Ngài và phục vụ anh em.

Tách rời cuộc sống thường nhật giữa trần thế và cuộc sống tâm linh tôn giáo, bị Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng (Gaudium et Spes, GS) cảnh cáo như là một trong những sai lầm rất nguy hại trong thời đại chúng ta, là lỗi thoái thác diện cố nguy hại cho cả phần rỗi của mình:

- " Công Đồng khuyến khích các tín hữu Chúa Ki tô, là công dân của thị xã này và cũng của thị xã kia, hãy cố gắng trung thành chu toàn các bổn phận trần thế của mình, dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm. Thật là sai lầm, những ai nhận thức được rằng ở đây dưới trần thế, chúng ta không có quyền công dân cố định, từ đó bỏ đi tìm quyền công dân ở của thị xã tương lai, từ đó nghĩ rằng mình có thể chuyển mớ các bổn phận trần thế. Những người đó, trái lại, không nghĩ rằng chính đức tin đòi buộc họ hơn nữa phải chu toàn các bổn phận đó, mỗi người tùy theo ơn gọi của mình (...).

Sự tách biệt, không phải chỉ đối với một số ít người, giữa đức tin mình tuyên xưng và đời sống thường nhật của mỗi người phải được coi là một trong những sự sai lầm hệ trọng nhất trong thời đại chúng ta (...). Đừng ai cho rằng giữa các hoạt động nghề nghiệp và xã hội một bên và đời sống tôn giáo phía bên kia, có những tương phản. Người tín hữu Chúa Ki Tô chuyển mớ các bổn phận trần thế của mình, chuyển mớ các bổn phận của mình đối với anh em, đúng hơn là đối với chính Chúa, là người đặt phần rỗi vĩnh cửu của mình vào nguy hiểm" (GS, 43).

Hoàn cảnh sống của người tín hữu giáo dân, như vậy, được Công Đồng giải thích như là ơn gọi.

Chuyên cần thực hiện các bổn phận của mình, trong hoàn cảnh sống thường nhật theo tinh thần Phúc Âm, là chu toàn thánh ý Chúa.

Dĩ nhiên các giáo sĩ và tu sĩ cũng sống giữa trần thế, không bị coi là " người ngoại cuộc" đối với các bổn phận của người tín hữu giáo dân, nhưng các đấng giáo sĩ và tu sĩ có thể thực hiện các bổn phận đó với tư cách là những người hỗ trợ hay thay thế (...per modum suppletivum).

Bởi đó Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng không quả quyết một cách siết chặt, dành quyền lãnh vực trần thế cho giáo dân độc quyền:

- " Các bổn phận và hoạt động trần thế là lãnh vực chính của người tín hữu giáo dân, mặc dầu không phải là dành riêng cho một mình họ" (GS, 43).

Trong các lãnh vực trần thế, người tín hữu giáo dân được dành cho một vị trí đặc biệt, bởi vì chính hoàn cảnh và điều kiện sống của họ, họ là người hiểu biết, có kinh nghiệm, có thẩm quyền (compétents) đối với những vấn đề liên hệ với cuộc sống trần thế.

Trong một vài trường hợp, Giáo Hội chỉ có thể hiện diện được qua người tín hữu giáo dân, như muối đất, ít nhất là trong điều kiện sống thông thường.

Sự hiện diện của Giáo Hội không phải chỉ hiện diện bằng Hàng Giáo Phẩm hay tu sĩ với áo dòng, áo lễ, hiện diện bằng lời giảng dạy, nghi thức phụng tự, mà cũng có thể **hiện diện bằng ảnh hưởng** qua cuộc sống và hành động của người tín hữu giáo dân, thể hiện theo tinh thần Phúc Âm, ảnh hưởng bằng phương thức " *men bột, muối đất* ".

Người tín hữu giáo dân biến đổi và thánh hóa xã hội và thực tại trần thế từ bên trong.

Với bổn phận không ai có thể thay thế được đó của người tín hữu giáo dân, Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng (GS) , trong phần hai, liệt kê một loạt các lãnh vực mà người tín hữu giáo dân là mắc xích cần thiết, để Giáo Hội có thể hiện diện và thực hiện sứ mạng của mình.

Nói đúng hơn trong các môi trường sống đó, sứ mạng của Giáo Hội được chính người tín hữu giáo dân, thành phần của Giáo Hội thực hiện. Đó là những lãnh vực

- " ...hôn nhân và gia đình, văn hoá con người, đời sống kinh tế và xã hội, lãnh vực chính

trị, liên đới và hoà bình giữa các dân tộc..." (cfr. GS, 43).

Trong những lãnh vực vừa kể, người tín hữu giáo dân hành xử như là người có trách nhiệm, được soi sáng bởi ánh sáng Phúc Âm và tôn trọng bản chất của các sự vật, không trông đợi những giải đáp thoả đáng của các chủ chăn, khi có vấn đề phải giải quyết. Bởi lẽ đó không phải là nhiệm vụ và có thẩm quyền của chủ chăn:

- "*Họ (người tín hữu giáo dân) nên trông đợi ở các linh mục ánh sáng và sức mạnh thiêng liêng. Nhưng họ đừng nghĩ rằng các vị chủ chăn của họ có thẩm quyền để có thể cung cấp cho họ một giải pháp thiết thực và tức thời đối với bất cứ vấn đề gì, ngay cả vấn đề quan trọng cũng vậy, xảy ra cho họ, hay đó là sứ mạng của các vị. Đúng hơn, được soi sáng bằng đức khôn ngoan Ki Tô giáo, biết trung thành lắng nghe lời giáo huấn của Giáo Hội, chính họ hãy đứng ra nhận lãnh trách nhiệm" (GS 43, 2).*

Như vậy đối với Công Đồng Vatican II, người tín hữu giáo dân không phải là hạng người "*vị thành niên*", cần luôn luôn được "*nắm tay*" hướng dẫn và "*xách lổ tai*" để khiển trách và chỉ đường, như người thừa hành "*lệnh trên*" của các Đấng Bản Quyền.

Người tín hữu giáo dân, trong các lãnh vực trần thế, là người tự đứng ra quyết định, hành động và "*...đứng ra nhận lãnh trách nhiệm của mình*".

Chính họ là những người có khả năng làm cho Giáo Hội hội nhập và hiện diện trong xã hội con người, giảng dạy và ảnh hưởng đến con người qua chính đời sống và động tác chứng nhân của họ trước mọi lãnh vực trần thế.

Người tín hữu giáo dân là thành phần tham dự và hoạt động tích cực thực hiện sứ mạng của Giáo Hội, "*... tùy theo phần của mình*" (III Schema, id.).

Hiểu được như vậy, chúng ta hiểu được tại sao Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (Lumen Gentium), dành cả chương IV đề cập đến địa vị của người tín hữu giáo dân, sau khi đã diễn giải về Hàng Giáo Phẩm ở chương III:

- "*Thánh Công Đồng, sau khi đã xác định về phận vụ của Hàng Giáo Phẩm, rất hài lòng được quy hướng tư tưởng của mình về địa vị của các tín hữu được gọi là giáo dân" (LG, 30).*

Qua những gì vừa tìm hiểu, chúng ta thấy được người tín hữu giáo dân không phải là "*công dân hạng hai*" trong Cộng Đồng Dân Chúa (c. II LG : Cộng Đồng Dân Chúa gồm cả giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân), cùng được sinh ra như nhau trong phép Rửa và do đó có bốn phận như nhau tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội, không phải là tham dự sứ mạng "*thừa lệnh trên*".

Mọi tín hữu Chúa Ki Tô, không phân biệt phẩm trật, từ lúc mình được sinh ra trong phép Rửa, trở thành phần Thân Thể Mầu Nhiệm của Chúa Giêsu, là thành phần với đầy đủ tư cách và trách nhiệm tham dự vào sứ mạng và tước vị tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Giêsu, là Đầu của thân thể.

3 - Người tín hữu giáo dân và chủ chăn.

Những gì được đề cập cho thấy Công Đồng Vatican II dựa trên nền tảng thần học để diễn tả các thành phần trong Cộng Đồng Dân Chúa:

- địa vị và phẩm giá như nhau, đều là con cái Chúa,

- phận vụ khác nhau để phục vụ Chúa và phục vụ anh em (*Giacomo Canobbio, id., 232*).

Những điều vừa kể được diễn tả đều khắp trong điều 37 Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân (LG 4, 37): đề cập đến quyền và bốn phận của người tín hữu giáo dân đối với vị chủ chăn và ngược lại quyền và nhiệm vụ của vị chủ chăn đối với họ:

a) quyền và bốn phận người tín hữu giáo dân đối với vị chủ chăn:

- quyền được lãnh nhận các của cải thiêng liêng của Giáo Hội: lời Chúa và các Bí Tích,

- quyền và bổn phận nói lên ý kiến của mình đối với những gì liên quan đến lợi ích cho Giáo Hội,

- bổn phận vâng phục các lời huấn dạy của giáo quyền về tín lý và luân lý.

Quyền và bổn phận phát biểu ý kiến của mình liên hệ đến những gì lợi ích cho Giáo Hội, được nêu lên một cách nổi bật ở điều 37 đối với Hàng Giáo Phẩm cho thấy xác tín của Công Đồng rằng người tín hữu giáo dân cũng là thành phần của Giáo Hội.

Những gì thuộc lãnh vực của mình, người tín hữu giáo dân có bổn phận như mọi thành phần khác để mưu ích chung cho cả thân thể Chúa Ki Tô.

Dĩ nhiên không phải quyền và bổn phận " *phát ngôn bừa bãi* " mà những gì đòi buộc phải có hiểu biết, can đảm, khôn ngoan, kính trọng và bác ái.

Muốn được như vậy, người tín hữu giáo dân phải

- được học hỏi, huấn luyện, có được các hiểu biết chuyên môn nghề nghiệp,

- mà cũng phải được huấn luyện về thần học, được các vị chủ chăn giúp đỡ, khuyến khích và hướng dẫn.

Các lớp thần học dành cho giáo dân hiện nay được mở ra đầy dẫy ở Âu Châu đáp ứng lại nhu cầu vừa kể, ai cũng có thể tham dự được.

Quyền và bổn phận trong Cộng Đồng Dân Chúa khác với quan niệm thông thường của các tổ chức trần thế.

Trong Giáo Hội không có gì mỗi người có " *quyền và bổn phận* ", kỳ vọng cho chính mình, mà không mưu đem lại lợi ích cho anh em khác.

Như vậy quyền và bổn phận " *bày tỏ tư tưởng của mình* ", phải là những gì

- phát xuất từ đời sống thánh đức

- và thẩm quyền hiểu biết lãnh vực trần thế của mình.

Bổn phận vâng phục của người tín hữu giáo dân đối với vị chủ chăn là vì vị chủ chăn là người đại diện cho Chúa Ki Tô giảng dạy và hướng dẫn mình, trong tín lý và luân lý.

b) bổn phận của vị chủ chăn đối với giáo dân.

Bổn phận của vị chủ chăn đối với giáo dân là nhận biết và phát huy địa vị và trách nhiệm của người giáo dân.

Cử cchi đó được thể hiện qua động tác

- lắng nghe ý kiến và lời khuyên của giáo dân, nhất là những gì thuộc thẩm quyền chuyên môn của họ.

- tin cậy, ủy thác cho họ những phận vụ trong Cộng Đồng,

- để họ được tự do có sáng kiến hành động, dĩ nhiên nhất là những gì thuộc lãnh vực của họ,

- trợ lực, khuyến khích và hướng dẫn học hỏi và sống đời sống tôn giáo bằng lời Chúa và bằng các Phép Bí Tích.

(1) Người tín hữu giáo dân trong lãnh vực trần thế.

Lãnh vực cá biệt của giáo dân là lãnh vực trần thế, có luật lệ và phương cách thực hiện phù hợp với bản tính của tạo vật được Chúa dựng nên:

- " *Nếu đối với các thực tại trần thế, tự lập có nghĩa là tạo vật và xã hội con người có*

những luật lệ và giá trị của chúng, mà con người dần dần phải khám phá ra, xử dụng và sắp đặt, thì đó là điều đòi buộc chính đáng, không phải chỉ do con người áp đặt phải tuân theo, mà đòi buộc đó hợp với thánh ý của Đấng Tạo Hoá. Thật vậy từ điều kiện của các tạo vật, mà mọi sự vật nhận được thực thể, chân lý và sự tốt đẹp, luật lệ và thứ bậc của mình: đó là những gì con người bị bắt buộc phải tôn trọng, nhận biết được mỗi khoa học và nghệ thuật đều có phương pháp của nó" (GS, 36).

Qua những gì vừa trích dẫn của Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng (Gaudium et Spes, GS), mọi sự vật được Chúa dựng nên, cũng như xã hội con người, đều có " bản chất, luật lệ và phương thế để thực hiện " con người phải biết để hành xử.

Điều đó hàm chứa việc các vị chủ chăn, trong các lãnh vực trần thế, phải để cho người tín hữu giáo dân hành động theo khả năng hiểu biết và tự do quyết định của họ.

Giữa Giáo Hội và xã hội trần thế có những khác biệt về luật lệ và tổ chức cơ chế:

- Giáo Hội có sứ mạng tôn giáo, mặc dầu sứ mạng đó những liên hệ dân sự,
- Giáo Hội không can thiệp, xác định khuôn mẫu tổ chức cuộc sống dân sự, nếu hiểu theo ý nghĩa lựa chọn hệ thống chính trị này hay hệ thống khác, ủng hộ đảng phái này hay không ủng hộ đảng phái khác.

Tuy nhiên Giáo Hội không thể không lên tiếng

- trước những thể chế chính trị đàn áp, tha hoá, đề tiện hoá nhân phẩm con người, khuyến khích con người chỉ biết sống vật chất,
- không xứng đáng với phẩm giá con người, xa rời Thiên Chúa, bởi vì con người được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa (Gn 1, 27) và là con Thiên Chúa (Mt 6, 9).

Vì vậy, sống xứng đáng với nhân phẩm con người,

- ngoài cuộc sống dân chủ, tự do, vật chất đầy đủ, đời sống cá nhân và gia đình được bảo đảm,
- còn là sống luôn luôn hướng thiện, hoàn hảo hoá mình, mỗi ngày càng tiến đến và trở nên giống như Chúa, gương mẫu của sự trọn hảo và là cùng đích hạnh phúc tuyệt đỉnh và bất diệt của con người.

* " Anh em hãy trở nên trọn hảo như Cha anh em trên trời là Đấng trọn hảo" (Mt 5, 48).

Bởi lẽ đối những thể chế chính trị đàn áp, tha hoá và đề tiện hoá con người đi ngược lại tín lý và luân lý của Giáo Hội,

- Giáo Hội không thể nào vì lý do " có sứ mạng tôn giáo", " không làm chính trị ",
- mà lặng thinh để ai bị bóc lột, đau khổ, cuộc sống chỉ còn thu gọn vào lối sống vật chất như súc vật, mặc kệ.

Giáo Hội phải lên tiếng, Toà Thánh hay Giáo Hội địa phương cũng vậy, chống lại các ý thức hệ, thể chế tha hoá và đề tiện hoá con người.

Nhưng Giáo Hội không liên hệ với một hình thức tổ chức cơ chế chính trị nào.

Do đó Giáo Hội mời gọi người tín hữu giáo dân dần dần vào chính trị không nên " đưa ra phương thức tổ chức chính trị của mình, được coi như là phương thức có uy tính được Giáo Hội ủng hộ ", bởi lẽ cùng dựa theo ánh sáng Phúc Âm, nhiều người khác cũng có thể đưa ra những giải pháp khác, có thể không hẳn đồng thuận với giải pháp mà mình cho rằng " được Giáo Hội ủng hộ ":

- " Hơn nữa cũng cùng một quan điểm Ki Tô giáo về thực tại trần thế hướng dẫn họ, trong một vài trường hợp, đi đến một giải pháp xác định. Tuy nhiên những tín hữu khác, cũng thành tâm thiện chí như họ, có thể có một phán đoán khác trên cùng một vấn đề, điều

đó rất thường xảy ra và cũng là điều chính đáng. Các giải pháp được phía bên này hay phía bên kia đưa ra, ngoài ra dự tính của phe nhóm, còn được liên kết với sứ điệp Phúc Âm. Nhưng trong các trường hợp vừa kể, họ nên nhớ rằng không ai được độc quyền cho rằng giáo quyền hoàn toàn đứng về phía ý kiến của họ" (GS 43,3).

Nhiều khuôn mẫu có thể được lựa chọn, tất cả đều được phát hoạ và tổ chức theo ánh sáng Phúc Âm, hàm chứa việc không có một khuôn mẫu nào có thể tự cho mình là tiếng nói cuối cùng của Phúc Âm.

Nói như vậy không có nghĩa là người tín hữu Chúa Ki Tô, nhất là tín hữu giáo dân,

- muốn đưa ra lý thuyết tư tưởng suy nghĩ nào cũng được,

- gia nhập chính đảng nào cũng được,

- " ủng hộ và nhất trí " với chủ thuyết và với " Đảng và Nhà Nước" nào cũng được, mà là suy nghĩ, quyết định và hành động luôn luôn " được ánh sáng Phúc Âm hướng dẫn".

Đó là những gì Bản Văn " Ghi Chú Tín Lý " của Bộ Tín Lý Đức Tin, lưu ý các tín hữu, gởi cho mọi tín hữu ngày 16.1.2003 (L'Osservatore Romano 17.01.2003), để nhắc nhở cách hành xử phải có của người tín hữu Chúa Ki Tô, nhất là người tín hữu giáo dân dẫn thân trong các lãnh vực trần thế.

Điều vừa kể cũng cho thấy tại sao Giáo Luật nghiêm cấm các giáo sĩ dẫn thân trực tiếp và tích cực vào các chính đảng hay cơ chế dân sự,

" Cấm ngặt các giáo sĩ (Clerici vetantur...) liên hệ vào chính trị , mà sự dẫn thân trực tiếp đó đưa đến việc hành xử quyền lực Quốc Gia" (Giáo Luật, n. 265).

Bởi lẽ việc liên hệ của các vị có thể làm cho người khác nghĩ rằng các vị đang hành xử phận vụ cao cả của mình, phận vụ của người đại diện Chúa Ki Tô, cô đọng ở một phương thể tổ chức cố định, trong lãnh vực chung sống mà mọi người đều có tự do bàn cãi và tìm kiếm luôn luôn một giải pháp khác nhau, khác hơn.

(2) Người tín hữu giáo dân cộng tác với hàng giáo phẩm.

" Ad extra " (đối ngoại) , đối với lãnh vực trần thế, người giáo dân thực hiện sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội , đem ánh sáng Phúc Âm và ơn cứu rỗi cho mọi người, thánh hoá môi trường mình đang sống.

Người tín hữu giáo dân " được hướng dẫn bằng đức khôn ngoan Ki Tô giáo " hành động tự lập, hành động trong môi trường sống và môi trường chuyên môn chức nghiệp của mình, và " ...chính mình đứng ra nhận lấy trách nhiệm công việc của mình" (GS 43, 3).

" Ad intra " (về nội bộ Giáo Hội) , để phục vụ và xây dựng Cộng Đồng Giáo Hội, họ là những người cộng tác với chủ chăn.

Các công tác giúp lễ, làm ông từ thập đèn, quét nhà thờ, giặt chuông, chưng bông hoa, dọn kiệu Đức Mẹ, hợp thành ca đoàn phụng vụ là những công việc có từ ngàn xưa do giáo dân đảm nhận, ai trong chúng ta cũng biết.

Đọc lại các thư Thánh Phaolô và sách Tông Đồ Công Vụ, chúng ta cũng biết được người tín hữu giáo dân giúp các Tông Đồ giải quyết những nhu cầu thường nhật, như việc lo tổ chức, cư trú, ẩm thực cho cộng đoàn , nhất là cho các tín hữu hành hương từ xa đến và cho người nghèo.

Ở những Quốc Gia mà người tín hữu giáo dân có trình độ văn hoá và thần học khá tiến triển, người ta không lạ gì việc người tín hữu giáo dân được hàng giáo phẩm giao cho trách nhiệm hướng dẫn,

- làm " hoạt náo viên" (animatori) cho hướng đạo và thanh thiếu niên,

- dạy giáo lý cho giới trẻ,

- huấn luyện lớp chuẩn bị hôn nhân,
- dạy giáo lý cho người trưởng thành hoặc những nhóm chuyên viên cộng tác với chủ chăn,
- hợp nhau thành tổ chức để hoạt động văn hoá, chính trị, xã hội theo tinh thần Phúc Âm như tổ chức *Pax Romana*; *JEC* (*Jeunesse Étudiante Catholique, Thanh Sinh Công*) , *JOC* (*Jeunesse Ouvrière Catholique, Thanh Lao Công*) ở Pháp), *Acli*, *Comunione e Liberazione*, *Comunità di San Egidio* (Ý)...

Dĩ nhiên những giáo dân giảng dạy các lớp giáo lý như vừa kể là những người đã qua các lớp huấn luyện thần học và được Hàng Giáo Phẩm ủy quyền với " *bài sai* " (*mandato*) thường là do Đức Giám Mục hay được Đức Giám Mục giao cho Cha Sở tuy cơ lo liệu.

Với những cách thực hiện vừa kể cho thấy lẫn mức phân chia lãnh vực phận vụ của Hàng Giáo Phẩm và của giáo dân, ngoài ra những gì liên quan đến phận vụ thừa tác viên liên hệ trực tiếp với Bí Tích Truyền Chức, lẫn mức phân chia phận vụ chỉ còn được phân chia vì lý do thực dụng, tiện nghi. Sự phân chia có thể vượt qua, dựa trên quan niệm nhận thức về ơn gọi mọi tín hữu Chúa Ki Tô, tự bản năng bẩm sinh của mình (qua phép Rửa) đều có quyền và bổn phận tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội.

Những gì chúng ta vừa kể là kể theo cách thức thực hành hiện tại.

Mối tương quan cộng tác giữa chủ chăn và giáo dân trong việc thực hiện sứ mạng của Giáo Hội được *Nghị Định Truyền Giáo* (*Apostolicam Actuositatem*) của Công Đồng Vatican II tóm kết và diễn tả dưới hình thức năng động những điều khoản tín lý của Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân* (*Lumen Gentium*).

Giáo sĩ và giáo dân được liên kết chặt chẽ nhau trong một sứ mạng duy nhất của Giáo Hội.

Sứ mạng đó " *...không những chỉ đem sứ điệp và ân sủng cho con người, mà còn sống động hoá và hoàn hảo hóa lãnh vực trần thế bằng tin thần Phúc Âm* " (AA, 5).

Một sứ mạng duy nhất với hai bình diện khác biệt và do đó được thực hiện bằng những hình thức đặc biệt đối với phương diện này cũng như phương diện kia.

- **đối với Hàng Giáo Phẩm**: " *...được thực hiện bằng phận vụ của lời giảng dạy và bằng các Bí Tích* ", là lãnh vực " *được giao phó đặc biệt cho Hàng Giáo Phẩm* " (AA, 6).

Nói như vậy, không có nghĩa là trong các lãnh vực " *được giao phó đặc biệt cho Hàng Giáo Phẩm* ", người tín hữu giáo dân bị loại ra bên ngoài, " *ngồi chơi xơi nước* ", các lớp giáo lý và chuẩn bị hôn nhân được đề cập là những bằng chứng.

Người tín hữu giáo dân cũng có bổn phận rất quan trọng của họ phải thực hiện.

Hiểu như vậy, " *sứ mạng tông đồ của người giáo dân và phận vụ chăn dắt của chủ chăn bổ túc cho nhau* " (AA, id.).

Khắp đó đây đã và đang xảy ra không ít trường hợp, không có người tín hữu giáo dân, lời Phúc Âm và ơn Chúa khó mà được chuyển đến người khác.

Điều vừa kể cho thấy phận vụ được giao phó cho Hàng Giáo Phẩm không phải là của riêng, đặc quyền của Giáo Sĩ mà là sứ mạng và phận vụ của Giáo Hội.

Và như vậy, phận vụ đó bất cứ ai đại diện cho Giáo Hội, trong trường hợp cần thiết, đều bị đòi buộc phải thực hành sứ mạng của Giáo Hội, dĩ nhiên là trừ các trường hợp có liên hệ trực tiếp với Bí Tích Truyền Chức (*Marco Vergottini, I laici nel ministero ecclesiale, in Corso di Teologia Sacramentaria, vol II, Queriniana, Brescia 2000, 415-418*).

Điều vừa kể cho thấy không những dựa trên các nguyên tắc tín lý của Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân* (*Lumen Gentium*) trên đó, người tín hữu giáo dân nhận lãnh sứ mạng truyền giáo của mình ngay từ lúc mình sinh ra trong Phép Rửa (LG , c. II: Cộng Đồng Dân

Chúa), mà " *...kinh nghiệm sống cho thấy Phúc Âm chỉ được bảo tồn và truyền bá qua các động tác ngấm ngấm của bao nhiêu giáo dân*" (AA, 17).

- đối với các lãnh vực trần thế:

Mặc dầu trong một số lãnh vực, trong đó người tín hữu giáo dân có kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp của họ, họ hoạt động tự lập không cần phải đợi " *lệnh trên* " của Hàng Giáo Phẩm, vì đó " *không phải là thẩm quyền và sứ mạng của chính các chủ chăn*" (GS, 43).

Tuy nhiên lãnh vực trần thế không phải là lãnh vực " *độc quyền*" của người tín hữu giáo dân và khai trừ giáo sĩ, bởi lẽ

" *bốn phận của cả Giáo Hội là giúp đỡ con người, để họ trở thành có khả năng định hướng tất cả trật tự trần thế và quy hướng chúng về với Chúa, nhờ Chúa Ki Tô*" (AA, 7).

Cũng như trên, người tín hữu giáo dân có bốn phận tham dự vào các lãnh vực " *dành riêng đặc biệt cho Hàng Giáo Phẩm*", với các điều kiện và hoàn cảnh được kể, thì ở đây cũng vậy, trong các lãnh vực trần thế, giáo sĩ và giáo dân cùng cộng tác nhau, mỗi người tác động theo phương thức chuyên biệt của mình, để thực hiện tốt đẹp sứ mạng của Giáo Hội đối với con người và đối với trần thế:

- " *Bốn phận của các chủ chăn là loan báo một cách rõ rệt các nguyên lý về mục đích của sự tạo dựng và việc xử dụng thực tại trần thế, cung cấp cho con người những trợ lực luân lý và thiêng liêng để trật tự trần thế được thiết lập trong Chúa Ki Tô*.

Người tín hữu giáo dân, thiết lập trật tự trần thế là bốn phận chuyên biệt của họ và trong trật tự trần thế đó, được hướng dẫn bằng ánh sáng Phúc Âm và tư tưởng của Giáo Hội, cũng như được thúc đẩy bởi đức bác ái Ki tô giáo, họ có bốn phận tác động trực tiếp và thực tế: như là công dân, họ cộng tác với các công dân khác tùy theo khả năng chuyên môn và dưới trách nhiệm của mình: tìm kiếm bất cứ đâu và trong mọi việc công lý của Nước Thiên Chúa" (AA, 7)

Độc đoạn văn vừa kể của *Nghị Định Truyền Giáo (Apostolicam Actuositatem)*, chúng ta có thể tự hỏi như vậy người tín hữu giáo dân chỉ là người đơn sơ thừa hành phần lý thuyết tín lý được Hàng Giáo Phẩm khai triển và bàn luận ra chăng?

Thật ra, Nghị Định có ý xác định phận vụ giáo huấn của các chủ chăn hơn là loại trừ người giáo dân công tác khai triển và chú giải tín lý.

Trong Giáo Hội, giữa Hàng Giáo Phẩm và giáo dân, cùng được hướng dẫn bởi một đức tin và cùng hoạt động nhằm lợi ích cho Giáo Hội, Cộng Đồng Dân Chúa, luôn luôn có sự hợp nhút, hỗ trợ và bổ túc cho nhau, nhiều khi cả thay thế nhau, như ở nhiều hoàn cảnh khó khăn được đề cập ở trên.

Ngoại trừ những gì liên hệ mật thiết với Phép Truyền Chức, không có *nguyên cơ cấu trúc bản thể (causa ontologica)* nào cấm cản một phận vụ của Hàng Giáo Phẩm không thể chuyển giao cho người tín hữu giáo dân thay thế thực hiện.

Nguyên cơ cấu trúc duy nhút là tham dự vào sứ mạng của Chúa Giêsu, được giao cho cả Giáo Hội và được giao cho mỗi người trong Giáo Hội (*Giacomo Canobbio, id., 237*).

Chủ chăn và giáo dân đều là các phần của chính thân thể Chúa Ki Tô, được sống động hoá bằng một Chúa Thánh Thần duy nhút.

Chủ chăn và giáo dân đều cùng nhau đồng thuận nhau tác động để thế gian đạt đến cùng đích của mình như Chúa muốn.

Phần kết.

Qua những gì đã đọc và suy tư dựa trên các tài liệu Công Đồng Vatican II, chúng ta có thể kết luận rằng với những suy tư về thần học của thời gian trước đó của

- Jacques Maritain, *Humanisme Intégral*, trad. it. Studium, Roma 1946,

- Gustave Thils, *Teologia delle realtà terrene*, E.P. Alba 1951,

- Nền Thần Học Giáo Dân (Teologia del laicato) với các nhà thần học:

* Yves de Montcheuil, *Problemi di vita spirituale*, Vita e Pensiero, Milano 1956,

* Yves de Congar, *Jalons pour une théologie du laicat*, Cert, Paris 1953,

* Yves de Congar, *Il mio itinerario nella teologia del laicato e dei ministeri*, in *Ministeri e comunione ecclesiale*, EDB, Bologna 1973,

* Edward Schillebeeckx, *La missione nella chiesa*, EP, Roma 1971,

* Gérard Philips, *Le rôle du laicat dans l'Église*, Casterman, Tournai - Paris 1954,

* Karl Rahner, *L'apostolat du laics*, in " *Nouvelle Revue Théologique*" 78 (1956), các Nghị Phụ Công Đồng Vatican II đã biết đúc kết và hội nhập người tín hữu giáo dân vào sứ mạng của Giáo Hội bằng hai con đường:

- 1. căn nguyên của việc hội nhập vừa kể phát xuất từ mối liên hệ cấu trúc giữa tất cả các tín hữu Chúa Ki tô với Người, qua sức mạnh của phép Rửa và phép Thêm Sức.

- 2 . xác nhận đặc tính cá biệt phận sự của người tín hữu giáo dân là đặc tính trần thế của họ, hoàn cảnh, đời sống cũng như hoạt động của họ. Nhờ đó Giáo Hội thi hành sứ mệnh cứu rỗi của mình cho tất cả mọi người.

Người tín hữu giáo dân tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội được phát xuất từ bản tính bẩm sinh của họ, phát xuất từ Bí Tích Rửa Tội , và môi trường sống và hoạt động đặc thù của họ là lãnh vực trần thế.

Đó là những gì Công Đồng Vatican II muốn nói với chúng ta.

Từ những đặc tính tiên khởi đó, từ trên 40 năm nay, từ ngày Công Đồng đã kết thúc, nền thần học đã và đang khám phá ra nhiều suy tư tuyệt tác khác về người tín hữu giáo dân:

- thần học các phận vụ (teologia dei ministeri) chẳng hạn,

- có người giáo dân trong Giáo Hội không và với ý nghĩa gì?

- giáo dân có phải là một địa vị không?

và còn nhiều suy tư khác nữa, hy vọng chúng ta sẽ có dịp trở lại.

VỀ MỤC LỤC

KỸ NĂNG CHUYÊN BIỆT: LINH HƯỚNG (tiếp theo)

[BẢN THẢO]

LINH MỤC GIÁO PHẬN SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN

TRONG BỐI CẢNH THỰC TẾ CỦA GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

CHƯƠNG HAI

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN

CÙNG CỐ NHỮNG BƯỚC ĐẦU PHÂN ĐỊNH VÀ SỐNG ƠN GỌI

C. KỸ NĂNG CHUYÊN BIỆT: LINH HƯỚNG

(tiếp theo)

C.IV. BA MỐI TƯƠNG QUAN KHÉP KÍN TRONG VIỆC LINH HƯỚNG: CHÚA THÁNH THẦN - ỨNG SINH - VỊ LINH HƯỚNG

Chúa Giêsu là vị linh hướng tuyệt vời:

- Ngài nhìn nhận thực tế, nhưng không dừng lại ở thực tế, mà hướng về tương lai được biến đổi tốt đẹp hơn;
- Tha thứ, nhưng vẫn đòi hỏi gặt gao ("tội con đã được tha, hãy đi bằng an và đừng phạm tội nữa");
- Đòi hỏi sự bền vững: Anh đã được lành bệnh, đừng phạm tội nữa, kéo khổ hơn trước);
- Quên lỗi quá khứ, cư xử như với một con người mới (không có lỗi) và tin tưởng giao trách nhiệm (hãy chần chừ của thầy, hãy đi báo với anh em là họ sẽ gặp Thầy ở Galilê), v.v...
- Chúa Giêsu kết án tội, chứ không kết án người có tội.

Giới biệt phái và luật sĩ nghiêm giữ và bảo vệ lề luật đạo đức, nhưng lại luôn chôn cứng và khóa chặt người ta trong lỗi lầm hiện tại và định kiến bất di bất dịch. Họ chỉ thấy tình trạng tội lỗi mà không thấy tình trạng được tha thứ và biến đổi; chỉ thấy tình trạng trước mà không muốn thấy tình trạng sau. Đời người là cả một hành trình theo ánh sao đi tìm gặp Chúa, một cuộc gặp gỡ đổi đời, lật sang trang mới: *Một linh hồn vươn mình lên được sẽ nâng cả thể giới lên*. Phúc thay ai chọn được vị linh hướng theo mô hình Chúa Giêsu!

C.IV.1 Tương quan vị Linh hướng với Chúa Thánh Thần

Vị linh hướng cần làm quen với những kinh nghiệm năng động trong đời sống thiêng liêng, để tập trung lắng nghe Chúa, và để Chúa Thánh Thần hướng dẫn và nói qua ngài vào những lúc quyết định.

Với một cảm thức trực giác trong đời sống cầu nguyện, ngài cảm nhận được dấu chỉ sự hiện diện của Chúa Thánh Thần trong cuộc đời mình, nhờ đó ngài sẽ là một hiện diện đem lại an tĩnh, tập trung và có thể trở nên gương mẫu cho người thụ hướng.

Mối tương quan với Chúa Thánh Thần giúp ngài duy trì thể quân bình của sức mạnh tâm lý và thiêng liêng cần cho việc linh hướng. Chúa có thể dùng tất cả con người của vị linh hướng để làm cho người thụ hướng tương quan với Chúa.

C.IV.2 Tương Quan Ứng Sinh Với Chúa Thánh Thần

Quan niệm tiên quyết là nhận biết rằng Chúa Thánh Thần là vị linh hướng đích thực.

Ứng sinh được trợ giúp để lớn lên trong tự do nội tâm, phát triển một mối tương quan cá nhân thân mật sâu xa với Chúa, phân định và nhận ra điều gì Chúa mời gọi anh thực hiện trong hoàn cảnh đặc biệt này? Vị linh hướng giúp bằng cách gọi tên những hỗ trợ và cản trở hay chướng ngại đưa tới thân mật với Chúa.

C.IV.3 Tương Quan Ứng Sinh Và Vị Linh Hướng

Vai trò của vị linh hướng rất quan trọng. Mỗi ứng sinh phải có vị linh hướng riêng, được chọn trong số các nhà đào tạo nội trú trọn thời gian. Mối tương quan này luôn thuộc về toà trong, nghĩa là tính bí mật luôn được bảo vệ cẩn thận.

Chúa Thánh Thần hướng dẫn mỗi người theo một đường lối rất đặc biệt. Cả vị linh hướng lẫn người thụ hướng đều phải khám phá ra đường lối ấy. Vị linh hướng phải giúp người thụ hướng tự mình khám phá ra đường lối mà Chúa kêu gọi anh và điều chỉnh đời sống anh theo

đúng ý Chúa muốn cho anh.

C.IV.3a Về phía Ứng sinh

Về phần mình, ứng sinh được mời gọi chọn cho mình một vị linh hướng, để được giúp nhìn thấy mình rõ ràng hơn, sâu xa hơn, giải thích lòng khao khát Chúa và sự trưởng thành thiêng liêng của anh trong ánh sáng đức tin.

Người thụ hưởng sẽ kể lại lịch sử đời anh mà không phê phán, với những yếu tố:

- những người có ảnh hưởng quan trọng trong đời anh,
- các hoạt động anh dẫn thân,
- những nơi chốn, biến cố đặc biệt,
- kinh nghiệm thân xác,
- những cảm xúc tái đi tái lại,
- những giấc mơ quan trọng,
- những gợi hứng và những ý tưởng mới,
- những kinh nghiệm tôn giáo và đời sống cầu nguyện.

Ứng sinh sẽ nói cách cởi mở và thành thật, trong sự bộc lộ hổ tương, với lòng quảng đại và can đảm lắng nghe, suy gẫm trong thinh lặng bề trong lẫn bề ngoài, xác tín rằng Chúa Thánh Thần hướng dẫn anh qua vị linh hướng.

Trong quá trình phân định ơn gọi, mối quan tâm của cả hai người, ứng sinh và vị linh hướng, là lợi ích của Hội Thánh. Ứng sinh không quá để tâm đến ý riêng hay ước vọng cá nhân của mình, mà luôn tìm khám phá ý muốn của Chúa cho anh, bằng cách phân tích các khả năng và động lực của anh đối với những kỳ vọng và nhu cầu của Hội Thánh.

C.IV.3b Về phía Vị Linh Hướng

Vị linh hướng phải hiện diện và đồng cảm với người thụ hưởng, trong sự bộc lộ hổ tương, chăm chú lắng nghe anh với lòng kiên nhẫn, can đảm và yên lặng; đón nhận câu chuyện cuộc đời anh hay chính con người của anh cách không phê phán, định kiến hay tiên kiến; hỏi những câu hỏi hỗ trợ và đối thoại để khẳng định các giá trị của anh, để biết anh đang ở đâu trên hành trình thiêng liêng, ngõ hầu phân định và xác định con đường Chúa Thánh Thần dẫn dắt anh; công hiến cho anh những gợi ý suy nghĩ và cầu nguyện.

Vị linh hướng giúp ứng sinh theo đuổi lời mời gọi trở thành môn đệ Đức Giêsu trong Giáo Hội của Ngài. Lời cầu nguyện và đời sống của Hội Thánh cũng là một nguồn đào tạo thiêng liêng cho ứng sinh. Điều kiện căn bản để thành công trong việc linh hướng là tính cởi mở và thành thật của người thụ hưởng trong khi đối thoại với vị linh hướng. Người thụ hưởng phải mang đến trong tương quan này sự sẵn lòng nói lên sự thật về chính mình, và một sự cởi mở khiến anh trở nên trong suốt.

C.V. TƯƠNG TÁC TÒA TRONG VÀ TÒA NGOÀI

C.V.1. Định Nghĩa

Người ta phân biệt toà trong như nơi phán xử lương tâm của một người và toà ngoài như toà án của cơ chế nhân loại. Trong việc biện phân ơn gọi, "toà" được quan niệm như "quyền" phê phán ơn gọi của một ứng sinh.

Toà Trong nói về việc phán xét trong lương tâm của ứng sinh. Anh quyết định tự trình diện với Hội Thánh để trở thành linh mục, vì anh cảm thấy được Chúa gọi. Theo sự phán đoán của chính mình, anh đánh giá rằng anh có khả năng phục vụ Hội Thánh với tư cách linh mục. Chính anh phân định ơn gọi của anh, dưới sự hướng dẫn của vị linh hướng. Anh phân định về thực tại khách quan của đời sống linh mục và thực tại chủ quan của lời mời gọi cá nhân của anh. Vị linh hướng đi vào trong tiến trình này bằng cách công hiến ý kiến riêng làm sao ngài kinh nghiệm rằng ứng sinh ấy được Chúa gọi. Ngài có lý mạnh để can thiệp, nếu cảm thấy người thụ hưởng đang làm một lầm lỗi nghiêm trọng.

Toà ngoài là phê phán và quyết định của những người đào tạo hơn là của ứng sinh. Đánh giá một ứng sinh có thích hợp với chức vụ và đời sống linh mục hay không là trách nhiệm của Bề Trên và ban đào tạo. Với đánh giá cuối cùng, hội đồng chủng viện sẽ quyết định giới thiệu cho một ứng sinh lên chịu chức hay không.

C.V.2 Tương Tác giữa Tòa Trong và Tòa Ngoài

C.V.2a Khác biệt nhưng bổ túc cho nhau

Điều mà vị linh hướng khám phá về ứng sinh ở toà trong sẽ không được tiết lộ ra ở toà ngoài. Dĩ nhiên này có cùng một qui chế như ẩn toà giải tội. Điều này không chỉ để bảo vệ ứng sinh, mà còn cố gắng hiển cho anh sự tín nhiệm và tin tưởng rằng điều gì anh đã bộc lộ ở toà trong vẫn được giữ bí mật.

Trong quá trình phân định ơn gọi, ứng sinh tìm khám phá ý muốn của Chúa cho anh, bằng cách phân tích các khả năng và động lực của anh đối với những kỳ vọng và nhu cầu của Hội Thánh. Do đó, ở toà trong, vị linh hướng không chỉ thụ động lắng nghe, song phải sẵn lòng và có khả năng thách đố và đối đầu, khi sự việc đòi hỏi, để giúp ứng sinh trải qua một tiến trình phân định ơn gọi đích thực.

Vị Bề Trên có trách nhiệm hàng đầu ở toà ngoài trong việc đánh giá tính thích hợp của ứng sinh với chức vụ và đời sống linh mục hay không, nên không thể đóng một vai trò nào ở toà trong. Sự hiểu biết có được ở toà ngoài về ứng sinh đều do nhận xét của nhiều nhà đào tạo. Sự hiểu biết này thường có một mức độ chắc chắn khác và ít toàn diện hơn sự chắc chắn có được ở toà trong.

Tất cả các nhận xét đều nhằm trả lời câu hỏi "Người này có được Chúa kêu gọi không?" Trong khi tìm trả lời câu hỏi này, các nhà đào tạo sẽ thừa nhận với tất cả khiêm tốn rằng Chúa kêu gọi người yếu đuối để làm xấu hổ kẻ hùng mạnh! (x. 1 Cr 1, 26-29), vì không phải Giáo Hội kêu gọi ứng sinh, nhưng là chính Thiên Chúa. Vai trò của Bề Trên và các nhà đào tạo là đánh giá lời kêu gọi ấy và rồi chấp nhận ứng sinh với vui mừng và tạ ơn Thiên Chúa.

C.V.2b Thực hành chuyên biệt

Khi đánh giá ứng sinh, vị linh hướng không bao giờ được lên tiếng để kết án, mà cũng chẳng được lên tiếng để bảo vệ: ngài phải im lặng khi hội đồng chủng viện nói về người thụ hưởng của mình. Sự bảo mật này nhằm bảo đảm cho tự do nội tâm của ứng sinh. Nhưng nhờ nghe trong hội đồng những quan điểm khác quan điểm của mình về người thụ hưởng, vị linh hướng có được thông tin về những yếu tố khác, nhờ đó ngài sẽ phân định tốt hơn và chọn lựa sự giúp đỡ thích hợp hơn cho người thụ hưởng của mình.

Toà ngoài hình thành phán quyết của mình từ sự hiểu biết trong tiến trình đào tạo mỗi ngày, vì cuộc sống hàng ngày mạc khải trọn vẹn con người. Vì thế, cần có sự đồng hành sâu sát qua việc "đích thân kiểm soát bằng sự hiện diện yêu thương phục vụ." Như thế, toà trong và toà ngoài không đối nghịch, nhưng bổ túc nhau để phục vụ một công việc chung của Hội Thánh.

C.V.2c Giải quyết những khác biệt

Bề Trên và ban đào tạo có thể đã đi tới quyết định rằng một ứng sinh rất xứng đáng và có khả năng theo đuổi việc chuẩn bị chịu chức linh mục, trong khi anh lại nhận thấy rằng cảm thức được gọi của anh là sai lầm và xin rút lui. Trường hợp này, Bề Trên và ban đào tạo chỉ có thể chấp nhận sự chân thành trong nhận định mới của ứng sinh đó, tin tưởng rằng Chúa sẽ sử dụng anh cách tốt nhất cho lợi ích của Giáo Hội.

Trường hợp khác biệt thứ hai không dễ giải quyết: Bề Trên và ban đào tạo đều đồng ý không nên cho một ứng sinh tiếp tục, trong khi đó anh ta lại xác tín rằng anh được Chúa kêu gọi làm linh mục. Quyết định toà ngoài phải được giải thích thỏa đáng cho ứng sinh ấy, để anh hiểu và chấp nhận quyết định đã được đưa ra. Trường hợp toà ngoài thấy anh có một điều gì đó không thích hợp nhưng có thể sửa chữa được, thì nên yêu cầu anh ra sống ở ngoài chủng viện cho tới khi vấn đề đã được sửa chữa. Con đường ơn gọi không hoàn toàn đóng lại đối với anh.

Khi toà ngoài quyết định không chấp nhận anh làm ứng sinh nữa thì phải giải thích cho anh cách tế nhị và tình cảm. Ở Việt Nam, nhất là tại Miền Bắc, quyết định rời khỏi đời tu chịu ảnh hưởng sâu xa bởi áp lực của gia đình và của xã hội, cũng như bởi cảm thức xấu hổ, ân nghĩa và tình bạn bè. Chủng viện nên quan tâm hướng dẫn và giúp đỡ anh vượt qua các khó khăn ấy.

Mọi người đều biết rằng quyết định dứt khoát của toà trong ăn khớp với lương tâm của ứng sinh. Điều này cần đào tạo một lương tâm trưởng thành, ngay chính và vị linh hướng phải dự phần quan trọng trong việc đào tạo lương tâm đó. Việc linh hướng và phận định thiêng liêng rất tế nhị và khó khăn đối với con người trong việc đồng hành ứng sinh trên đường tới Chúa. Hoạt động này bao gồm mọi chiều kích của đời sống, nhân bản và thiêng liêng, tự nhiên và siêu nhiên.

Sau khi đã chú ý lắng nghe với biện phân và khiêm tốn, vị linh hướng có thể khám phá được người thụ hưởng được Chúa gọi hay không. Nếu có, ngài xác định cho anh tiếp tục đi tới với niềm vui tươi, hy vọng và hạnh phúc, mặc dù anh sẽ gặp thấy những khó khăn và đen tối trong cuộc sống lữ hành của anh. Nếu không, ngài nên gợi ý cho anh đổi hướng sống trong bình an, đồng thời bước theo con đường Chúa mời gọi anh đi với can đảm và hạnh phúc.

C.V.3. Thinh Lặng trong tiến trình Tòa Trong

Thinh lặng biểu lộ rõ nét nơi việc tuân giữ lòng tín cẩn và bí mật của ẩn tòa giải tội và việc linh hướng (tòa trong). Càng có thói quen thinh lặng, biết cẩn trọng dẫn đo điều mình nói, ta càng có khả năng giữ điều bí mật và bảo đảm lòng tín nhiệm của tha nhân.

Thinh lặng là một thách đố cho bất cứ ai muốn sống thật đầy ý thức, chăm chú, cảnh giác và hoàn toàn hướng về Thiên Chúa. Người có tinh thần siêu nhiên biết tôn trọng lương tâm của người khác, không xía vô cuộc đời người khác và vội vàng phê phán kết án; nhưng tuyệt đối tin tưởng giao phó cho Thiên Chúa, xác tín rằng lời đánh giá cuối cùng thuộc về Ngài:

"Thế mà chúng tôi nghe nói: trong anh em có một số người sống vô kỷ luật, chẳng làm việc gì, mà việc gì cũng xen vào. Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, chúng tôi truyền dạy và khuyên nhủ những người ấy hãy ở yên mà làm việc, để có của nuôi thân. Phần anh em, hãy làm việc thiện, đừng sờn lòng nản chí!" (2 Tx 3,11-13).

C.VI. SỰ CẦN THIẾT VÀ GIÁ TRỊ CỦA THINH LẶNG

C.VI.1. Điều Kiện Thiết Yếu Cho Đời Sống Nội Tâm

C.VI.1a Ý Nghĩa và Giá Trị của Thinh Lặng

Sự thinh lặng không thể bị chia tách bên ngoài và bên trong được. Thinh lặng bên ngoài vừa là hy sinh hãm mình vừa là phương tiện bảo đảm sự yên tĩnh của tâm hồn, để hồi tâm và sống thân mật với Thiên Chúa. Thinh lặng là bầu khí thiêng liêng và sống còn để cảm nhận sự hiện diện của Thiên Chúa. Nhờ thinh lặng, con người biết chỗ của mình trước mặt Chúa, đồng thời tỏ lộ lòng khiêm tốn và khả năng lắng nghe khi Chúa nói.

Nhờ thinh lặng của thân xác, trí óc và con tim, con người mới có thể đạt tới sự hiệp nhất và hiệp thông với Chúa: "Hãy lặng thinh và hãy biết rằng Ta là Thiên Chúa" (Tv 46, 10). Thinh lặng này không phải là một không gian trống rỗng, bởi vì Thiên Chúa luôn có đó để lấp đầy. Nhiệm vụ quan trọng nhất là phải ý thức rằng ta luôn ở trong sự hiện diện của Chúa và không thể tách khỏi Ngài.

C.VI.1b Thách Đố của Thinh Lặng

Thinh lặng là một trong những thách đố lớn: Người này tìm kiếm thinh lặng, kẻ khác lại làm mọi cách để tránh nó. Nhưng thinh lặng hỗ trợ lời nói, chuẩn bị lời nói và làm cho lời nói nên phong phú. Ngôi Lời, chìm sâu trong mầu nhiệm lặng thinh của Thiên Chúa để bộc lộ và thông truyền Thiên Chúa cho con người.

Thinh lặng, nội tâm lẫn bên ngoài, là bầu khí đúng đắn của việc giáo dục toàn diện: Chúng viện phải là nơi của thinh lặng, là nhà cầu nguyện, nơi đó Chúa tiếp tục qui tụ các môn đệ riêng ra, để họ sống cái kinh nghiệm mạnh mẽ của sự gặp gỡ và chiêm niệm."

C.VI.2. Những hỗ trợ của Thinh Lặng

C.VI.2a Thinh Lặng trong Phụng Vụ

Thinh lặng luôn là một phần của việc thờ phượng. Phụng vụ cung cấp nhiều cơ hội để thinh lặng: Ngưng nghỉ một khoảng thời gian thích hợp sau mỗi bài đọc; nghỉ chốc lát để suy niệm sau bài giảng, hay sau lời kêu mời "chúng ta dâng lời cầu nguyện." Sau hiệp lễ, nên dành một thời gian thinh lặng để thờ lạy và tạ ơn Chúa.

Phụng vụ các Giờ Kinh cũng cho nhiều dịp để thinh lặng: Sau vinh tụng ca và trước điệp ca của thánh vịnh kế tiếp, một chút ngưng nghỉ để cộng đoàn suy niệm về thánh vị đó; sau bài đọc Lời Chúa và trước xướng đáp, một lúc thinh lặng hợp lý để suy niệm.

C.VI.2b Thinh Lặng Trong Nhà

Mọi người đều phải cẩn trọng để khỏi làm xáo trộn sự thinh lặng của người khác. Radio, máy nghe băng, Tivi, âm lượng trao đổi... phải được kiểm chế và điều chỉnh để bảo vệ bầu khí chiêm niệm, vốn phù hợp cho đời sống cầu nguyện và học tập. Không đòi phải thinh lặng tuyệt đối, nhưng cuộc trao đổi phải được giữ ở mức tối thiểu.

C.VI.2c Thinh Lặng Cầm Phòng hay Tĩnh Tâm

Các cuộc tĩnh tâm bồi dưỡng thiêng liêng là những cơ hội khả dĩ để trải nghiệm sự thinh lặng, tìm lại nguồn năng lượng cho đời sống cầu nguyện và đức tin, cũng còn là dịp để lấy lại sức lực cho thể xác, trí khôn và linh hồn. Người tĩnh tâm được khuyến khích loại bỏ những mối bận tâm làm mất sự thinh lặng bề ngoài như báo chí, truyền thanh, truyền hình... Càng đi vào thinh lặng và thăng tiến đời sống chiêm niệm, chúng ta càng có thể lắng nghe tiếng Chúa với những âm thanh khác nhau và mới lạ.

C.VII. NỘI DUNG & TIẾN TRÌNH GẶP LINH HƯỚNG

1. Lắng Nghe

Khi người thụ hưởng bộc lộ câu chuyện đời chị cho vị linh hướng, chị cảm nhận tương quan của chị với Thiên Chúa nơi Đức Kitô được mở ra và phát triển. Vị linh hướng lắng nghe câu chuyện của chị, tìm giúp chị hiểu và làm sáng tỏ điều Thiên Chúa đang chất vấn chị.

2. Chú Tâm vào Hình Ảnh Thiên Chúa

Mô hình và định hướng đời sống thiêng liêng của một người được tác động sâu xa bởi hình ảnh mà người ấy có về Thiên Chúa. Kinh Thánh mạc khải cho chúng ta một Thiên Chúa là Cha của Đức Giêsu và của cộng đoàn Giáo Hội. Vị linh hướng giúp ứng sinh trong nhiệm vụ căn bản này.

3. Giúp Làm Sáng Tỏ Kinh Nghiệm

Vị linh hướng giúp ứng sinh suy nghĩ và khám phá chiều kích tôn giáo trong những kinh nghiệm đa dạng của chị, nhận biết sự hiện diện và tiếng nói của Thiên Chúa trong những kinh nghiệm ấy.

4. Nhận Ra và Làm Sáng Tỏ Hệ Thống Giá Trị

Người thụ hướng ra sức làm việc để lớn lên trong tương quan với Chúa và với tha nhân. Những chủ đề quan trọng trong cuộc đối thoại là viễn ảnh và các giá trị Tin Mừng mà người thụ hướng muốn thủ đắc: vâng phục, thanh khiết của tình yêu độc thân, quan tâm tới công bằng xã hội như một chiều kích của việc rao giảng Tin Mừng.

5. Khẳng Định Và Thách Thức

Vị linh hướng khẳng định và giúp người thụ hưởng dùng tài năng Chúa ban để phục vụ Chúa và tha nhân. Ngài cũng giúp chị chấp nhận những thách đố của lòng tốt của Chúa và làm cho người ta nhận biết lòng tốt ấy.

6. Giáo Huấn Và Hội Nhập

Vị linh hướng chỉ dạy và giúp người thụ hưởng hội nhập các yếu tố khác nhau trong cuộc đời chị quanh một trung tâm là chính Thiên Chúa.

7. Trách Nhiệm

Vị linh hướng giúp người thụ hưởng tránh những sai lầm trong việc tự đánh giá và giữ một thái độ tập trung vào Chúa ở giữa bao nhiêu công việc hàng ngày và những mối tương quan đa dạng.

8. Trợ Giúp Trong Lúc Khó Khăn

Mỗi đe dọa lúc nào cũng có mặt trong hành trình thiêng liêng của chúng ta. Việc linh hướng có thể cung cấp phương tiện để thấy chính mình qua các giai đoạn chiến đấu trong suốt con đường.

9. Cầu Nguyện

Cầu nguyện là suối nguồn và diễn tả mối tương quan của chúng ta với Chúa.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

CÂY KIỂM GỖ

Chuyện xưa kể rằng, có một vị vua ngày đêm lo lắng về sự an nguy cho vương quốc của mình, về kho báu của mình, và đặc biệt về ngai vàng của mình. Ông không tìm thấy bình an trong cuộc sống; các vị quan trở nên mối nghi ngờ, và tương lai trở nên nỗi ám ảnh sợ hãi cho ông.

Từ chốn cung điện nhìn xuống đám dân nghèo, ông cảm thấy như thèm muốn được như họ, vì ông thấy họ toát lên nỗi đơn sơ, chất phác và không lo lắng cho tương lai. Quá tò mò lối sống của dân nghèo, vị vua quyết định hóa trang thành người ăn mày để tìm hiểu nguyên nhân nào đã làm cho những dân nghèo được bình an và không lo lắng.

Ngày kia, vị vua giả dạng người ăn mày gõ cửa một người nghèo để xin ăn. Người nghèo mời người ăn mày vào và cùng chia sẻ một ổ bánh mì với thái độ hạnh phúc và yêu đời. Vị vua giả dạng hỏi, “Điều gì đã làm ông hạnh phúc như vậy?” Người nghèo đáp, “Tôi có một ngày rất tốt. Tôi sửa giày và kiếm đủ tiền để mua ổ bánh cho buổi tối nay.” Vị vua giả dạng hỏi tiếp, “Chuyện gì sẽ xảy ra, nếu ngày mai ông không kiếm đủ tiền mua bánh mì?” “Tôi có niềm tin vào mỗi ngày. Ngày từng ngày, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.” Người nghèo đáp.

Sau khi ra về, vị vua muốn thử niềm tin người thợ giày. Ông ra lệnh cấm những người sửa giày dẹp hành nghề. Khi biết mình bị cấm hành nghề sửa giày dép, người thợ giày nhủ thầm: “Ngày từng ngày, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.” Ngay lập tức ông thấy một vài phụ nữ đang gánh nước ra chợ bán rau, ông xin được gánh nước thuê cho họ. Và hôm đó, ông kiếm đủ tiền để mua bánh mì cho buổi tối. Tối đến, vị vua dưới dạng người ăn mày thăm người nghèo. Người nghèo vẫn thái độ ung dung, hạnh phúc với ổ bánh mì của mình. Hôm sau, vua cho ra lệnh cấm không cho phép hành nghề gánh nước thuê. Và cứ như thế, người nghèo đã thay đổi nhiều nghề khác nhau, nhưng nơi ông vẫn luôn có sự bình an và tin tưởng vào triết lý sống từng ngày của mình. Còn vị vua vẫn

không thể nào hiểu nổi sự bình an và niềm tin của người nghèo kia. Mỗi lần bị cấm hành nghề, người nghèo vẫn thần nhiên tin rằng, “Ngày từng ngày, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.”

Vì quá tò mò trước triết lý sống của người nghèo này, vị vua ra lệnh và dàn xếp để người nghèo làm lính cho cung điện. Thật đáng thương, người nghèo không được phát lương hằng ngày, nhưng hằng tháng. Dầu vậy, ông đã bán lưỡi gươm và có đủ tiền để mua bánh mì cho một tháng. Tối đến, ông vẫn có bánh mì và vẫn hạnh phúc. Vị vua giả dạng thăm ông và hỏi, “Hôm nay ông làm nghề gì mà kiếm tiền mua bánh mì?” “Tôi được làm lính cho vua.” Người nghèo đáp. Ông cũng đơn sơ kể rằng, “Làm lính nhận lương mỗi tháng, nên tôi đã bán lưỡi gươm thật và đủ tiền để mua bánh mì cho một tháng. Sau khi có lương, tôi sẽ chuộc lại lưỡi gươm và như thế tôi sẽ có cuộc sống tốt hơn. Hiện nay tôi đang dùng lưỡi gươm bằng gỗ.” Nhà vua giả dạng hỏi tiếp, “Nhưng nếu ông phải rút gươm ra vào ngày mai thì sao?” Người nghèo vẫn thần nhiên, “Ngày từng ngày, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.”

Quả thật, hôm sau người ta bắt được một tên trộm và bị kết án xử chém. Vua yêu cầu người nghèo trong trang phục lính thực hiện việc này. Vì nhà vua biết rằng, với lưỡi kiếm gỗ, ông người nghèo này sẽ không thể thực hiện được việc này, và như thế để xem thử niềm tin vào triết lý sống từng ngày của ông có thể giúp ông hay không.

Tên tử tội quì mọp xuống chân anh lính và thống thiết van xin được tha mạng vì còn vợ và con nhỏ. Anh nhà nghèo trong trang phục lính nhìn đám đông xung quanh và hô lớn tiếng, “Lạy Đấng Tối Cao, nếu người sắp bị hành quyết này là người có tội, thì xin cho con được phép thi hành lệnh của vua. Nếu người này vô tội, xin hãy biến lưỡi gươm này thành gươm gỗ.” Ngay tức khắc, anh rút lưỡi gươm và lưỡi gươm anh cầm trên tay là lưỡi gươm gỗ. Đám đông đồng thanh la lên: “Đây là phép lạ,” và người bị kết án được tha. Vị Vua truyền lệnh tha tên ăn trộm đồng thời tiến đến người lính nghèo thú nhận rằng, “Trẫm chính là người ăn mày mỗi tối tại nhà người. Từ nay trở đi, trẫm muốn người là bạn và là quân sư cho trẫm.”^[1]

* * *

Quý bạn thân mến, “Ngày từng ngày, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.” Thế đó, cuộc sống chỉ thực sự tồn tại trong hiện tại, chứ không ở trong quá khứ hay trong tương lai. Cái triết lý của anh nhà nghèo ấy là triết lý thực và có giá trị hơn vàng bạc, địa vị, nhan sắc, và quyền lực. Dù giàu có và quyền lực bao nhiêu đi nữa, nhưng nếu bạn không sống hôm nay, thì bạn không cảm nhận được giá trị của cuộc đời. Nếu bạn không sống cho giây phút hiện tại, thì cuộc đời của bạn vẫn như là những chuỗi ngày kiếm tìm, rượt bắt cái bóng “an toàn, hạnh phúc” một cách vô vọng. Thật hữu ý và hợp tình khi danh từ tiếng Anh “present” mang nghĩa “quà tặng” và cũng có nghĩa “hiện tại.” Như vậy, hiện tại là quà tặng. Ai không sống trong hiện tại là tự mình khước từ quà tặng. Khước từ quà tặng, tức là khước từ niềm vui, hạnh phúc, bình an, và tự chủ ngay trong từng giây phút này của đời mình.

Chúc bạn sống giây phút này, ngay bây giờ thật tràn đầy, sung mãn.

Br. Huynhquảng

[1] Lược dịch từ *Wisdom Tales* (Atlanta: August House:1996),73.

Mời bạn ghé thăm trang <http://brhuynhquang.org/>.

Email liên lạc: brhq@brhuynhquang.org

VỀ MỤC LỤC

BÍ QUYẾT ĐỂ GIỮ CHỒNG

Tác phẩm: Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô - MỤC VỤ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tác giả: D. WAHRHEIT (Lm. Minh Anh, GP. Huế tổng hợp biên tập)

A14. BÍ QUYẾT ĐỂ GIỮ CHỒNG

Tạp chí Red Book xuất bản tại Hoa Kỳ đã có lần báo động như sau: Sau năm năm thành hôn, một số rất lớn những người chồng Mỹ bắt đầu ngoại tình, và một số lớn hơn nữa bị cám

đồ muốn ngoại tình. Tạp chí này giải thích rằng: Thông thường người đàn ông ngoại tình không phải để tìm lạc thú mà để củng cố lòng tự tin.

Nhận định trên đây của tạp chí Red Book xem ra phù hợp với cái nhìn của Kinh Thánh về hôn nhân. Kinh Thánh nói rằng: "*Người đàn ông sẽ lìa bỏ cha mẹ để luyến ái với vợ mình*". Lìa bỏ cha mẹ là hình ảnh nói lên sự trưởng thành và tự khẳng định của con người. Không những chỉ có những con người trưởng thành mới có thể bước vào đời sống hôn nhân, mà chính hôn nhân phải là môi trường giúp con người đảm nhận trách nhiệm làm người và nên trưởng thành hơn.

Một hôn nhân đổ vỡ là một cuộc sống trong đó người ta không tìm thấy được chính mình hoặc không thể tự khẳng định mình. Đó là lý do khiến người chồng hoặc người vợ đi tìm sự khẳng định và niềm tự tin ở một nơi khác.

Sau đây chúng tôi xin gửi tới những người vợ trẻ một bí quyết để giữ chồng. Đó là biết giúp chồng trưởng thành hơn, nghĩa là giúp chồng tìm thấy được niềm tự tin trong đời sống vợ chồng.

1. Trước tiên người vợ hãy nhớ kỹ nguyên tắc mà Kinh Thánh đã đề ra. Đó là người đàn ông lìa bỏ cha mẹ để luyến ái với vợ và nên một với vợ trong thân xác và tinh thần. Muốn nên người, con người cần phải bỏ cung lòng và vòng tay ấm cúng của người mẹ. Tiến trình trưởng thành ấy không ngừng đòi hỏi ra đi và tự khẳng định về mình. Do đó, đối với người đàn ông, sự vượt thoát ra khỏi sự săn sóc và vòng kiểm tỏa của người mẹ là một nỗi khát khao mà họ muốn được thỏa mãn trong đời sống hôn nhân.

Một cách cụ thể, người đàn ông không muốn được vợ cư xử như một đứa con. Không gì làm cho người đàn ông cảm thấy mệt mỏi cho bằng phải sống bên một người vợ lúc nào cũng canh cánh bên mình để nhắc nhở cho mình mọi sự. Từ chuyện ăn uống, đến ngủ nghỉ, phục sức đến chuyện giải trí và giao dịch. Dĩ nhiên người đàn ông nào cũng thích sự săn sóc của vợ. Tình yêu không thể không được diễn tả bằng những hành động cụ thể, nhưng người vợ nên nhớ: họ phải săn sóc chồng như một người vợ chứ không phải như một người mẹ. Một người đàn bà đầu tắt mặt tối lo cơm nước và mọi sự cho chồng chưa hẳn là một người vợ lý tưởng. Công việc ấy một người giúp việc và một người mẹ có thể làm được. Người đàn ông không lập gia đình để được săn sóc chiều chuộng. Người ta thường đề cao sự chiều chuộng như đức tính cơ bản mà một người vợ phải có. Nhưng có trăm nghìn cách để chiều chuộng, mà sự chiều chuộng khiến cho người đàn ông cảm thấy tự ái nhiều nhất là sự chiều chuộng của vợ lại như của một người mẹ. Người đàn ông chỉ cảm thấy đầy đủ tự tin trong gia đình khi những săn sóc chiều chuộng của vợ là một biểu lộ sự âu yếm của tình yêu đôi lứa mà thôi.

2. Có nhiều lý do khiến người đàn bà săn sóc chồng như săn sóc một đứa con. Có người thú nhận: vì cảm thấy chồng không chú ý đến mình đủ, cho nên phải tìm cách săn sóc chồng. Họ chờ đợi nơi người chồng một sự đáp trả tình tứ hơn, lãng mạn hơn, nhưng lắm khi họ chỉ nhận được tâm tình biết ơn của một người con mà thôi.

Tình mẫu tử là một bản năng của người đàn bà. Lúc mới lớn lên, quan sát cách sống của người mẹ, người con gái nào cũng học được cách săn sóc, sự chú ý đến những nhu cầu của người khác. Đó là điểm son trong bất cứ nền giáo dục gia đình nào. Đó là cách thể tốt đẹp nhất để chuẩn bị cho người con gái bước vào đời sống gia đình.

Tuy nhiên, một cách vô tình và vô ý thức, người con gái nào cũng tự nhiên muốn áp dụng bài học săn sóc ấy vào chính người chồng của mình. Thoạt tiên sự săn sóc nào cũng hấp dẫn người đàn ông, nhưng về lâu về dài, khi người đàn ông chỉ nhìn thấy trong sự săn

sóc ấy cách nối dài sự vỗ về và nhất là sự kèm kẹp của mẹ mình, hẳn họ sẽ cảm thấy tự ái; từ đó, trở nên lạnh nhạt với vợ. Có biết bao nhiêu người than phiền rằng, mình đã sẵn sóc lo lắng cho chồng không thiếu món gì, vậy mà chồng vẫn lạnh nhạt và đi tìm những người đàn bà khác. Người vợ nên nhớ, người chồng chờ đợi nơi vợ một cái gì khác hơn là sự sẵn sóc của một người mẹ.

3. Tình yêu được diễn tả bằng sự tôn trọng và sự chấp nhận nhau. Đó là điều mà người chồng nào cũng chờ đợi nơi vợ mình. Chỉ có tình yêu mới mang lại sự tự tin cho người chồng. Sở dĩ nhiều người vợ dành cho chồng một sự sẵn sóc có tính mẫu tử, bởi họ không tin tưởng đầy đủ vào chồng, cũng như không muốn chấp nhận con người của chồng mình.

Chấp nhận con người của chồng nghĩa là chấp nhận cả những khuyết điểm, những đam mê, những sở thích của chồng. Lắm khi thảm cảnh gia đình xảy ra chỉ vì người ta không muốn chấp nhận những khuyết điểm của nhau. Có những người đàn bà bắt chồng phải giống với một lý tưởng trừu tượng nào đó, thay vì chấp nhận con người với những khuyết điểm và yếu hèn của chồng.

Hãy lấy thí dụ một người nghiện thuốc lá. Dĩ nhiên, xét về những nguy hại cho sức khỏe cũng như bao hệ lụy khác, hút thuốc lá là một khuyết điểm. Tuy nhiên, bỏ thuốc lá không phải là chuyện một sớm một chiều. Chúng tôi nghĩ rằng, người vợ không nên ép buộc chồng mình phải bỏ thuốc lá, hoặc tạo sức ép khiến chồng cảm thấy bứt rứt...

Muốn sửa những khuyết điểm của người đàn ông, muốn uốn nắn người đàn ông theo ý mình, muốn thay đổi những thói quen và sở thích mà người đó đã có từ thuở nhỏ là một sai lầm lớn.

4. Văn sĩ Pháp André Maurois đã nói, *"Tình yêu chân thật chỉ có khi những khuyết điểm trở thành kỳ diệu"*, nghĩa là khi người ta biết chấp nhận chúng với khoan dung dịu dàng và óc khôi hài. Hạnh phúc đích thực chỉ có được khi người ta không cảm thấy ước muốn thay đổi điều gì nơi người mình yêu. Lời vàng ngọc sau đây của thánh nữ Têrêxa Hài Đồng Giêsu cần phải được những người vợ trẻ đem ra tâm niệm:

"Bác ái đích thực là chịu đựng mọi khuyết điểm của tha nhân, là không ngạc nhiên về những yếu hèn của tha nhân, và biết xây dựng tha nhân bằng những hành động nhân đức. Nhưng nhất là, bác ái đích thực không được che giấu trong đáy lòng, bởi vì không đốt đèn rồi để dưới đáy thùng. Nhưng để trên giá đèn hầu soi sáng tất cả mọi người trong nhà".

Thánh nữ Têrêxa muốn nói rằng, người ta chỉ chữa trị được những khuyết điểm của người khác bằng gương sáng; hay đúng hơn, bằng tình yêu mà thôi. Điều này hẳn phải là chân lý trong đời sống vợ chồng.

VỀ MỤC LỤC

THỜI SỰ Y HỌC

Sau đây là vài câu chuyện thời sự về y học mời bà con cùng đọc để bảo vệ sức khỏe.

Lại Nói Về Cúm

Hàng năm, cứ vào cuối Hạ, sửa soạn vào Thu là y giới phòng bệnh Hoa Kỳ lại nhận nhíp "mài gương, chuốt kiếm" để chiến đấu ngăn chặn Ông Cúm Bà Co cũng như Cúm Heo Cúm Lợn. Mùa cúm thường bắt đầu vào tháng 11 hàng năm và kéo dài có khi tới tháng 5.

Thực vậy, mới tháng 8 còn nóng nằng mà cơ quan Phòng Bệnh CDC Hoa Kỳ đã thông báo cho bà con là, thuốc chủng ngừa cho Cúm năm 2010 đã sẵn có và nhắc nhở bà con đi chích ngừa. Theo cơ quan này, chủng ngừa là phương pháp hữu hiệu nhất để tránh Cúm tới thăm viếng, hành hạ cơ thể đồng thời cũng tránh được các biến chứng của bệnh như viêm phổi, tai, xoang, khô nước hoặc làm cho các bệnh mãn tính suy tim, tiểu đường trầm trọng hơn. Theo CDC, tại Hoa Kỳ có từ 3000 tới 49,000 tử vong vì cúm, tùy theo loại virus.

Nhớ lại là năm 2009 vừa qua bà con ta phải chích tới hai mũi thuốc mới phòng ngừa được Cúm Hàng Năm và Cúm Heo H1N1. Nhưng năm nay thuốc được chế biến hỗn hợp, cho nên chỉ cần một lần chích là hầu như bảo đảm an toàn với các virus H1N1, H3N2 và một phân loại virus cúm 1 B. Chúng tôi nói "hầu như" là vì theo các nhà chuyên môn, cũng có mười mười lăm % trường hợp dù có chích ngừa mà vẫn bị cúm nhưng nhẹ hơn hoặc cúm vì một dạng virus cúm khác.

Các dược phòng cũng như phòng mạch bác sĩ đều cho hay là họ sẵn sàng chích ngừa rồi. Bà con ở Việt Nam có thể chích ngừa ở Viện Pasteur, các Trung tâm Y tế Dự phòng hoặc phòng mạch bác sĩ.

Vậy xin mời nam phụ lão ấu từ 6 tháng tuổi trở lên đi chích ngừa để cơ thể có đủ thì giờ tạo ra sức đề kháng với 3 loại virus của mùa cúm 2010-2011. Đặc biệt là với các cháu bé, bà mẹ mang bầu, lão nhân từ 65 tuổi sắp lên cũng như người đang có bệnh kinh niên như hen suyễn, tiểu đường, bệnh tim bệnh phổi.

Các cháu dưới 6 tháng cũng dễ mắc bệnh cúm nhưng còn quá bé để nhận vaccin, cho nên người chăm sóc các cháu phải chích ngừa. Những ai chăm sóc người bệnh hoặc nhân viên y tế cũng cần chủng ngừa. Riêng các cháu dưới 9 tuổi mà chưa bao giờ chích ngừa cúm lại cần hai lần chích, cách nhau một tháng.

Không chích ngừa nếu dị ứng với trứng gà, đã có phản ứng với vaccin cúm, trẻ em dưới 6 tháng tuổi. Ai đang bị nóng sốt, nên đợi sau khi hết sốt hãy chích ngừa.

Ngoài chủng ngừa, mỗi cá nhân nên áp dụng sáu bước chống Flu sau đây:

- Tránh tiếp xúc quá gần với bệnh nhân flu để khỏi hít virus từ họ
- Khi bị cúm, nên nghỉ ở nhà cho tới 24 giờ sau khi hết sốt, vừa điều trị dưỡng sức vừa không truyền bệnh cho người khác.
- Che mũi miệng với khăn giấy khi ho hoặc hắt hơi để virus khỏi tung bay trong không khí, truyền bệnh cho mọi người. Ném bỏ khăn giấy đã dùng vào thùng rác
- Rửa tay thường xuyên với nước và xà phòng để loại bỏ virus gây bệnh bám trên tay
- Đùng sờ mũi, miệng mắt để tránh lây nhiễm khi tay dính virus.
- Sống khỏe mạnh, dinh dưỡng ngủ nghỉ đầy đủ, xả stress, uống nhiều nước.

Nếu chẳng may bị xác định mắc Cúm thì cần uống thuốc vô hiệu hóa virus như như thuốc viên/ nước Tamiflu (generic: oseltamivir và zanamivir) hoặc thuốc bột xịt mũi Relenza mà bác sĩ đã cho toa.

Các thuốc này khác với kháng sinh và có thể giúp giảm nhẹ triệu chứng bệnh hoặc rút ngắn thời gian bị bệnh. Điều cần nhớ là thuốc phải dùng sớm, trong vòng 2 ngày sau khi có dấu hiệu bệnh và dùng liên tục 5 ngày.

An Toàn Ăn Trứng

Theo CNN, từ giữa tháng 8, 2010 cho tới hôm nay, cơ quan Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ đã yêu cầu một số trang trại thu hồi cả nửa tỷ quả trứng bị nhiễm với vi khuẩn Salmonella Enteritidis. Đây chỉ là 1/10 của cả 67 tỷ quả trứng được sản xuất hàng năm ở Hoa Kỳ.

Trước đây đã có ý kiến cho rằng vi khuẩn xâm nhập trứng qua những lỗ nhỏ trên vỏ trứng. Nhưng bây giờ có nhiều bằng chứng cho hay trứng bị nhiễm từ khi được cấu tạo trong noãn sào gà mẹ và vi khuẩn thường nằm trong lòng trắng của trứng. Gà ăn chất thải có nhiễm trùng của loài gặm nhấm hoặc từ những con ruồi, bọ. Mới đây, khi thanh tra hai trại gà ở Hoa Kỳ, FDA tìm ra nhiều đồng phân bên cạnh trại nuôi gà với ruồi bay. Có nơi lại rửa trứng với nước chứa Salmonella.

Theo cơ quan FDA, hàng năm nông trại phân phối hơn 2 triệu trứng bị nhiễm Salmonella, và mỗi năm có khoảng 150,000 trường hợp ngộ độc thức phẩm vì trứng nhiễm. May mắn là 91% trường hợp đều tự khỏi trong vài ba ngày và chỉ có khoảng 1% cần điều trị tại bệnh viện. Ấy vậy mà đôi khi cũng có ca trầm trọng, tử vong.

Sau đây là vài phương thức để an toàn tiêu thụ trứng:

- Khi chọn mua trứng, chỉ mua trứng còn nguyên vẹn, vỏ không nứt và sạch.
- Nên để ý tới ngày trứng hết hạn được bán, và chỉ mua trứng được bày trong ngăn tủ lạnh vì để ở ngoài không khí, nhiệt độ trong phòng làm cho trứng rất mau hư và dễ nhiễm độc.
- Mang trứng về nhà, nên cất ngay vào tủ lạnh, xếp đầu nhọn xuống dưới, *đầu to quay lên* trên. Đầu to vỏ cứng hơn, khó vỡ, đồng thời cũng để cho lòng đỏ nằm gọn trong sự che chở của chất kháng sinh ở lòng trắng. Tốt hơn hết là giữ trứng trong hộp nguyên thủy từ tiệm hoặc trong hộp có nắp đậy. Giữ như vậy, trứng vẫn còn tốt, an toàn tới ba tuần lễ. Đôi khi nếu cất giữ ở nhiệt độ thấp và nơi khô ráo, trứng có thể vẫn còn tốt tới sáu tháng.
- Tránh để trứng gần thực phẩm có mùi như hành, tỏi vì trứng dễ hút mùi của các thực phẩm này.
- Không cần rửa trứng trước khi sắp vào tủ lạnh. Trên vỏ trứng, có một lớp màng mỏng tự nhiên hoặc do nông trại nhúng trứng vào một loại dầu không mùi, vô hại để che chở cho trứng khỏi bị vi khuẩn xâm nhập cũng như tránh thất thoát độ ẩm và khí carbon dioxide trong trứng. Vỏ trứng rất xốp để trứng có thể thở. Nhưng đây cũng là nhược điểm vì trứng cũ sẽ mất bớt carbon dioxide khiến hương vị trứng giảm bớt, khoảng không khí ở đầu quả trứng tăng, lòng trắng đổi sang vị kiềm.
- Trứng còn tươi khi đập khỏi vỏ thì lòng đỏ tròn đầy với lòng trắng đặc quánh bao chung quanh. Trứng hư, lòng đỏ xẹp, lòng trắng vừa loãng. Trứng mới thì lòng trắng đục mờ như sữa, đôi khi còn dính vào vỏ khi ta đập trứng ra; trứng cũ thì lòng trắng nom trong hơn.
- Trứng đã nứt vỏ rất mau hư nên cần nấu ngay. Ra khỏi vỏ, trứng có thể giữ trong hộp đậy kín, cất trong tủ lạnh vài ngày. Lòng trắng trứng có thể giữ được một tuần lễ trong tủ lạnh hoặc dăm tháng trong tủ đông lạnh, nhưng lòng đỏ thì chỉ giữ trong tủ lạnh độ vài ngày là hư. Nên thả lòng đỏ trong một bình nước lạnh đậy kín để giữ được lâu hơn.
- Luộc trứng tới khi lòng đỏ và trắng chín hẳn. Trứng đánh cần nấu tới khi khô nước.
- Rửa tay, dụng cụ bếp núc với nước và xà bông sau khi tiếp xúc với trứng sống.
- Đừng để trứng ngoài tủ lạnh quá 2 giờ.
- Không ăn trứng chưa nấu chín.
- Trứng nấu rồi mà không ăn hết cần được cất ngay vào tủ lạnh.

Các điều trên đây cần được áp dụng cho mọi người, đặc biệt là với các cháu bé, quý lão ông lão bà, người suy miễn dịch như là đang điều trị với thuốc steroid, bệnh HIV, tiểu đường, đang hóa trị ung thư...

Tháng 9, tháng Hướng dẫn về Cholesterol

Cao cholesterol vẫn là mối e ngại của mọi người vì hậu quả trầm trọng của tình trạng này. Do đó, y giới Hoa Kỳ đã dành trọn tháng 9 hàng năm là Tháng Hướng Dẫn Quốc Gia về Cholesterol (National Cholesterol Education Month).

Xin cùng nhau cập nhật về chất béo này.

Cholesterol là gì?

Cholesterol là một loại chất béo mềm như sáp lưu hành trong dòng máu. Chất này có nhiều vai trò quan trọng trong cơ thể như là cấu tạo màng tế bào, tiền chất của nhiều hormon và muối mật.

Cholesterol từ đâu mà ra?

Có hai nguồn cung cấp cholesterol cho cơ thể, đó là gan và thực phẩm

Gan và một số tế bào khác tổng hợp khoảng 75% cholesterol và 25% do thực phẩm động vật cung cấp.

Thực phẩm chứa nhiều chất béo bão hòa như thịt mỡ, lòng đỏ trứng, tôm cua sò vẹm và sữa nguyên dạng là nguồn cholesterol.

Có vai trò quan trọng, tại sao lại có hại?

Dù cần thiết nhưng khi quá cao trong máu thì cholesterol lại là rủi ro gây ra các bệnh tim mạch với hậu quả là tai biến não, cơn đau tim. Mỗi ngày, tại Hoa Kỳ có khoảng 2300 tử vong vì bệnh tim mạch, nghĩa là cứ mỗi 38 giây đồng hồ là một người mất phần.

Thế nào là quá cao?

Cholesterol toàn phần: Lý tưởng là dưới 200mg/dl; từ 240mg/dl trở lên là cao.

LDL (cholesterol xấu): dưới 100mg/dl là tốt nhất; trên 160mg/dl là cao.

HDL(cholesterol Tốt): từ 60mg/dl là tốt mà dưới 40mg/dl là thấp

Triglycerid: dưới 150mg/dl là bình thường mà trên 200 là cao.

Sở dĩ LDL coi là "xấu" vì nếu có quá nhiều trong máu, chúng sẽ kết tụ thành những mảng vữa trong lòng động mạch, gây ra tắc nghẽn sự lưu thông của máu, lâu ngày sẽ gây bệnh tim.

Còn HDL tốt vì chúng giúp đưa cholesterol cao từ máu về gan để loại ra ngoài.

Các nhà y khoa học đề nghị mọi người từ 20 tuổi trở lên, nên đo cholesterol trong máu mỗi 5 năm.

Làm sao để hạ cholesterol quá cao trong máu

Chẳng may cholesterol lên cao thì nên nhờ bác sĩ gia đình hướng dẫn điều trị với dược phẩm, thay đổi nếp sống và áp dụng chế độ dinh dưỡng tốt cho tim mạch.

- Dược phẩm gồm mấy loại chính như sau:

Nhóm statin làm giảm sản xuất cholesterol ở gan như Lipitor, Pravachor, Zocort...

Nhóm resins ngăn cản sự hấp thụ cholesterol ở ruột non như Questran, Colestid.

Nhóm fibrates tăng HDL, giảm triglycerides, như Lopid

Nhóm Niacin giảm LDL, cholesterol, tăng HDL như nicotinic acid.

Bác sĩ sẽ lựa dược phẩm thích hợp cho mỗi bệnh nhân.

- Dinh dưỡng lành mạnh với nhiều rau trái cây, các loại hạt nhiều chất xơ, thịt nạc, hai lần cá mỗi tuần lễ, sữa giảm chất béo.

- Vận động cơ thể mỗi ngày 30 phút như đi bộ, đi xe đạp, bơi lội, khiêu vũ...tùy theo sở thích và sức khỏe cho phép.

Một vài ngộ nhận:

Tôi gầy thì cholesterol đâu có cao

Gầy béo đều có thể bị cao cholesterol nhưng dân mập phì dễ bị cao hơn. Hơn nữa, người gầy lại thường ỷ y, ăn vung vít đủ các loại thịt chứa nhiều chất béo bão hòa, hoặc thực phẩm chiên rán với trans fat. Cho nên, dù gầy cũng cần thử cholesterol trong máu.

Cholesterol là chuyện của liền ông chứ đâu có "ăn nhậu" gì với liền bà chúng tôi.

Cao cholesterol là vấn đề của cả nam thanh nữ tú. Có điều là, khi đang còn ở tuổi sanh đẻ thì quý bà quý cô được sự che chở của hormon nữ estrogen, nâng cao HDL. Nhưng khi ở tuổi mãn kinh, estrogen giảm dần thì triglyceride và cholesterol lại có chiều hướng lên cao đấy.

Bác sĩ cho tôi uống thuốc hạ cholesterol rồi thì đâu cần kiêng khem.

Vẫn cần giới hạn chất béo bão hòa. Dược phẩm thường được chỉ định cho người bị

cholesterol cao dù là đã áp dụng dinh dưỡng lành mạnh, vận động cơ thể mỗi ngày hoặc cho người có rủi ro bị bệnh tim mạch, tai biến não.

Ngộ nhận còn nhiều. Xin hẹn kỳ tới

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D. Texas- Hoa Kỳ

VỀ MỤC LỤC

LÒNG THAM - Chuyện phiếm của Gã Siêu

Đang ngồi ngáp vặt, bỗng gã vớ được bài thơ " Hôm qua em đi sộp-ping" của Hí Yêu, được nhái theo bài "Đi chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp:

- Hôm qua đi shopping,
Trời vừa rạng bình minh.
Em thức dậy trang điểm,
Soi gương cũng...ừa nhìn.

Rừng rinh cái hầu bao,
Em diện thật mốt vào.
Quần áo toàn "hàng độc",
Kém gì các ngôi sao.

Đường đến shop xôn xao,
Người mua bán mời chào.
Gặp một chàng tốt mã,
Nhìn em, rồi "kết" nhau.

Em đi, chàng theo sau,
Em vào shop hơi lâu.
Lựa toàn đồ cao cấp,
Thăm nghĩ: chàng có giàu?

Chợt chàng bỏ đi mau,
Em chả hiểu gì đâu.
Hàng em chưa thanh toán,
Chả nhẽ chàng...không giàu?

Đọc xong bài thơ này gã bỗng nghiệm ra rằng: Trong những năm gần đây phe đồn bà

con gái bỗng dưng mang thêm trong người một thứ máu được gọi là máu "sốt-ping", mắc thêm cho mình một thứ hội chứng được gọi là "hội chứng siêu thị", và tập thêm cho bản thân một thói quen được gọi là thói quen mua sắm.

Thực vậy, hể rảnh rỗi là họ bèn rủ nhau đi siêu thị, vừa được thưởng thức cái không khí mát rượi từ những chiếc máy lạnh tỏa xuống, vừa được ngắm nhìn những mặt hàng với đủ mọi thứ mẫu mã.

Hể thấy chương trình khuyến mãi ở nơi nào, lập tức họ kéo nhau tới đó, mua sắm đủ mọi thứ linh kinh. Mua từ những cái cần thiết tới những cái dư thừa vô tích sự. Sắm cho đến khi không còn một "đồng tiền chì" dính túi, bất đắc dĩ phải ra về mà đôi mắt vẫn còn thêm thường và cõi lòng vẫn còn tiếc ngẩn tiếc ngơ...

Thật tội nghiệp cho những anh bồ, phải đau xót dốc những đồng bạc cuối cùng trong hầu bao, để mà thanh toán. Đồng thời cũng thật tội nghiệp cho những anh chồng, phải lẻo đẻo theo vào và khệ nệ bước ra, mồ hôi mồ kê chảy xuống đầy mặt rùng rùng. Phe đồn ông con giai chỉ còn nước thở dài thườn thượt và mặt mũi bỗng trở nên ủ dột như bánh bao chiều.

Hiện tượng đi sốt-ping hay đi siêu thị này đã làm cho gã nhớ tới một vài sự kiện đáng buồn đã xảy ra, mà báo Tuổi Trẻ Cười đã từng đăng tải:

Cách đây mấy năm, bà giám đốc công ty bia Huế, đang thời kỳ ăn nên làm ra, phất lên trông thấy, tiền bạc rủng rinh...nhân chuyển xuất ngoại, bà vào liền siêu thị ở Bangkok Thái Lan, nhưng lại chôm của người ta cặp kính trị giá xêm xêm 300 đô Mỹ.

Bị bảo vệ tóm được, thay vì cúi đầu nhận tội, rồi trả lại là êm, đằng này bà tưởng chức giám đốc của xứ Việt ta to cỡ...ông Trời, khiến bảo vệ xứ họ nghe xong liền bị té xỉu, nên bà mới cãi chày cãi cối, tưởng họ sẽ tin rằng mình đây là "quan thanh bạch".

Thấy bà ta già mồn, họ bèn giữ lại. Vừa bị ra tòa, vừa phải bồi thường, nhưng cái mất lớn nhất của bà là mất danh dự, mất niềm tin...Và cái nhục nhất là bà quên mất cả quốc gia quốc thể, cứ khăng khăng bảo rằng mình vô tội theo kiểu "lý sự cùn". Cặp kính thì bé mà chức giám đốc thì to, cuộc trao đổi này quả là không ngang giá đối với một nhà kinh doanh có tên tuổi.

Liền sau biến cố trên, một chị Thành đoàn sang Singapore để học tiếng Anh, cũng vào siêu thị và cũng đã "cầm nhầm" một món đồ trị giá 300 đô Singapore.

Và cách đây không lâu, tôi ghé một siêu thị để mua sắm. Đang lúc say sưa ngắm nhìn hàng hóa, tôi nghe tiếng ồn ào nơi quầy thực phẩm. Chạy vội ra, tôi thấy bảo vệ siêu thị đang dẫn độ một chị bụng bầu vào phòng riêng. Tò mò, tôi nín áo một bà để hỏi. Bà ta trả lời:

- Mẹ này nhè lúc mọi người không để ý, bèn chôm luôn chai rượu ngoại cho vào...ống quần. Bị bảo vệ bắt cũng đáng đời, rõ đồ tham lam.

Báo "Tuổi Trẻ Cười" cũng đã ghi lại những lời bình luận và phê phán về những sự việc kể trên.

Kẻ cảm thông thì bảo:

- Đàn bà phải đối mặt với cuộc sống vật chất cụ thể hơn đàn ông. Họ có ý thức chặt chiu, nhặt nhạnh.

Người tức giận thì kết án một cách gay gắt và phát biểu một cách cay cú:

-Đàn bà là động vật có tính tham lam. Bởi thế, các chàng trai chỉ cần có xe xịn, bộ vó hợp thời trang, dẫn các "ẻm" vô nhà hàng sang trọng mấy lần là "đổ" lẫn long lóc...

Trong tiếng Pháp, người ta dùng từ "cleptomanie" để chỉ cái tính, cái thói, cái tật ăn cắp.

Có những người, tiền bạc không thiếu nhưng vẫn cứ thích ăn trộm ăn cắp, dường như

họ không thể nào chống lại cái khuynh hướng điên cuồng này, cũng như không thể nào vượt thắng được những cơn cám dỗ mạnh mẽ ấy. Và thiên hạ cho đó là một chứng bệnh, một sự lệch lạc về tâm lý.

Tuy nhiên, theo gã nghĩ tất cả những sự việc đáng tiếc đã xảy ra chỉ vì lòng tham không đáy của mình, chứ bệnh hoạn hay lệch lạc tâm lý chẳng là bao.

Sách Cổ Học Tinh Hoa kể lại rằng:

Nước Tần có kẻ hiếu lợi, một hôm ra chợ gặp cái gì cũng lấy. Anh ta nói:

- Cái này tôi ăn được, cái kia tôi cũng dùng được.

Lấy rồi đem đi. Người ta theo đòi tiền, thì anh ta bảo:

- Lừa tham nó bốc lên làm mờ cả hai con mắt. Bao nhiêu hàng hóa trong chợ, tôi cứ tưởng của tôi cả, không còn trông thấy ai nữa. Thôi, các người cứ cho tôi, sau này tôi giàu có, tôi sẽ đem tiền trả lại.

Người coi chợ thấy anh ta càn dỡ, đánh cho mấy roi, bắt của ai phải trả lại cho người ấy. Cả chợ cười ồ. Nhưng anh ta quát mắng:

- Thế gian còn nhiều kẻ ham lợi, thường dùng trăm phương ngàn kế ngấm ngấm lấy của người. Ta đây tuy thế, song lấy giữa ban ngày, so với những kẻ ấy thì lại chẳng hơn ư? Các người cười ta là các người chưa nghĩ kỹ!

Người kể lại câu chuyện trên, đã thêm vào một lời bàn như sau: "Kẻ thấy của liền tối mắt, tham vàng bỏ nghĩa, thì dù ít dù nhiều cũng đều đáng khinh. Song đem những kẻ tai to mặt lớn, vì ham mê phú quý mà lừa thầy phản bạn, hại ngấm đồng bào, so với những quân cướp đường cướp chợ giữa ban ngày để nuôi miệng, thì tội đáng nặng hơn biết bao nhiêu. Thế mà trách đời chỉ biết cười chê những quân trộm vặt, chứ không biết trừng trị những kẻ đại gian đại ác".

Đúng thế, qua những tin tức nhận được, gã thấy có những vị quan tham đã nuốt trứng hàng tỷ bạc của dân của nước, bằng những hành động tham nhũng hay nhận của hối lộ, để rồi cuối cùng đã nằm bóc lịch trong chốn lao tù, kết thúc một cuộc đời đã từng vang bóng một thời.

Theo định nghĩa, tham là ham muốn thật nhiều cho riêng mình, bất kể danh dự và liêm sỉ. Phải làm mọi cách để vơ vét về, cho dù có đập lên người khác hay vùi dập họ xuống tận bùn đen, thậm chí còn lấy đi cả chêm cơm manh áo của những người nghèo hèn, thấp cổ bé miệng.

Tiền bạc nhiều khi đã che kín đôi mắt và làm mờ cả lương tâm, để rồi người ta sẵn sàng lừa thay phản bạn, coi tình nghĩa nhẹ như...lông hồng, chẳng còn tí "gờ-ram" nào cả,

Truyện kể lại rằng: Vua Hàm Nghi chống Pháp không lại, phải bỏ kinh thành chạy vào rừng, truyền hịch cần vương đi khắp nơi. Từ tháng 5 năm 1885 tới tháng 6 năm 1888, ròng rã hơn 3 năm, ngài cùng bầy tôi trung thành, lặn lội trong rừng sâu nước độc, để tránh những cuộc lùng bắt của quân Pháp.

Dần dần vì quá cực nhọc và đói khát, các bầy tôi tòng vong cũng bỏ ngài mà trở về đầu hàng quân Pháp, đến nỗi Tôn Thất Thuyết, người chủ động cuộc chống Pháp, cũng viện cớ sang Tàu cầu viện, rồi đi luôn. Chỉ còn Tôn Thất Thiệp (con của Thuyết) vẫn một lòng theo ngài cách trung thành. Trong khi đó, quân Pháp treo giải thưởng thật hậu cho ai chỉ được tông tích nhà vua, hoặc bắt ngài đem nộp.

Trương Quang Ngọc, một thổ tù người Thượng, đang chứa vua trong nhà, nghe được tin chính phủ bảo hộ treo giải thưởng to, liền đích thân đến báo tin cho đại tá Boulanger và dắt viên sĩ quan này về nhà. Vua Hàm Nghi thấy vậy liền mắng:

- Thăng Ngọc, mày hãy giết tao đi, còn hơn đem nộp tao cho Pháp.

Vì thế, người đời mới có câu:

- Tham vàng bỏ nghĩa.

Cũng vì lòng tham mà nhiều kẻ giăng bẫy và cũng vì lòng tham mà khối người sập bẫy. Bằng chứng là những vụ giết hại, bể nợ lên tới tiền tỷ xảy ra như cơm bữa tại Việt Nam. Kẻ đi vay thì muốn xới tái tiền bạc của người cho vay. Còn người cho vay thì ham lãi xuất cao, để rồi cuối cùng kẻ đi vay thì cao chạy xa bay, còn người cho vay thì dở mếu dở khóc.

Nếu chịu khó phân tích, gã sẽ thấy được rằng: Phàm đã là người, thì ai cũng có máu tham trong mình. Kẻ nhiều người ít, bởi vì khi đã cầm cuốc, thì ai mà chẳng cuốc vào. Ăn thua là mình có quản lý chặt chẽ được cái lòng tham ấy hay không?

Hơn thế nữa, lòng tham thì không đáy theo kiểu đứng núi này trông núi nọ, được voi đòi tiên, đồng thời lại còn được liên tục phát triển qua nhiều lãnh vực khác nhau. Người ta không phải chỉ tham tiền tham bạc, tham của cải vật chất, mà còn tham nhiều thứ linh kinh khác nữa.

Thế nhưng, một khi đã rơi vào cái "quĩ đạo của lòng tham", chắc chắn thế nào cũng sẽ phải ngậm đắng nuốt cay, cúi mặt lãnh đủ những hậu quả thảm khốc của nó, như người xưa đã bảo:

- Lòng tham không đáy, cái họa tày trời.

Ngoài chuyện tham tiền bạc của cải vật chất như đã trình bày, gã xin đưa ra một vài loại tham thông thường cùng với những hệ lụy kèm theo.

Thứ nhất là...tham ăn.

Ai trong chúng ta cũng đã từng hơn một lần kinh nghiệm về chuyện này. Vớ được một món khoái khẩu nào đó, ta liền xới cho đầy cái bao tử, ta liền ních cho chặt cái dạ dày, để rồi đang êm bị Tào Tháo rượt, chạy có cớ, hay nằm ôm bụng đau quặn đau quại mà rên lên:

- Ứ hự.

Chính vì thế, người Tàu đã từng đề cao cảnh giác:

- Nhân tham tài nhi tử, diểu tham thực nhi vong. Có nghĩa là người tham tiền mà chết, chim tham ăn mà toi mạng.

Còn cha ông chúng ta thì khuyên nhủ:

- Chim tham ăn sa vào vòng lưới,

Cá tham mồi, mắc phải lưới câu.

Ai ơi, nên phải nghĩ sâu,

Noi gương chim cá mai sau răn mình.

Nói tóm lại, đúng như tục ngữ đã xác quyết:

- Tham thực cực thân.

Thứ hai là..tham sắc.

Đó là đam mê sắc đẹp của phe đờn bà con gái, say đắm chuyện tình dục. Sự mê đắm quá độ này thường dẫn tới hai hậu quả thảm khốc.

Trước hết, bản thân sẽ mắc phải những chứng bệnh hiểm nghèo.

Ngày xưa, người ta đã viết về vua Lê Long Đĩnh, còn được gọi là "Lê Ngọa Triều" như sau:

Long Đĩnh là một ông vua bạo ngược và hiếu sát nhất trong lịch sử nước ta. Cái ác của Long Đĩnh sánh tựa Kiệt Trụ bên Tàu. Sau khi lập nưư ám sát anh rồi, lên làm vua Long Đĩnh thường lấy sự giết người làm trò chơi. Khi thì Long Đĩnh sai lính quần có tẩm dầu quanh mỗi tù nhân, rồi châm lửa đốt sống như bó đuốc. Khi thì treo tội nhân trên cây, rồi sai người đốn cây cho đổ mà chết. Khi thì bỏ người vào sọt, rồi đem thả xuống sông cho sặc nước mà chết. Có khi bắt nhà sư quì xuống, để mía trên đầu mà róc vỏ, đôi khi giả vờ lỡ tay cho dao bổ vào đầu nhà sư, rồi lấy làm thích chí và vỗ tay cười ngặt nghẹo.

Lúc còn sống vì quá hoang dâm, tửu sắc nên mắc bệnh, phải nằm mà coi triều, nên người thời bấy giờ mới gọi là "Ngọa triều đế".

Ngày nay, không thiếu gì những người cũng vì tham lam chuyện...ấy, nên đã mắc phải căn bệnh thể kỷ, căn bệnh sida, căn bệnh aid...khiến cho tương lai bị khép lại và cuộc đời bị tắc nghẽn.

Tiếp đến, vì đam mê sắc dục, dính dáng vào những chuyện tình cảm lem nhem mà tiêu ma tất cả sự nghiệp, mình đã chắt chiu vun trồng trong bao nhiêu năm tháng.

Ngày xưa, người ta đã nói nhiều về vua Kiệt và vua Trụ, là hai ông vua tàn bạo và hoang dâm.

Vua Kiệt là vị vua cuối đời nhà Hạ. Lúc còn hùng mạnh, đã đem binh đi đánh họ Hữu Thi. Họ này thất thế chịu thua, bèn dâng nàng Muội Hỉ. Kể từ ngày đó, vua Kiệt dâm ra mê say Muội Hỉ, bỏ bê việc triều chính, ăn chơi trác táng, mua vui với nàng trong những cuộc hoan lạc thâu đêm suốt sáng. Sau bị Thành Thang cướp mất nước.

Còn vua Trụ là vị vua cuối đời nhà Ân, đam mê nàng Đắc Kỷ, giết hại trung thần, hoang dâm vô độ, sinh linh ca thán. Sau cũng vì Đắc Kỷ mà bị tan tành sự nghiệp, như cụ Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm "Luc Vân Tiên" đã diễn tả:

- Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,

Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.

Ngày nay, không thiếu gì những vị tai to mặt lớn, dính dáng vào những chuyện tình cảm lem nhem mà bị thân bại danh liệt. Tổng trưởng chiến tranh của Anh Quốc ngày nào mất chức vì lẹo tẹo với cô gái Christine Keller. Tổng thống Clinton nước Mỹ suýt đo doong vì những liên hệ ngoài luồng với cô nữ tập sinh Monica...

Sau cùng là...tham quyền.

Danh vọng, địa vị và quyền lực được sánh ví như một chiếc ghế. Và chiếc ghế này đã hấp dẫn đối với nhiều người, khiến họ dồn mọi thời giờ, bỏ ra mọi công sức, vất tay lên trán để moi cho ra mọi phương thế, kể cả những phương thế độc ác, dã man và bất chính, như thanh toán kẻ địch và khử trừ đối phương, cố gắng leo lên chiếc ghế cho bằng được.

Và khi đã ngồi vào được chiếc ghế, thì lại phải cố gắng tạo thêm vây cánh, lập thêm phe nhóm để củng cố cho chiếc ghế được vững chắc và mình sẽ ngồi được lâu dài hơn, không chừng lại được truyền từ đời bố đến đời con, hay từ đời anh đến đời em, bỏ ngoài tai những lời kết án cho mình là độc tài, là gia đình trị...

Thế nhưng, danh vọng, địa vị và quyền lực là như của đồng lần thiên hạ tiêu chung. Nó được chuyển từ tay người này sang tay người khác. Có khi chỉ vì một biến cố, một sự kiện mà hôm qua mình đang còn được hoan hô, thì hôm nay đã bị đả đảo, Hôm qua mình đang lên voi, thì hôm nay đã bị xuống chó. Hôm qua mình là người có công với đất nước, thì hôm nay đã trở thành kẻ mắc tội đối với đồng bào của mình.

Sau khi đã tán hươu tán vượn về những chuyện cũ và chuyện mới, chuyện đông và

chuyện tây, gã xin trở về với điểm xuất phát, đó là lòng tham.

Lòng tham cũng là một yếu tố thuộc con người. Vì thế, chúng ta cần phải được giáo dục, cần phải được rèn luyện về phương diện này, để trở thành những người có bản lĩnh, thẳng vượt được những cám dỗ của lòng tham, cũng như biết tôn trọng đức công bằng trong cuộc sống thường ngày, nghĩa là dứt khoát không lấy cái không phải là của mình và phải hoàn trả cho người khác cái của họ.

Việc giáo dục và rèn luyện này phải được bắt đầu từ khi còn tằm bé, ngay trong bầu khí gia đình, bởi vì gia đình chính là mái trường đầu tiên dạy cho chúng ta những bài học làm người.

Một đứa bé giật đồ chơi của bạn, người mẹ thay vì khen nó lanh, thì hãy nó phải xin lỗi. Một em nhỏ lượm được tiền người khác đánh rơi, người mẹ thay vì khen nó khôn, thì hãy bắt nó phải trả lại cho khổ chủ mà nó đã biết....Làm như vậy đứa bé sẽ dẹp bỏ được phần nào lòng tham của mình và sau này nó sẽ không trở thành một tên trộm, chuyên môn chôm chĩa của người khác, bởi vì:

- Ăn cắp quen tay,

Ngủ ngày quen mắt,

Ăn vặt quen mồm.

Gã Siêu gasiu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
